

NAM TỰ-DO, trừ những nơi quá hẻo lánh, không có trạm, sợ thất lạc.  
Nếu bạn muốn gửi ra ngoại-quốc, xin bạn chịu tiền cước phí riêng. Mỗi số Phô-Thông gửi bằng phi-cơ ra ngoại quốc, phải chịu tiền cước phí 24\$.



Phô-Thông Trung-Thu, bìa do Họa-sĩ DUY-LIÊM trình bày rất trang nhã, bài chọn-lọc đặc-biệt. Đại-khái mục-lục như sau đây :

- ✱ Thơ Trung-Thu, của các Nam-Nữ Thi-nhân Tao-đàn Phô-Thông,
- ✱ Trung-Thu trong Chiến-khu. . . . . THIẾU-SƠN
- ✱ Khoa-học: chụp hình Mặt Trăng . . . . . ZDENEK KOPAL  
(Giáo-sư Thiên-văn-học, Đại-học-đường Manchester)
- ✱ Lịch-sử Tết Trung-Thu của Tàu . . . . . NGUYỄN TRIỆU
- ✱ Lịch sử Tết Trung-Thu Việt-Nam . . . . . SONG-AN
- ✱ Khái-Huag bị thủ tiêu vì 2 câu đối . . . . . KIM-TUỞNG
- ✱ Trăng Thu trong Ngục-thất (Thơ). . . . . NGUYỄN-VỸ
- ✱ Mài gương dưới bóng trăng tà. . . . . NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM
- ✱ Những giọt mưa Thu (truyện ngắn) . . . . . PHONG-CẨM
- ✱ Thơ Thu. . . . . NGUYỄN-THU-MINH
- ✱ Trăng Thu năm cũ (chuyện ngắn). . . . . HOÀNG-THẮNG
- ✱ Cách làm Bánh Trung-Thu . . . . . Bà THƯỜNG-LẠC
- ✱ Chuyện vui Trung-Thu cho các em:  
  Công-Chúa muốn Mặt-Trăng. . . . . LÊ-QUANG-XUÂN
- ✱ Minh ơi! Chừng nào chúng ta lên Trăng được? DIỆU-HUYỀN
- ✱ Chuyện cũ người xưa : Tiếng sáo đêm Thu . . . . . TÂN-PHONG
- ✱ Giấc ngủ của Đa-Vi (truyện ngắn quốc-tế) . . . . . NGÔ-THỊ-CỨC
- ✱ Văn-sĩ tiền-chiến : MỘNG-SƠN . . . . . NGUYỄN-VỸ
- ✱ Và nhiều Thơ, chuyện ngắn, chuyện vui, hồi ký, v. v. . . .  
  Trình bày đặc-biệt

# PHÔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM  
PHỔ BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỒ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ  
Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài-gòn — Đ. T. Sài-gòn 307



BỘ MỚI SỐ 18 ✱ 31-8-1958

	trang số
1.— Rút kinh - nghiệm II . . . . . Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Cuộc hội kiến giữa Nguyễn-Huệ và La-Son Phu-Tử . . . . . Phong-Cẩm	10 — 16
3.— Chuyện cũ người xưa : Khổng-Tử thua đũa con nít . . . . . Tân-Phong	17 — 20
4.— Xứ Đàng-Nai và Công-Chúa Ngọc- Vạn . . . . . Thái-văn-Kiểm	21 — 29
5.— Một đời người . . . . . Thiếu-Sơn	30 — 34
6.— Nha-trang sương-mờ (thơ) . . . . . Huỳnh-Tấn	— 35
7.— Đường hai ngã (chuyện ngắn) . . . . . Hoàng-Thắng	36 — 39
8.— Những điểm tương đồng trong lịch-sử Việt-Hoa . . . . . Minh-Kha	40 — 42
9.— Chờ mong (thơ) . . . . . Tuyết-Hương	43
10.— Tủ-Trang trả đũa Nguyễn-công- Trứ . . . . . Lương-trọng-Minh	44 — 49

11.— Norton I, hoàng-đế nước Mỹ . . . . .	Tân-Phong	50 — 54
12.— Guglielmo Marconi . . . . .	Duy-Hòa	55 — 58
13.— Đoàn xe đi trong đêm tối (chuyện ngắn quốc tế) . . . . .	Nguyễn-thanh-Ngọc	59 — 61
	Phương-Duyên	62
14.— Vào-Sầu (thơ) . . . . .	Nguyễn-Vỹ	63 — 68
15.— Văn-sĩ, thi-sĩ tiền chiến: Lê-văn-Trương	Nguyễn Triệu	69 — 71
16.— Phố Hiến . . . . .	Cô Phương-Thu	72 — 73
17.— Gia-chánh . . . . .	Thái-thúc-Diễn	74 — 77
18.— Tôi làm phim . . . . .	Cô Bình-Minh	78 — 80
19.— Xã-giao . . . . .		
20.— Phê-bình sách: Những chuyến đi của Huệ-Hồng . . . . .	Thiếu-Sơn	81 — 86
	Nguyễn-Vỹ	87 — 88
21.— Tao đàn Phở-Thông . . . . .	Vi-Huyền-Đặc	89 — 92
22.— Có gái diên (truyện dài), . . . . .	Cô Diệu-Huyền	93 — 99
23.— Minh ơi! Đêm qua em thấy chiêm bao .	Gia-hưng-Bạc	100 — 103
24.— Lấy cô vợ đẹp (chuyện nhân vui) . . . . .	Kim-Chương	104
25.— Thẹn (thơ) . . . . .	Nguyễn-Thu-Minh	105 — 108
26.— Những người đôi mươi . . . . .	P.T.	109 — 110
27.— Giới thiệu sách báo mới . . . . .	Cô Vân-Nga	111 — 115
28.— Kiên trinh (truyện dài) . . . . .	Ba-Tèo	116 — 118
29.— 4.000 năm ca dao . . . . .	Cô Bạch-Yến	119 — 130
30.— Đáp bạn bốn phương . . . . .		

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu. . . . . Cô Diệu-Huyền  
 Tranh vẽ . . . . . Họa sĩ Ngọc-Tài

- ★ Bản kẽm . . . . . Nguyễn-Điều
- ★ Bìa Offset . . . . . Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỞ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-x: « Trích Tạp-chi PHỞ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
  - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

# Rút KINH - NGHIỆM

II



Nhóm Tự-Lực Văn-đoàn đã tự-đắc là thành-công, chính là nhờ hoàn-cảnh xã-hội và Văn-hóa của nước Việt-Nam lúc bấy giờ, chứ không phải là hoàn-toàn do cái tài-nghệ gì của các nhà Văn nhóm Tự-Lực, xét về nghệ-thuật văn-chương thuần-túy, thì hành-văn của Nhất-Li-h không thể nào sánh kịp với Lan-Khai, Nguyễn-Tuân, Tchyra, hay Vũ-trọng-Phụng, thơ của Thế-Lữ đâu được điều-luyện và súc-tích dồi dào bằng Huy-Thông, Xuân-Diệu, hay Chế Lan-Viên? Nhưng tài năng của các nhà Văn Thơ rời-rạc, chỉ đeo đuổi lý-tưởng thuần-túy Văn-nghệ chứ không muốn tranh-giành với ai, không muốn lập thành « Văn-đoàn », cứ thường bị nhóm Tự-Lực hoặc dim trong bóng tối, hoặc đã phá với lối phê-bình thiên-vị, và bút-chiến tàn-nhẫn, làm cản-trở khá nhiều sự tiến-triển của các giá-trị Văn-hóa, đang bộc-phát đồng-thời với họ.

Ngay như bốn chữ « Tự Lực Văn Đoàn » đã chẳng có ý-nghĩa gì rồi, vì thời bấy giờ có nhà văn nào là không tự sức mình cố gắng đóng góp một phần vào cuộc phát triển chung của Văn hóa nhân dân? Không ai muốn lập « Văn đoàn » vì không ai nghĩ đến sự chia rẽ trên lãnh vực Văn hóa thuần túy đó thôi.

Nếu chủ trương xã hội của nhóm PHONG HÓA là dùng chất hài hước để đã phá cả đến những yếu tố tốt đẹp của xã hội Việt Nam đương thời, chủ trương có tính cách hoàn toàn phản dân tộc, thì chủ trương văn nghệ của Tự Lực Văn Đoàn cũng lại phản bội cả Văn nghệ nhân dân đang thời kỳ bành trướng. Còn cái chân giá

trị về tư tưởng và nghệ thuật Thi Văn của các sản phẩm Tự Lực Văn Đoàn thì không có gì đáng được xác nhận tuyệt-đối.

Chúng có cụ thể nhất, là hai mươi năm qua, dân tộc Việt-Nam đã tiến triển rất nhiều trên mọi phương diện, mà ông Nhất-Linh, là linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn, chưa chứng tỏ cho ta thấy ông tiến được một bước nào trong nghệ thuật Văn chương và trong tư tưởng. Nhiều người lại cho rằng những cái gì ông viết dạo sau đây lại còn kém hơn những cái ông đã viết trước kia.



Tôi tin rằng các thế-hệ sau sẽ kiểm điếm lại cái chân giá trị Văn-chương và xã-hội của các tác-phẩm Tự-Lực Văn-đoàn, một cách vô-tư và đúng-đắn.

Chúng ta hiện còn là những người sống đương-thời với các nhà Văn của nhóm ấy, cho nên đã phải chịu hậu-quả không tốt mà họ đã gây ra trong Văn-Học-sử hiện-đại.

Dù sao, tính-chất Văn-phiệt của nhóm « Tự-Lực » đã thành-công trong việc gây cho họ một uy thế « thần-thánh » gần như « bất khả xâm phạm » đối với một số thanh - niên đương - kim. Nếu trên địa-hạt chính-trị, kẻ độc-tài phong-kim, dùng chiến-thuật mảnh lời và gươm súng, đề uy-hiệp đa-số nhân-dân, đã có thể đóng vai trò chúa-tể trong một thời-gian lịch-sử nào đó, thì sau khi giai-đoạn chấm dứt, không sớm thì muộn thế nào Lịch-sử sẽ nghiêm-khắc kết-án bọn gian-hùng. Bọn đó chỉ lừa gạt được một số dân-chúng mà thôi, chứ không thể lừa gạt được Lịch-sử. Câu nói bất-hủ của Abraham Lincoln là một bài học đề cho các dân-tộc suy nghiệm mãi mãi.

Trên lĩnh-vực Văn-học cũng thế. Một người có thực-tài mà kiêu-căng như Phạm-Quỳnh, hay một người kém cỏi như Nhất-Linh, chỉ có thể hãnh-diện với một số người đương thời, nhờ một uy-thế giả-tạo nào đó trong một thời-gian nào đó thôi. Lịch-sử Văn-học sẽ phân-tách các tác-phẩm của họ, tìm đúng chân giá-trị của họ, nhận-xét công-bình về tác-phong của họ trong thời-đại, và sẽ đặt họ ngồi lại đúng vào chỗ, chứ không thể thần-thánh-hóa họ, như một bọn che tày có mặc-cầm nô-lệ. Những kẻ đã theo sát tình-hình Văn-học hồi tiền-chiến, những nhà nghiên-cứu Văn-học-sử khách-quan; đứng ngoài-cuộc mà phê bình, chắc đã hiểu rõ những hoàn-cảnh xã-hội và

những lý-do nhờ đó nhóm Tự-Lực Văn-đoàn đã gây được thế-lực trên Văn-đàn Việt-Nam. Thế-hệ văn học và trí thức hiện nay cũng đã nhận xét rõ-rệt cái giá-trị thật-sự của Văn-chương Tự-lực Văn-đoàn, thì cái uy-thế kia liệu sẽ có xứng-đáng chăng ?

Một bằng chứng rõ-rệt là chính bây giờ Nhất-Linh cũng thú nhận rằng ông đọc lại tất cả các tác-phẩm của ông viết hồi trước thấy chỉ còn có một cuốn là có đôi chút giá-trị mà thôi.

Đề cứu vớt lại, ông tuyên bố viết những tác-phẩm mới có giá-trị tồn-tại vĩnh-viễn bất cứ thời-gian và không-gian nào, nhưng tiếc thay, cuộc thí-nghiệm mới này càng thất-bại, chứng tỏ rằng cái tài của ông vẫn không xứng-đáng với danh-vị của ông. Trường-hợp Nhất-Linh cũng na-ná như nhà văn Pháp Scudery, hồi Thế-kỷ XVII.

Cũng như Thế-Lữ chỉ là một Delille hồi đầu thế kỷ XIX.



Rút kinh-nghiệm của thái-độ văn-hóa của hai nhóm Nam-Phong và Tự-Lực Văn-Đoàn, nếu chúng ta mong muốn Văn-học Việt Nam được phát-triển mạnh-mẽ và có ảnh-hưởng lợi-ích cho Văn-Hóa chung của Dân-tộc, thì ngu-ý của tôi là những Văn-nghệ-sĩ có thiên-chí ngày nay và có khả năng nên góp sức lại mà xây dựng chung, về mọi phương diện cho Văn-hóa Dân-tộc được khá-quan hơn, được bành-trướng sâu rộng hơn, chứ đừng có những cố-gắng cá-nhân rời-rạc và lơ-là, hoặc kiêu-căng, tự-hào, tự-đắc. Chúng ta nên gạt bỏ thái-độ « Văn phiệt », « học phiệt » lỗi thời, của một thiểu-số không tài giỏi một chút nào hơn ai mà vênh-váo tự cho mình tài giỏi hơn thiên-hạ. Thái-độ ấy rất là khà-ố, và rất có ảnh-hưởng tai-hại đến sự cố gắng chung của tất cả các nhà Văn có thiên-chí và có tài-năng, dù là còn trẻ tuổi, nhất là còn trẻ tuổi.



Chúng ta hãy kiểm-điếm lại các giá-trị tinh-thần và trí-thức của một thời-kỳ vừa qua, và dùng thiên-chí và chân-tài làm khởi-điểm, chúng ta hãy cùng nhau xúc tiến một cuộc cách mạng trên lĩnh vực Văn-hóa, (tôi nói chung về VĂN-HÓA, chứ không nói riêng về VĂN-NGHỆ mà thôi).

Nhưng thực hiện cách nào một cuộc CÁCH MẠNG VĂN-HÓA trong tình thế hiện tại ? Thưa các bạn, tôi đã trình-bày một vài ý-kiến thô-sơ trong P.T. số vừa rồi và sẽ tiếp-tục trong các số tới.



## CUỘC HỘI KIẾN GIỮA

# NGUYỄN-HUỆ

và

# LA-SƠN PHU-TỬ

### ★ PHONG-CẨM

## GIỮA CẢNH NÚI HỒNG SÔNG LAM



LA-SƠN phu-tử là một bậc-túc-nho, một nhà-trí-sĩ hay là một cá-nhân đặc biệt nhứt trong thời Tiên Nguyễn. Họ tên là Nguyễn Quang-Thiếp (1) tự Khải-Xuyên, sinh tại xã Nguyệt-Ao, huyện La-Sơn, Tỉnh Hà-tĩnh (2) nên có hiệu tặng là Nguyệt-Ao tiên-sinh và La-Sơn phu-tử.

(1) Sách «Việt-Nam sử lược» của Trần Trọng Kim chép là Nguyễn Tiệp.

Sách «Quang-Trung» của Hoa Bằng chép là Nguyễn Thiệp.

(2) Sinh ngày 25 tháng 8 năm Quý Mão (1723).

La-Sơn phu-tử có nhiều «tự», nhiều «hiệu» khác nhau do ông đặt hoặc người đương thời tặng như HẠNH AM, CUÔNG ẮN, LẠP-PHONG CƯ SĨ, LỤC-NIÊN TIÊN-SINH, LA-GIANG PHU-TỬ (3) v. v. .

Đời chúa Trịnh-Doanh dùng chữ «QUANG» làm quốc-húy nên lúc đi thi, La-Sơn phu-tử sợ phạm luật trường quy nên phải bỏ chữ «QUANG» lót ở tên tự, từ đấy trở thành tên Nguyễn-Thiếp.

Tuy-nhiên, cái huy-hiệu «La-Sơn phu-tử» được nổi tiếng nhứt ở thời đó cũng như ngày

(3) Đời chúa Trịnh Giang, huyện La-Sơn có tên là La-Giang, nên mọi người theo đó gọi là La-Giang phu-tử. Huyện này, ngày nay đổi là Can-Lộc.

nay mọi người đều gọi đến có lẽ vì ông là một cá-nhân khác thường với khí tiết thanh-cao, cứng rắn được đem ra thử-thách trong những trường-hợp éo-le : chúng tôi muốn nói những cuộc hội-kiến đặt-biệt với Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Ánh cùng người đương thời.

Là một bậc-túc-nho có tài học uyên bác, thi đỗ Hương cống và được bổ Tri huyện Thanh chương hồi cuối Lê, nhưng vì ngay thẳng không chịu được sự hống hách, lộng quyền của chúa Trịnh nên La-Sơn phu-tử từ quan về trí-sĩ ở núi Thiên Nhận bên Lục niên thành, huyện La-sơn, tự nhốt mình trong trại Bùi-phong, ngâm thi vịnh nguyệt hưởng thú tiêu dao.

Các nhà chép sử đều cho rằng : La-Sơn phu-tử trước lúc về trí-sĩ có mắc bệnh điên nên khi ở trại Bùi-phong, tự xưng là Cuông-Ắn hay Điền Ắn. Việc này quả có, nhưng lúc về núi có lẽ vì chán ngán thế-tình không muốn ai khuấy động cuộc đời ẩn dật của mình, La-Sơn phu-tử tự xưng như thế để được an thân.

Lúc bây giờ tâm trí La-Sơn phu-tử vẫn sáng suốt như thường ông làm ra tập thi gọi là HẠNH

AM THI TẬP bằng Hán văn vẫn còn truyền tụng đến ngày nay.

Tâm-trí vẫn sáng-suốt nhưng lại chọn cuộc đời ẩn dật, người ta cho rằng La-Sơn phu-tử có một tâm-sự riêng không thể nói nên lời. Tự nhiên, ông là người rất trung thành với nhà Lê, vì thất thanh - thế chúa Trịnh ngày càng bành-trướng, vua Lê cảnh Hưng lại quá nhu nhược, sự sụp đổ của một triều-cương đã hiện ra trước mắt, không thể đem tài sức mình cứu-vãn được nên phu-tử mang tấm cô trung lui về ở ẩn giữa cảnh núi Hồng sông Lam quyết giữ tròn danh tiết, đạo-nghĩa.

### ★ CUỘC HỘI-KIẾN Ở PHÙ-THẠCH

TUY xuất-thân là một nông dân áo vải, nhưng Nguyễn-Huệ là người sáng-suốt luôn luôn biết tôn-phục kẻ hiền-tài và trọng dụng hơn tài ; xem như những nhân-vật xuất sắc như Phan Huy-Ích, Ngô Thì-Nhậm được dành cho những địa vị ưu-ái thì đủ biết thái độ của N. H. ra sao.

Từ ngày đánh lấy được Phú-Xuân và nghe theo lời Nguyễn Hữu-Chỉnh đem quân ra Thăng-Long đè bẹp chúa Trịnh và vây cánh, tôn phù nhà Lê thì tiếng

tâm của Nguyễn-Huệ càng vang-  
lừng.

Thanh-toán được việc chúa  
Trịnh ở Bắc-hà, Nguyễn-Huệ  
được phong Nguyên-sứ Phủ-  
chính đực-võ Uy-quốc-công,  
nhưng hoài bão của Nguyễn-  
Huệ cao xa hơn, to lớn hơn:  
gồm thiên-hạ về một mối!

Nguyễn-Huệ luôn luôn chú ý  
đến việc thu dùng nhân tài, với  
Phan Huy-Ích, Ngô Thì-Nhậm  
hay Trần Văn-Kỷ không chưa  
đủ, Nguyễn-Huệ còn nghĩ đến  
một bậc tức nhỏ có tài học uyên-  
bác đang ẩn mình giữa cảnh núi  
Hồng sông Lam, tức là La-Sơn  
phu-tử vậy.

Cho nên khi thu xếp xong việc  
Bắc-hà, bỏ Nguyễn Hữu-Chính  
ở lại, anh em Nhạc, Huệ lên về  
Qui-nhơn, Nguyễn-Huệ cho  
người mang thư và lễ vật đến núi  
Thiên-nhận mời La-Sơn phu-tử  
ra cộng tác.

Mời lần thứ nhất (4) phu-tử  
không ra, Nguyễn-Huệ lại mời  
lần thứ hai, thứ ba... (5) bằng  
những lời lẽ ân-cần, tôn kính,  
lễ vật trọng hậu phu-tử vẫn cáo  
bệnh thoái thoát không chịu ra

(4) Ngày 18-12-1786.

(5) Ngày 10-8-1787 và ngày  
13-9-1787.

cộng tác với Tây-sơn.

Thái-độ của phu-tử không làm  
Nguyễn-Huệ hài lòng chút nào,  
song Nguyễn-Huệ vẫn phải chờ  
nén lòng tự-ái chờ ra mặt chiêu  
hiển đãi sĩ tốt bậc hồng lấy lòng  
thiên-hạ, nhất là sĩ-phu trong  
nước.

Nguyễn-Huệ lại là người  
cương-quyết đeo đuổi tới cùng.  
Ba phen mời phu-tử không được,  
nào đã chịu thua đâu. Tháng 4  
năm 1788 trong lúc từ Phú-xuân  
ra Thăng-Long để thanh toán vấn-  
đề Vũ Văn-Nhậm, Nguyễn-Huệ  
cho đóng đồn quân ở phía nam  
sông Lam gần bến Phủ-Thạch rồi  
viết thư sai cần-tín-hầu Nguyễn  
Quang-Đại đến tận núi Thiên-  
nhận mời phu-tử đến hội-kiến.

Sự đeo dai của Nguyễn-Huệ  
khiến cho phu-tử khó từ chối.  
Những lần trước Nguyễn-Huệ  
cho mời phu-tử vào tận Phú-  
xuân. Phu-tử có thể viện cớ bệnh  
hoạn đường xá xa xôi mà từ chối  
chớ lần này Nguyễn-Huệ đến tận  
Nghệ-an khó cho Phu-tử viện lý  
lễ gì, vả lại giữa Nguyễn-Huệ  
và Phu-tử chưa có sự xung đột  
nào, Phu-tử chỉ tự hiềm Nguyễn-  
Huệ chưa phải là người của  
chính nghĩa thế thôi.

Cuộc hội kiến đầu tiên giữa

Nguyễn-Huệ và La-Sơn phu-tử  
ở Phủ-thạch diễn ra như thế  
nào?

Khi nghe tin phu-tử tới,  
Nguyễn-Huệ bày trọng lễ tiếp  
rước và đãi đằng. Nguyễn-Huệ  
vốn ưa nói thẳng, nên vừa giáp  
mặt phu-tử là trút ra những lời  
hòn oán óm ấp bấy lâu:

— Quả nhân nghe đại danh  
đã lâu. Ba lần cho tới mời, tiên-  
sinh không thèm ra. Ý tiên-sinh  
cho quả nhân là thẳng giặc nhỏ  
không đủ làm kẻ anh hùng trong  
thiên-hạ chăng?

Là một nhà trí sĩ có tiết tháo,  
phu-tử chẳng hề sợ quyền-uy của  
Nguyễn-Huệ nên nhún nhặn trả  
lời:

— Hơn hai trăm ngày nay,  
quyền về tay họ Trịnh hung bạo.  
Vương mới đưa quân ra Bắc một  
lần mà dứt được, lập lại nhà Lê.  
Với danh nghĩa chính thì anh  
hùng ai lại chẳng theo. Nếu giả  
tiếng nhân nghĩa, nói dối tôn vua  
để lấy tiếng thì lại hóa ra một  
kẻ gian hùng (6)

Lời nói của phu-tử khác nào  
bốc trần thâm ý của Nguyễn-Huệ  
khiến cho Nguyễn-Huệ phải đổi

(6) Theo quyển "LA-SƠN  
PHU-TỬ" của Hoàng Xuân-  
Hãn.

sắc mặt, ngồi dịch ra tiếp đãi  
phu-tử rất niềm nở rồi đưa về.

Sử chép: cuộc hội kiến này  
quả là một việc có một  
không hai trong lịch sử nước  
nhà. Một bên là một võ  
tướng còn trẻ tuổi đã làm  
kinh thiên động địa từ Bắc  
đến Nam; một bên là một  
cụ già ốm yếu, ở ẩn nơi xé  
rừng. Hai đảng gặp nhau tại  
một nơi đầy di tích lịch sử:  
chính nơi này hơn ba trăm năm  
trước Nguyễn-Biểu đã hội kiến  
với Trương-Phụ để mưu việc cầu  
phong cho Trùng Quang-đế. Việc  
không thành Nguyễn-Biểu bị giết.

Lúc sắp sửa hội-kiến với  
Nguyễn-Huệ, có lẽ phu-tử đã  
nhớ đến chính-khí của người  
xưa nên thẳng thắn trả lời câu  
hỏi của Nguyễn-Huệ, bốc trần  
được thâm ý của Nguyễn-Huệ  
mà không làm phật ý Nguyễn-  
Huệ, trái lại càng khiến Nguyễn-  
Huệ phải kính nể. Đó là chính  
tâm hùng tráng của một bậc tức  
nhỏ như La-Sơn phu-tử.

### CUỘC HỘI-KIẾN PHỦ-THẠCH THỨ HAI VÀ THỨ BA

UY phải chênh lòng, nhưng  
người anh hùng Tây-sơn  
vẫn phải lấy lễ tiễn La-Sơn phu-

từ ra. Đề phu-tử về Nguyễn-Huệ vẫn tiếc và không muốn cho sợi dây liên-lạc bị cắt đứt nên cuộc hội-kiến có ngõ ý nhờ phu-tử coi giúp địa-lý ở Nghệ-an đề lập đô. Phu-tử chỉ ừ hủ lấy lệ rồi ra về.

Chính-tâm của phu-tử là giữ thái-bất hợp tác với Tây-son.

Lúc ra Thăng-long giết xong Vũ Văn-Nhậm trở về Nghệ-an, Nguyễn-Huệ chưa thấy phu-tử xem địa lý cho liền tự tay viết thư nhắc nhở, nhưng phu-tử mượn cơ xây đô sẽ làm cho nhân dân thống khổ đề từ chối khéo.

Về tới Phú-xuân, N.H. lại sai người viết thư giục một lần nữa, phu-tử vẫn giữ thái độ trước nên việc lập đô ở Nghệ-an của Nguyễn Huệ không thành.

Nguyễn-Huệ vẫn không nản chí hạ chiếu truyền cho phu-tử xem giùm mạch đất Yên-trường (Vinh) đề đóng đô ở đó chứ không phải Nghệ-an nữa.

Trong chiếu này N.H. nói rõ chuyện bỏ nhà Lê (7) đề

(7) Sau khi viết xong Vũ Văn-nhậm, Ng. Huệ đề Ngó Văn-Sở ở lại Thăng-long rồi về Phú-xuân. Còn nhà vua Chiêu-thống và trào thần trốn lên kinh bắc đưa Hoàng thái hậu sang Thanh cầu viện.

phu-tử không còn cái gì thoát thoát được. Nhưng rồi phu-tử cũng không rời khỏi trại Eui-phong.

Đùng một cái, quân Thanh kéo sang ta (tháng 10-1788), Tôn-sĩ-Nghị đưa Chiêu-Thống về Thăng-Long.

Tại Phú-xuân, Nguyễn-Huệ tự xưng hoàng-đế lấy niên hiệu là Quang-Trung và hội quân thủy bộ đi gặp ra Bắc.

Lúc tới Phù-thạch, N.H. lập tức cho mời La-Sơn phu-tử mở cuộc hội kiến.

Gác qua một bên mọi việc cũ lần này N.H. ân cần hỏi phu-tử về mưu lược đánh Thanh.

Không ngần ngại phu-tử trả lời :

— Người Thanh ở xa tới mệt nhọc không biết tình hình khó dễ thế nào. Vả chúng có bụng khinh địch. Nếu đánh gặp đi thì không ngoài mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn một chút thì khó lòng mà đuổi được chúng.

N.H. lấy làm hài lòng cho rằng hợp với ý mình.

Quả nhiên không đầy mười ngày N.H. phá tan 20 vạn quân Thanh. Nhiều người cho rằng chính N.H. theo phương lược của phu-tử mà phá được quân.

Thanh. Phu-tử hẳn có công trong việc đuổi ngoại xâm.

Tại sao lần này phu-tử lại chịu bày kế cho N.H. đánh Thanh? Việc ấy cũng không lạ, thật ra phu-tử luôn luôn giữ lòng trung nghĩa với nhà Lê, nhưng lần này hẳn phu-tử không chịu được việc làm thất chính của Chiêu-Thống rước voi về rày mã tổ. Tuy rằng không ưa N.H. nhưng trông đi ngoài lại không còn ai đáng tiêu biểu cho lực lượng chống ngoại xâm hơn N. H. nên phu-tử mới gặp mặt đưa lời. Hành động này quả thức thời và đầy sáng suốt.

Sau khi phá xong giặc Thanh tháng 3 năm 1789, N. H. đem quân trở về Phú-xuân lúc tới Nghệ-an, N. H. lại đóng quân ở Phù-thạch và hạ chiếu với phu-tử đến Phù-thạch hội kiến lần thứ ba.

Nhân cái thắng-lợi lớn-lao ở Bắc và sự thất chính của nhà Lê, N. H. giành được chính nghĩa. Bao nhiêu tâm huyết của phu-tử đối với nhà Lê không còn nữa, thật là dịp may cho N. H. trở lại cái ý định từ đầu : nài nỉ phu-tử ra làm quân-sư.

Mở cuộc hội-kiến lần này, N. H. nhắm vào mục đích đó. N.H.

có làm lung-lạc được phu-tử không? Hẳn nhiên là không. Tuy oán-ghét hành-động thất chính của Chiêu-Thống, nhưng phu-tử vẫn giữ một lòng son-sắc với nhà Lê. Vì vậy trong cuộc hội kiến N. B. có nài thế nào phu-tử vẫn khấn-khấn từ chối.

Ba lần cho mời không tới, ba lần hội kiến cũng không đạt được mục-dịch, óng lẽ N. H. căm giận thống trách phu-tử, thế mà không, N. H. vẫn giữ một niềm tôn-kính người trí-sĩ vào lòng trung nghĩa. Đã vậy, khi đường hoàng lên ngôi hoàng đế, không chế cả Bắc — Nam, N. H. hạ chiếu cấp thuế xã Nguyệt-ao cho phu-tử làm tuế bổng. Phu-tử có từ chối mà không được, bắt buộc phải nhận đề chờ dịp trả lại (8).

## ★ KẾT LUẬN

**B**A cuộc hội-kiến La-Sơn phu-tử mà lịch sử đã cho là một việc có một không hai ở nước ta, thật tình đã mang lại cho chúng ta những kinh-nghiệm quý giá về lối xử thế của người xưa.

(8) Sau khi Quang Trung mất, La-Sơn phu-tử làm tờ tâu xin trả bổng lộc (năm 1792).

Nguyễn-Huệ và La-Sơn phu-tử quả là hai thái-cực.

Nguyễn-Huệ trong tay có sẵn uy-quyền, nhưng không hề cố chấp, không hề dùng võ-lực để đàn-áp một cá-nhân có tư-tưởng đối-lập như La-Sơn phu-tử mà luôn luôn nhún-nhường khiêm-tốn vồn-vã biệt-đãi để thực chính tâm, hành động ấy vừa khôn-ngoan vừa quý-quyết mà anh-hùng.

Tuy nhiên thái-độ của La-Sơn

phu-tử lại bắt buộc chúng ta suy-gẫm nhiều hơn: thấy danh lợi đem bọ trước mặt mà không màng, đứng trước oai-quyền không hề khiếp sợ giữ một mực thẳng ngay như cây tre câu trúc, ào-tồn khí-tiết của một bực danh-nhân nặng lòng vì chính-nghĩa.

Giữa hai cá-nhân, chúng ta không thấy có gì khinh, gì trọng mà ta chỉ thấy tràn-ngập một niềm tôn-kính người xưa trong bóng ngàn thu cũ.



### \* DANH NGÔN

— Một nền giáo dục chân chính cần phải ít lý-thuyết và nhiều thực hành.

(J. J. Rousseau)

### \* CÔ KIỀU CÓ GHỬA

— Tui đờ anh Ba-Tèo vậy chớ cô Thúy-Kiều đã có mang bầu lặn nào chưa ?

— Không thấy cụ Nguyễn-Du nói là có ả mang bầu.

— Có.

— Hời nào ?

— Nè, câu thơ thứ 1644 :

**Thất kinh, nàng chữa biết là làm sao ?**

**Thất kinh, nghĩa là mất đường kinh nguyệt. Nàng chữa,**

tức là nàng đã có chữa, thấy hông ?

—Ờ ! Hèn chi câu dưới :

**Thuốc mê đâu đã tưới vào ?**

tức là cô ả đã uống thuốc phá thai !

BA-BÚA

# Không-Tử

thua đũa  
con nít

## \* TẢN-PHONG



Xe đức Không-Tử vừa đến nơi đường làng, thì có một cậu bé con ngồi chơi giữa đường, hốt đất đắp một bức thành. Người đánh xe bảo cậu bé tránh ra một bên để xe đi. Bé ngồi yên, ngó lên người đánh xe, bảo :

— Thuở nay xe tránh thành, chớ có bao giờ thành lại tránh xe ?

Không-Tử tức-giận, vì từ trước đến giờ ông đi chu-du thiên-hạ, những lời nói của ông, vua chúa nào nghe cũng phục, học-trò của ông có hàng trăm hàng nghìn, ông nói gì họ cũng cho là phải cả, bỗng dưng bây giờ gặp thằng ranh con, mới có mấy tuổi đầu mà lên giọng thầy đời. Nhà đại Hiền-triết bèn mắng nó :

— Cháu còn nhỏ, sao ăn nói xảo-quyệt thế ?

Nhưng đũa bé nghiêm mặt, ngó Đức Không-Tử :

— Thưa ông, con thổ sinh ra mới có ba ngày đã chạy được, con cá sinh ra mới có ba ngày đã bơi được. Há lẽ con người sinh ra ba tuổi không ầu nói được sao ? Ăn nói được, sao gọi là xảo-quyệt ?

KHÔNG-TỬ thấy thằng bé ba tuổi đã đối-đáp khôn-ngoan, liền hỏi :

— Cháu tên chi ?

— Thưa, tên cháu là HẠNG-THẮC.

— Cháu lên ngồi xe đi dạo chơi với ta nhé ?

— Thưa Tiên-sinh, cháu còn có cha, cần phải thờ, còn có mẹ cần phải nuôi, còn có anh

cần phải theo, có thầy cần phải học. Cháu đâu có được rảnh để đi ngao-du với ngài?

— Thế thì cháu lên trên xe, đánh vài ván cờ với ta chơi cho vui.

— Thưa Ngài, sao ngài lại rủ cháu đánh cờ? Đánh cờ mà vui được sao? Thiên-tử ham mê cờ-bạc thì bách-tánh chẳng an, nho-sĩ ham mê cờ bạc thì bỏ-bỏ việc học-hành, hàn-dân ham-mê cờ-bạc thì bỏ-phế việc nhà, nông-dân ham-mê cờ-bạc thì bỏ-ruộng không ai coi. Như vậy sao ngài còn rủ cháu đánh cờ?

Đức Không-Tử hết sức kinh-ngạc vì lần đầu tiên Ngài gặp một đứa bé thần-đồng, hỏi gì nó cũng nói lý-luận rất trôi chảy và rất khôn ngoan. Ngài bèn hỏi chuyện cao-xa hơn nữa:

— Cháu không thích đánh cờ, thì lên xe ngồi với ta, bần về việc trị quốc vậy.

Cậu bé HANG-THÁC vẫn thản-nhiên, từ-chối:

— Làm sao trị-quốc được mà bần? Có Quốc-gia, tức là có núi, có sông, có biển, có người. Nếu phá núi thì chim muông có chỗ nào mà ở? Nếu lấp biển lấp sông thì tôm cá có chỗ nào mà sống? Nếu bỏ-phế các chức hầu thì dân-chúng nước này đánh với nước kia. Nếu lấp bằng giai-cấp thì lấy ai trị ai? Cho nên Hạng-Thác này không muốn bàn chuyện trị quốc.

Không-Tử ngồi trên xe, trở mắt nhìn đứa bé mà kinh-hồn,

nghe nó nói mà khâm-phục. Nó nói phải quá, lý-sự thật vững-vàng, muốn bắt-bẻ nó mà không sao bắt-bẻ được. Nhà Hiền-triết liền kiếm chuyện khó hơn để bắt-bí thằng nhãi-con:

— Hạng-Thác còn bé-bồng quá mà kê cũng thông-minh lắm đấy.

Vậy ta hỏi Thác: trong thiên hạ lửa nào không có khói? Nước nào không có cá? Núi nào không có đá? Cây nào không có nhánh? Người nào không có vợ? Gái nào không có chồng? Trâu nào không có nghe? Ngựa nào không có con? Trống nào không có mái? Mái nào không có trống? Sao gọi là quân-tử? Sao gọi là tiểu-nhơn? Cái chi chẳng đủ? Cái chi có dư? Hạng-Thác trả lời mau ta nghe!

Cậu bé Hạng-Thác cười xòa:

— Ngài tưởng những câu ngài hỏi cháu vừa rồi là khó lắm sao? Lửa chớp của trời thì không có khói. Nước giếng không có cá. Núi đất không có đá. Cây khô không có nhánh. Người Tiên không có vợ. Ngọc-nữ không có chồng. Trâu đất không sanh nghe. Ngựa gỗ không có con. Loài trống ở một mình thì không có mái. Loài mái ở một mình thì không có trống. Người hiền là quân-tử. Kẻ ngu là tiểu-nhân. Ngày mùa Đông thì chẳng đủ, ngày mùa Hạ thì dư. Thưa ngài, cháu trả lời như thế, có đúng chăng?

Không-Tử đành phải chịu là đúng. Nhưng chưa bắt bí được

cậu bé con, nhà Triết-học lại hỏi thêm nữa.

— Hạng-Thác có biết giềng-mối của Trời đất ở đâu không? chỗ trước chỗ sau của âm-dương là đâu không? Đâu là tả, đâu là hữu? Biểu là gì? Lý là gì? Sao gọi là Cha? là Mẹ? Sao gọi là vợ? là chồng? Mây ở đâu ra? Sương mù do đâu mà có? Trời đất cách nhau bao xa?

Không-Tử nghĩ thầm rằng lần này nhất định đứa con nít phải đành ngậm miệng. Không dè, Hạng-Thác lại xỏ ra một thôi một hỏi, y như đã học thuộc lòng từ bao giờ rồi vậy:

— Thưa Tiên-Sinh, theo trong Kinh-Dịch thì 9 lần 9 là 81: ấy là giềng mối của Trời-Đất. Cũng trong Kinh-Dịch nói rằng 8 lần 9 là 72: ấy là chỗ sau trước của âm-dương. Phía đông, mặt trời mọc, là tả. Phía tây mặt trời lặn, là hữu. Ngoài là biểu, trong là lý. Trời là cha, đất là mẹ, mặt Nhật là chồng, mặt Nguyệt là vợ. Mây ở núi mà ra, sương từ đất mà có. Trời đất cách nhau muôn ngàn vạn dặm. Thế có đúng không?(1).

Không-Tử kinh-ngạc vô cùng. Nhà đại Triết-học, được cả nước Tàu tôn làm bậc Thánh, không ngờ gặp giữa đường một đứa con nít thông-minh kỳ-lạ, thấu-suốt đạo-lý nhiệm mầu, chẳng kém

(1) Đây là cậu bé Hạng-Thác trả lời đúng với quan-niệm vũ-trụ của thời xưa, theo Kinh-Dịch của Tàu.

gì ông. Nhưng ông còn rần hỏi thêm vài câu nữa, ông đưa ra những câu thật thắc-mắc để cho đứa bé trả lời không được. Ông tủm-tủm cười, hỏi nó:

— Thác à, cha mẹ thân hơn hay vợ chồng thân hơn?

Thác chau mày:

— Cha mẹ thân hơn vợ chồng chứ!

Không-Tử làm bộ lắc đầu, cãi lại:

— Không đúng! Chồng vợ chung chăn chung gối, đồng tịch đồng sàng, sống ở cùng nhau, chết chôn kề nhau, sao Thác bảo là không thân?

Hạng-Thác trả lời liền:

— Đó là ngài lý-luận theo thiế-sự thường tình. Đành biết rằng người đàn ông không có vợ khác nào xe không bánh, nhưng xe không bánh thì lấy gỗ đóng làm bánh xe, đâu có khó gì! Vợ chết thì cưới vợ mới, đâu có hiếm gì! Còn như Cha Mẹ chết rồi thì kiếm đâu ra Cha Mẹ nữa? Công-ơn cha mẹ lấy gì so-sánh?

Lần này, Đức Không-Tử gạt đầu:

— Cháu nói phải. Đáng khen lắm thay!

Không-Tử không dám hỏi đứa bé nữa. Ngài định từ-giã, nhưng Hạng-Thác không cho Ngài đi:

— Thưa Ngài, từ nãy giờ Ngài hỏi cháu bao nhiêu câu cháu đã trả lời đủ cả. Bấy giờ cháu dám mong Ngài dạy bảo cho vài câu để cháu học hỏi thêm.



Không-Tử làm thính. Ngài lo ngại, lỡ thằng con-nít này hỏi những câu gì không trả lời được thì ê quá ! Nhưng chẳng lẽ chối từ ư ? Ngài đang hồi-hộp bán-khoản, thì Hạng-Thác cười :

— Thưa Tiên-Sinh, cháu không dám hỏi Ngài câu gì lạ. Độ nọ có hai đứa nhỏ đã hỏi Ngài câu « Mặt trời gần, mặt trời xa », mà Ngài chưa trả lời. Nay Xin Ngài chỉ giáo cho cháu được mở rộng trí-óc. Một đứa thì thấy mặt trời lúc mới mọc thì ở gần ta vì nó to như bánh xe, đến trưa thì ở xa ta cho nên nhỏ như cái chén. Một đứa thì lại cho rằng lúc mới mọc mặt trời ở xa ta hơn vì nắng mát dịu, còn buổi trưa ở gần ta hơn nên nặng nực oi-ả. Vậy thì đứa nào nói phải, xin Ngài chỉ bảo cho !

Không-Tử bí, trả lời không được.

Hạng-Thác lại hỏi :

— Thưa Ngài, con ngỗng, con vịt, tại sao lại nổi được ? Chim nhận chim hồng, tại sao mà kêu được ? Cây tùng cây bá mùa đông xanh tươi ?

Không-Tử thấy câu hỏi rắc-rối lắm, nhưng không lẽ nín thính, cố gượng trả lời :

— Ngỗng vịt nổi được là nhờ

chun vương. Chim nhận chim hồng kêu được là nhờ cổ dài. Cây tùng cây bá mùa đông xanh tươi vì ruột cây chắc.

Hạng-Thác cười :

— Thưa Ngài, cháu chưa hiểu. Vì cây tre, cây trúc ruột không chắc mà mùa Đông vẫn xanh tươi. Con muỗi, cổ nó đâu có dài mà nó vẫn kêu ? Con tôm, con cá đâu phải chun vương mà chúng vẫn nổi ?

Không-Tử trở mắt ngó đứa con nít vì trả lời không xuôi với nó. Nó lại hỏi tiếp :

— Thôi, cháu xin hỏi ngài : trên trời có mấy ngôi sao ?

Không-Tử lại bí, liền bảo :

— Chúng ta nói chuyện dưới đất này dễ hơn, cháu à !

— Dạ, thế thì thưa ngài ; dưới đất có mấy cái nhà ?

Không-Tử lắc đầu :

— Cháu hỏi chuyện xa-vời. Hỏi chuyện gần cho dễ cháu à.

— Dạ, thế thì thưa Ngài, lông mày có mấy sợi ?

Không-Tử nghẹn họng, lật-đật giục xe chạy nhanh. Ngài quay lại bảo với các môn-đệ theo hầu ngài :

— Hậu-sinh khả ỹ !

(Kể sinh sau đáng sợ thay !)

## \* 26 TRIỆU LÊ 2

Trong lớp học giờ đ a lý, cô giáo hỏi trò Ba :

— Dân số Việt-Nam độ bao nhiêu ?

— Thưa, 25 triệu lê 2 ạ.

Cô giáo ngạc-nhiên :

— Sao lại lê 2 ?

— Thưa cô, vì mẹ em vừa mới sanh ài thêm 2 đứa hồi hôm ạ.

HOA

(Đệ II Âu Lạc)

# CÔNG CHÚA

# NGỌC

# VÂN

# VÔ XỬ ĐÔNG NAI

**T**RÊN đường Nam tiến, chúng ta đã đặt chân lần đầu tiên trên đất Nam Bộ vào năm 1623. Nguyên là vua Chân Lạp Chei Chetta II (1618-1626) từ giả Xiêm La về nước tự vị.

Lúc bấy giờ, kinh đô Chân Lạp vẫn đóng ở Oudong. Vì vua quá thân với bọn Mã Lai theo đạo Hồi Hồi, nên dân Cao Mên chán ghét, bèn nhờ bà Hoàng hậu Việt-Nam, nay đã già, kêu gọi sự can thiệp của Triều đình Huế để chấm dứt tình trạng. Do sự can thiệp đó mà vua Cao Mên thuận nhượng cho nước ta xứ Biên-Hòa, (Theo Cl. Madrolle - Indochine du Sud, 1926).

Lại theo « Gia-Định Thống-Chí » của Trịnh - Hoài - Đức

(1765-1825) thì năm Mậu Tuất (1658), tức là năm thứ 10 đời vua Lê Thần Tông (1649-1662), về mùa thu, tháng 9, vì tình hình Chân Lạp lộn xộn, nên Hiến-Vương Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) mới sai Trấn Thủ Trấn Biên dinh (Phú Yên) tên Yên, tham mưu trưởng tên Minh và cai cơ Xuân, cử một đạo binh 2.000 người, đi suốt 24 ngày, đến Mối Xứ và đã lập lại trật tự một cách rất dễ dàng.

Nên nhắc thêm rằng năm 1623, một phái đoàn ngoại giao Việt đã được cử sang Oudong để thương thuyết sự nhượng lại Sở thuế quan Sài Côn.

VIỆT-ĐIỀU  
THÁI-VĂN-KIỆM

Sở dĩ vua Cao Mên đã giao hảo với nước ta và đã tự ý nhân nhượng một phần nào là vì muốn cây thế lực của triều đình Huế đề chế ngự ảnh hưởng của người Xiêm.

Vua Miên đã cưới một công chúa Việt làm hoàng hậu và bà này về sau sẽ có ảnh hưởng trong thời cuộc.

Theo các tài liệu kể trên, chúng ta thấy rằng một công chúa Việt đã mang lại cho chúng ta giải đất Đồng Nai phì nhiêu này cũng như hơn 300 năm về trước (1306), Huyền Trân Công Chúa, đã mang lại cho nước ta hai châu Ô, Lý vuông nghìn dặm. Công ơn của hai người ngang nhau, nhưng oái oăm thay, một người được ca tụng khắp các sử sách, còn một người thì tên tuổi bị lãng quên, không thấy sử gia của ta nhắc đến bao giờ.

Vậy bà công chúa ấy là ai? Chúng ta phải cố gắng tìm cho ra danh tính và đề cao sự nghiệp vĩ đại của một bậc quân thoa, đáng nêu gương cho hậu thế. Theo Henri Russier viết trong quyển « Histoire sommaire du Royaume de Combodge » (Cao Mên Vương quốc Sử lược), thì vua Chey Chetta II sống từ lúc nhỏ bên

Xiêm, là nơi ông ta không giữ được những kỷ niệm tốt, cho nên ông ta mới tìm cách cầu thân với láng giềng phía Đông và Chúa Nguyễn lúc bấy giờ cũng đang chờ đợi cơ hội tốt để mở mang bờ cõi, bèn gả công chúa cho vua Cao-Mên. Công Chúa rất đẹp và được vua Mên sủng ái vô cùng.

Nhờ sự giao hiếu ấy và viện trợ của binh đội Chúa Nguyễn mà vua Cao Mên đã hai lần, vào năm 1621 và 1623, đẩy lui được mấy vụ xâm lăng của quân Xiêm.

Năm 1623, sứ bộ Việt từ Huế vào Oudong yết kiến vua Cao Mên và dâng nhiều ngọc ngà châu báu, đồng thời xin cho người Việt được vào khai khẩn và sinh cơ dựng nghiệp tại miền Nam.

Bà Hoàng Hậu Việt - Nam khẩn thiết xin chõng chấp thuận lời yêu cầu của phái bộ và vua Chey Chetta đã bằng lòng.

Năm 1642, một người con của Chey Chetta II và bà Hoàng-hậu người Lào, là Hoàng-tử Chan, giết vua Ang Non và chú ruột là Outey đề lên ngôi, rồi lấy một người vợ Mã-Lai và theo đạo Mahomet. Hồi đó, người Chăm và người Mã Lai rất đông ở Cao Mên, phần nhiều ở Chiêm Thành

chạy qua. Họ dựa thế nhà vua là đồng đạo để xen vào chính tình Cao Mên, làm cho hoàng tộc rất bất bình và dân chúng phần nộ. Theo lời khuyên của bà Hoàng Thái Hậu Việt - Nam, quả phụ của Vua Chey Chetta II, họ quyết định xin chúa Nguyễn can thiệp. Lúc bấy giờ Chúa Nguyễn là Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1648-1687).

Hiền Vương bằng lòng can thiệp và giao cho Trấn Thủ Trấn Biên Dinh (tức Phú Yên) cử một đạo binh vào Nam lập lại trật tự, cho thuận với lòng dân Cao Mên. Vua Cao Mên bị bắt và sau đó được trả tự do và thuận nhường Biên Hòa cho nước ta. Qua năm 1659 thì Nặc Ông Chan mất (Theo Henri Russier).

Theo Nguyễn - Văn - Quế, tác giả quyển « Histoire des Pays de l'Union Indochinoise (Việt-Nam Cambodge, Laos », thì năm 1618 Srey Sauryopor nhường ngôi cho trưởng nam là Chey Chetta II và mất năm sau. Chey Chetta II dời đô từ Lovéa Em đến Oudong năm 1620 và cũng năm ấy cưới công chúa con vua Nguyễn Sài Vương (1613-1635), Bà Công Chúa Việt được phong làm hoàng hậu và rất được sủng ái, nhờ sắc đẹp tuyệt vời và có nhiều

đức hạnh. Người Mên và người Việt đã trở nên đồng minh từ năm 1620, và gần suốt cả thế kỷ XVII.

Về Miên quốc, công chúa Việt được phong làm Hoàng hậu với danh hiệu Somdach Prea Peacacayo-dey Preavoreac Ksattrey (1620); đến năm 1624 sinh hạ được một con gái lấy tên là Neang Nhéa Ksattrey (Neang là Nàng?).

Nhờ sự giao hiếu ấy và cũng vì đã giúp đỡ nhiều cho Cao-Mên chống lại mọi cuộc xâm-lăng của Xiêm, chúa Sài mới xin vua Cao-Mên cho phép những người Việt di-cư vào Nam được khai phá đất đai, trồng trọt, buôn bán và trả thuế hãn hoi ở các miền Saigon, Biên-Hòa và Bà Rịa, Vua Cao-Mên chấp thuận đề làm hài lòng nhạc phụ.

Đến năm 1658, Cao - Mên bị nội loạn vì con của Préah Outey ( Ponhea Sô và Ang Tan ) muốn tranh giành ngôi vua với Ponhea Chan, tức Ang-Chan II ( 1642 - 1659 ), con của vua Chey Chetta II và người vợ quốc tịch Lào. Vua này theo đạo Mahomet, liền kết với người Mã - Lai và người Chăm đồng đạo.

Hai anh em Ponhea Sô và Ang Tan bị đánh thua chạy trốn vào

đình của hoàng thái hậu Việt, quả phụ của Chey Chetta II, bà này mới khuyên họ nên cầu cứu chúa Nguyễn. Hiền-Vương bèn sai một đạo binh vào lập lại trật tự ở Oudong.

Sở dĩ chúng tôi nêu ra đây mấy tài-liệu lịch-sử hiếm hoi là đề đề cao vai trò của một người đàn bà Việt-Nam đã có công lớn đối với Tô - Quốc. Chúng ta cần minh - định danh tính của người đàn bà đó, vì nhờ người mà chúng ta ngày nay thụ hưởng được một giải đất phì-nhiều vào bậc nhất nhì ở Đông Nam Á.

Danh tính của nàng là cả một vấn-đề phức-tạp làm chúng tôi phải nhọc công tìm tòi từ năm 1954 đến nay.

Thật thế, chúng ta chỉ được biết đích xác tên Cao - Mên của nàng khi được phong làm Hoàng-Hậu, còn tên Việt thì mấy sử liệu hiện có không thấy nói rõ, duy chỉ biết rằng công chúa ấy là con Sãi-Vương mà thôi.

Lần dở mấy trang gia-phả chúa Nguyễn ( Généalogie des Nguyễn avant Gia-Long par Tôn - thất - Hân, — Bulletin des Amis du Vieux Huế — 1920 ) thì thấy rằng : Sãi-Vương lấy bà vợ chính là Mạc-thị-Giai, sinh năm 1578,

quê quán làng Nghi-dương, tỉnh Hải - dương, con gái của Mạc-kinh-Điền. Điền xưng là Khiêm-Vương, sau bị đánh thua mất ngôi bèn chạy trốn. Con gái theo chú là Mạc - Cảnh - Huống vào đất Thuận-Hóa, trốn ở chùa Lam-Sơn và ghi vào danh bộ tỉnh Quảng-Trị. Vợ của Huống, tên Nguyễn-ngọc-Dương là bà dì của Sãi-Vương, mới đem cô gái vào cung. Vì tánh nết đoan trang, cô được đổi họ Mạc ra họ Nguyễn và được Chúa Sãi thương yêu rất mực. Bà mất ngày 9 tháng 11 năm Canh Ngọ (năm Hiếu Văn thứ 17, tức là năm Đức Long Lê Thần Tôn thứ 2, 12.12. 1630), hưởng thọ 53 tuổi. Được mai táng tại núi Chiêm-Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ngôi mộ mang tên là Vĩnh Điện. Võ Vương (1738-1765) sắc phong bà vào hàng Phi. Gia-Long sắc phong tước Huy Cung Từ Thân An Thục Thuận Trang Hiếu Văn Hoàng Hậu, nay còn thờ ở Thái Miếu, Huế.

Sãi Vương có nhiều vợ và đông con : 11 con trai và 4 con gái, phần nhiều là con của bà hoàng hậu họ Mạc, sau đổi là họ Nguyễn. Trong số 4 người con gái có 3 cô là con của bà này :

1) Ngọc-Liên, con gái thứ nhứt của bà là Mạc thị Giai, lấy Nguyễn phước Vinh, con trưởng của Mạc cảnh Huống, làm đến Phó Tướng Trấn Thủ Trấn Biên (Phú-Yên). Được đặc ân mang họ Nguyễn Phước, nhưng về sau đổi ra Nguyễn Hữu. (Như vậy, những người mang họ Nguyễn Hữu chính tông phần nhiều gốc họ Mạc).

2) Ngọc-Vân, thứ nữ, con của bà Mạc Thị Giai ;

3) Ngọc-Khoa, thứ nữ, con của bà Mạc thị Giai ;

4) Ngọc-Đĩnh, gái út, con của bà nào không rõ, lấy Nguyễn Cửu Kiều (được phong Nghĩa quận công), quê huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, con của Lê Quảng (được phong tước Quận Công). Chồng bà được phép đổi Lê ra họ Nguyễn Cửu. Ngọc Đĩnh mất về mùa đông năm giáp tý (1684).

Xem trên kia, ta thấy rằng trong số 4 cô con gái của Sãi-Vương có hai cô lấy chồng Việt-Nam, có tông tích rõ ràng, còn hai cô kia thì lẽ tất nhiên phải có một cô lấy vua Chei Chetta II. Nhưng cô nào mới được chứ ?

Vấn đề hầu như nan giải. Nhưng may thay, có mấy tài

liệu khác giúp ta giải quyết vấn đề này. Đó là sự kiện vua Po Romé (1627-1651) đã ngự trị tại thành Bal Pandaran (Phan Rang) cũng đã kết duyên cùng một công chúa Việt-Nam.

Theo nhà xã hội học Marcel Ner viết trong tập kỷ yếu « Compte rendu d'une mission en pays moi pendant les vacances de 1929 et 1930 » (Thuật lại một cuộc viếng thăm xứ Mọi trong mùa hè năm 1929 và 1930), chúng ta được biết rằng :

« Vua Po Romé không có con với người vợ thứ nhất, bèn đi về phía Lào để tìm thứ thuốc có thể làm cho hoàng hậu đẻ con trai. Do đó vua mới đem về một người đàn bà giòng Rhadé tên là Bia Tan Chan. Vua Po Romé đã may mắn được thần linh hướng dẫn đến bà công chúa xa xuôi ấy. Vua và hoàng hậu chắc đã hưởng nhiều hạnh phúc vì họ đã có nhiều con và vị Hoàng hậu ấy là độc nhất trong ba bà đã quyền sinh theo vua khi vua bị tử trận. Po Romé không hưởng được hạnh phúc nhiều với hai bà vợ kia. Hoàng hậu Bia Suthi, con gái của tiên-vương không có con và không chịu theo vua lên hỏa đàn và nếu như lợt

truyền tụng là đúng là bức tượng đá của bà này bị đề ngoài tháp còn bức tượng Bia Tan Chan lại được thờ trong tháp bên cạnh bức tượng của vua Po Romé.

Po Romé lại không được may mắn với bà vợ thứ ba, tên là *Po Bia Út* (Bà Út), con của một vị Chúa Việt-Nam.

Cũng về vấn đề này, một tài liệu khác cho ta biết thêm rằng đầu thế kỷ XVII, những mối bang giao thân hữu đã được thiết lập giữa xứ Panduranga và Cao Nguyên. Các vị chúa Chiêm Thành lui tới Cao Nguyên một cách dễ dàng. Chứng cứ là vua Po Romé đã đi lên tận Darlac để mang về một người vợ Rhadé: Bia Tan Chan. Về sau, người Việt chiếm xứ Panduranga, những quân sĩ của vua Po Romé đã chạy lên miền sơn cước để ẩn náu. Còn vua Po Romé nhất quyết chống cự lại nên bị giết ở chiến trường: thi hài vua được hỏa thiêu và Hoàng hậu Rhadé cũng theo lên hỏa đàn liễu chết với chồng. Bức tượng của nghĩa phụ này còn thờ ở gần Phan Rang.

Một tài liệu thứ ba cho ta biết rõ nguyên nhân sự thất bại thảm của vua Po Romé. Đó là

một bài hát của người Chăm tên là: « Ni danark Po Romé » có đăng trong quyển « Nouvelles Recherches sur les Chams » của Antoine Cabaton, xuất bản năm 1901 tại Ba-Lê, (Ernest Leroux Editeur). Theo bài ca này thì thần Po Romé rất đẹp trai. Đầu như vàng, vai và chân như đồng. Tay đeo nhẫn óng ánh, chân mang giày láng tỏa sáng ngời. Ngày xưa Po Romé là vua. Ngài cũng cày ruộng, người nhà thường mang cơm ra ngoài đồng cho Ngài.

Vua Po Romé có ba vợ: hai người giống da sậm và một người Việt, cả ba người đều ghen nhau cãi vả ồn cả cung điện nhà vua. Người đàn bà Việt tưởng mình bị ruồng bỏ bèn nghĩ cách trả thù. Bà giả vờ đau nặng và yêu cầu đốn cây kraik, một cây thần mộc, phù hộ cho vương quốc Chiêm Thành, thì may ra bà mới khỏi. Cây kraik tức là cây Cam xe tên Cao mên là *So kram kraham*, tên La tinh là *Xylia dolabriformis Benth*, hoặc là *Mimosa Xylocarpa Roxb.* thuộc về loại đậu « *Légumineuses mimosées* ». Vua Po Romé vốn sẵn thương yêu bà này quá mức, bèn cho gọi bốn ngự y đến khám bệnh. Các vị y sĩ tuyên bố bà hoàng hậu Việt Nam khỏe mạnh như thường.

đều bị chặt đầu. Theo lời yêu cầu khẩn thiết của bà ta, vua chấp thuận việc đốn cây kraik. Lệnh vừa truyền ra đã thấy một trăm quân nhân lực lưỡng bỏ rìu vào thân cây kraik, nhưng lạ thay mỗi lát búa đều hàn gắn lại ngay.

Vua Po Romé nổi tức bèn lấy rìu giáng mạnh vào thân cây thì thấy máu phun ra và nghe có tiếng rên than. Vua la lớn « kraik, tại sao mi làm cho hậu ta đau đớn? Tại sao ta phải để cho mi sống? » Cây cỏ thụ ngắt xiêu té nằm ngang trước cung điện và máu chảy lai láng cả sân rồng.

Sau khi mất cây kraik phò trợ cho Vương quốc, vua Po Romé mất luôn ngôi báu. Vua bị giết trong khi ra trận xáp chiến với quân Việt. Bà vợ Rhadé xin được mấy cái răng của chồng để thờ.

Hiện nay, trong tháp Po Romé, ở làng Hậu Sanh, cách Phan-Rang chừng 8 cây số về phía Tây Nam, chỉ còn thấy tượng vua Po Romé và tượng người vợ Rhadé, tức là Bia Tan Chan mà thôi. Bà này đã theo chồng lên hỏa đàn một cách anh dũng, mặc dầu trước đó bà bị vua ruồng bỏ theo bà Công Chúa Việt-Nam. Còn bức tượng của bà Bia Suthi (hoặc là Bia Suchih), thì để ở ngoài, phía sau

tháp, trong một ngôi nhà con, vì theo lời của một bà bajao (hoặc là pa diao, nghĩ là đồng bóng) thì hai bà không hợp nhau, nên phải thờ riêng.

Tục truyền bà công chúa Việt-Nam đã giả dạng một nàng hái dâu chung quanh thành vua Po Romé nên được vua đề ý với vào cung, phong làm thứ phi, nhưng sự thật có lẽ không đến nỗi quá dễ dàng như vậy. Dù sao, khi về Chiêm quốc, nàng Công Chúa Việt-Nam được sủng ái vô cùng, vì nàng đẹp nhất trong hàng ngũ cung phi mỹ nữ. Duy bà phải cái tật hay làm nũng và muốn được độc quyền tình yêu của vua, thỉnh thoảng bà giả vờ (làm bộ) đau, rên xiết, lăn lóc đến xương kêu rần rần, nhưng kỳ thật là bà đã để bánh trắng ở dưới chiếu, làm cho vua Po Romé phải nhiều phen kinh hoàng và đau xót, nên đành bỏ rơi hai bà kia cho đến khi mất nước.

Ngày nay còn thấy vết tích cung điện vua Po Romé trong thành Krong Laa tại làng Palai Bachong, gần Hòa Trinh (cách Saigon 310 cây số, trên quốc lộ số 1), bên cạnh Sông Krong Bih, tức là Sông Viêu. Các nhà khảo cổ, hồi đầu thế kỷ XX, đã đào được nơi này tấm bia Glai Lat-ov.

Thành Krong Laa đã xây từ thế kỷ thứ VIII và là kinh thành của xứ Panduranga từ hồi vua Gri Satya-varman.

Tại nơi này, còn thấy cây Cam-xe to lớn hình như đã mọc lại sau khi đã bị vua Po Romé đốn. Người Chăm nhìn cây này với một vẻ cung kính và đặt vào đấy rất nhiều tin tưởng. Còn người Việt khi đến viếng một cảnh cũ người xưa không khỏi bùi ngùi khi nhớ đến bà công chúa họ Nguyễn.

### \* CHÍNH SÁCH GIAO HIẾU ĐỀ MỞ MANG BỜ CỎI.

Xét ra việc bán gả các nương công chúa cho các vị vua chúa lân bang vẫn là chính sách cổ truyền của chúng ta, nhằm mục đích mở mang bờ cõi mà không hao binh tổn tướng.

Việc bán gả như thế chỉ có một lần gây thảm họa cho nước ta : là việc hôn nhân giữa My-Châu và Trọng-Thủy, dưới thời Thực-An Dương-Vương. Nhưng việc này tựa hồ như một câu chuyện thần thoại mà hình ảnh kỳ lạ đã được thêu dệt do trí tưởng tượng phong phú của dân ta hồi mới lập quốc.

Từ thế-kỷ thứ XIV trở đi, các

vị vua chúa Việt-Nam đã khéo dùng "tài sắc" của cô gái Việt-Nam để giúp triều-đình trong việc thắt chặt tình giao-hiếu đối với các nước láng giềng và đồng thời mở rộng bờ cõi nước nhà trên đường Nam-Tiến. Có lẽ cũng là phương sách êm đẹp áp dụng một cách thường xuyên và hữu hiệu đối với các lân bang.

Cũng như vua Trần - Nhân-Tông và Trần-Anh-Tông đã gả công chúa Huyền-Trần cho Chế-Mân (Jaya Simhavarman III tức là Po Devada Svor : 1281 — 1306), Chúa Sãi đã gả công chúa Ngọc - Vạn cho vua Cao - Mên Chei Chetta II và công chúa Ngọc Khoa cho vua Chiêm-Thành Po Romé, cũng như vua Lê-Thần-Tông đã gả con gái cho vua Ai-Lao Suliya Vongsa. Vua Suliya lên ngôi năm 1637 và đã trị vì suốt 57 năm trời. Cũng vào thời kỳ này, tình bang giao thân hữu giữa Lào và Việt đã được thắt chặt và đôi bên đã thỏa thuận rằng biên giới hai nước sẽ được quy định theo lối kiến trúc nhà cửa, nghĩa là những nhà sàn không thuộc về địa phận Việt-Nam.

Ấu cũng là một cách phân định biên giới rất tài tình và

ngộ nghĩnh, tuy không mấy hợp lý vì thiếu khoa-học (1). Nhưng phương pháp ấy đã giúp cho ta lợi dụng tình thế di dân thật nhiều đến những nơi thích hợp, rồi xây dựng nhà trệt thật nhiều, để rồi dễ dàng đặt đổi phương hướng một sự kiện đã rồi.

Vua Lê Thần Tôn không những gả con mình cho vua Lào mà còn tỏ rõ sự không phân biệt chủng tộc bằng cách lấy một người vợ Hòa-Lan (une des six femmes du roi Lê Thần Tôn (1619-1662) était Hollandaise. — Huard et Durand : Connaissance du Việt-Nam).

Điều thắc mắc cuối cùng của chúng ta là tại sao hai nàng công chúa Việt-Nam lấy vua Cao-Mên và vua Chiêm-Thành đã không được sách sử ta ghi chép lại rõ ràng.

Theo ý tôi, sở dĩ sử sách đã lơ việc ấy là vì " bài học của Huyền Trân Công Chúa ". Dân ta hồi nào vẫn còn " tự tôn mặc cảm " đối với các dân tộc thấp kém ; việc cưới gả công chúa cho Chiêm, Mên, chẳng qua là quốc kế, chứ không cho đó là một vinh dự, lại còn sợ đám sĩ phu và dân chúng làm thơ chế giễu như Huyền Trân thuở nọ.

Chính sách mở mang bờ cõi ngày xưa là chính sách dinh điền lập ấp ngày nay đã giúp cho dân bành trướng rất nhiều lãnh thổ

và thế lực trên bán đảo Đông Dương.

Vì thế, ngày nay :  
*Uống nước ta nhớ đến nguồn,  
Thấy non sông rộng, nhớ ơn  
cao dày.*

Trong khi chúng ta tọa lạc trên miền Nam gấm vóc này để an-hưởng thái-bình thịnh-trì, lòng nào lại quên không nhắc đến công nghiệp vĩ đại của Công-Chúa Ngọc-Vạn, người đã đặt quyền lợi Tổ quốc lên trên những thành kiến chủng tộc và đã thiết lập những mối bang giao đầu tiên giữa hai nước Việt-Mên.

Và để kết luận bài này, chúng tôi xin ghi lại sau đây một bài thơ cung vịnh hai vị công chúa Ngọc Vạn và Ngọc Khoa đã làm tròn sứ mệnh của người phụ nữ Việt-Nam, dù xa quê hương đến mấy, vẫn lo tìm cách mở mang bờ cõi nước nhà, bằng phương pháp hòa bình, nhờ có sự thỏa thuận hoàn toàn của đôi bên :

*Ngọc Vạn, Ngọc Khoa vững  
một niềm,*

*Vì ai tô điểm nước non Tiên ?  
Chỉ lo giữ vẹn tình Miền Việt  
Em nhớ làm tròn nghĩa Việt  
Chiêm.*

*Bà-Rja, Biên-Hòa thêm vạn  
dặm,*

*Phan Lang Phan Lý mở hai  
miền.*

*Non sông gập mấy Châu Ô, Lý  
Nam-tiến công người chẳng  
dám quên...*

MỜI KÝ

# MỘT ĐỐI NGƯỜI

★ THIẾU SƠN

CHƯƠNG X

THĂM LÀNG NGHỆ - SĨ SÂN - KHẨU

(Tiếp theo P. T. số 17)

**T**Ừ ngày mới vô Nam tôi đã được nghe anh em ca tụng cô Phùng-Há. « Anh phải đi coi cô Phùng-Há đóng tuồng. Và phải coi cô đóng tuồng Tàu mới thấy rõ tài-nghệ của cô. Khi cô cất tiếng ca thì như có luồng điện giựt làm cả rạp phải say mê nín thở ». Tôi cũng theo các bạn đi coi cô Phùng-Há đóng tuồng và cũng đã có giờ phút say-mê nín thở như lời ca-tụng nói trên. Rồi từ ngày đó hễ có cô Phùng-Há về hát ở Gia-định là tôi phải đi xem. Một đêm cô đóng vai Mạnh-lệ-Quân say rượu làm tôi cười nghiêng-ngửa như chính mình cũng đã nhấp hơi men mà dạo

chơi trong vườn ngự-vườn thay thế cho ông vua đa-tình thiếu cả tài-hoa lẫn phong-độ.

Tôi viết một bài nói về cô Phùng-Há say rượu trên tờ Dân-Báo của anh Bùi-thế-Mỹ. Rồi người được phê-bình gởi lời cảm-tạ. Rồi tôi làm quen với vợ chồng ông bầu gánh Phụng-Hảo và mỗi lần gánh hát ghé Gia-Định là tôi được giấy mời cho hết cả gia-đình. Sau này tôi còn nhiều lần gặp ông Nguyễn-Bửu và chị Bảy Phùng Há, nhưng tiếc rằng gặp riêng từng người một mà không gặp chung cả cặp như hồi đó.

Nhưng đời chị Bảy là đời

Nghệ - sĩ. Trong những đêm người ta êm ấm cảnh gia đình thì chị phải lên sân khấu để cống hiến cho người đời những cảm xúc, những say sưa, những trận cười nghiêng ngửa, những giọt lệ thiết tha để người ta được sống những giờ phút khác thường trong cảnh sống tầm thường lặng lẽ. Cũng như các bạn đồng nghiệp của chị, chị đã hy sinh đời sống riêng tư của chị để tài-bồi cho đời sống tình cảm của chúng ta. Cũng như đối với các bạn đồng-nghệp của chị, tôi chỉ thấy chị ở trên sân - khấu với tài nghệ của chị, với giọng ca của chị, với cái hào - quang rực-rỡ làm cho chị trong sáng và đẹp-đẽ vô cùng.

Cô Năm Phi sau khi qua biển diễn ở Pháp về cũng gặp thời cơ anh-liệt, chia sót bộn bàng cái hào-quang của chị Bảy trên sân - khấu Cải - Lương. Nhưng một người thì mảnh - mai yền - chuyên, một người nghiêm-túc thị hay, một người lãng-tơ thì đẹp, một người có giọng ấm mà trong, một người có giọng hơi rề mà chưa bề nhưng vẫn còn sức thôi - miên trong những cảnh cụp - lạp,

một dăng là Mạnh-Lệ-Quân oai-nghi mà diêm-lệ, một dăng là Điêu-Thuyền tha - thướt, diêm-dúa, èo-lả, mê-ly.

Tôi đã gặp cô Năm Phi ở nhà riêng. Cô tỏ ra lịch-sự, bát-thiếp, vui-vẻ với mọi người và có biệt-nhôn với nhà văn.

Cô Năm chết đi, mất một đối thủ lợi-hại của cô Bảy. Nhưng hai đối thủ bỗ-túc cho nhau, lặn một ngôi sao thì ngôi sao kia cũng chơi-vơi lẽ bạn, gây thiệt - thòi cho sân-khấu Việt-Nam và để nhớ thương bộn-bàng trong tâm hồn chị Bảy.

Trong khi hai ngôi sao đang rực-rỡ chói lòa thì những ngôi sao khác nổi lên với những ánh sáng rụt-rè êm-dịu nhưng càng ngày càng tỏ rõ đề-tô-diêm cho sân-khấu Việt-Nam.

Tôi đã coi cô Thanh-Loan đóng vai chú tiều Lan trong tuồng « Hồn bướm mơ tiên ». Sao khô người và gương mặt cô dào lại thích-hợp với vai tuồng đến thế ! Đẹp quá ! Hay quá ! Xứng quá ! Chú tiều có sắc-diện của một nhà tu - h à n h say sưa mùi đạo, nhưng bao lần đã biểu-lộ tự mất bình-tĩnh trước ma-lực của ái-tình. Những đợt sóng lòng của chú tiều kín-dáo và tế.

nhị đã được diễn-tả bằng tài-nghệ và cả cái hồn-thê tế-nhị và kín-đáo của Thanh-Loan.

Còn cô Kim-Thoa trong những vai hối-hận và đau khổ đã khóc ra nước mắt mà khóc một cách mùi-mẫn thiết-tha làm tôi nhiều lần cũng nghẹn-ngào chặm mắt.

Tôi có dự một bữa tiệc thôi nôi của con cô Kim Thoa có gần đủ mặt anh em kịch-sĩ tới dự. Hôm đó, chồng cô, anh Tư Choi tức Huỳnh-thủ-Trung đã sung-sướng mà cụng-ly với tôi. Tôi cũng sung - sướng được sống với anh chị em những giờ-phút đầm-ấm, đoàn kết và khăng-khít biết bao tình của làng văn nghệ sân-khấu, Anh chị em lấy làm cảm-dộng về sự có mặt của anh em làng văn, làng báo trong những cuộc liên-hoan như thế.

Văng các bạn xã-hội sẽ thiếu-thốn rất nhiều, đời sống lạng-lẽ càng lạng - lẽ đều - hiu.

Tôi thấy các bạn cũng thêm-khác những tình yêu chân-thật, say-mê tình bạn tri-âm, tận-tụy cùng người tri-kỷ, tha-thiết yêu đời và cũng nặng lòng yêu nước như hầu hết mọi người.

Anh Huỳnh-thủ-Trung vừa là

kịch-sĩ vừa làm thầy tuồng. Những tuồng hát của anh phần nhiều có tánh-cách răn đời, có những bài học luân lý hay những lời thiết tha gắn bó về tình non sông, tình đất nước.

Anh đã học chữ nho với cụ Huấn Quyền, nguyên giám đốc Đông kinh Nghĩa-Thục, bị thực dân an trí ở Bến tre, nên anh cũng có những câu đay nghĩa khí cho những vai chí sĩ anh hùng.

Nhưng anh lại có tật mê bạn hơn mê vợ và bê tha nhậu nhẹt cho tới quên cả bốn phận làm chồng, làm cha. Gặp anh chỗ nào là thấy có chai rượu ở đó. Anh ôm bạn trong những giờ phút say-sưa, chửi đời trong những khi quá chén. Nhưng tới khi tỉnh rượu anh lại ủ rũ buồn rầu, ăn năn và đau khổ.

Anh Nguyễn-thành-Châu tức Năm Châu cũng hào phóng, cũng say rượu, say tình và say bạn. Nhưng anh biết tự chủ trong những giờ phút cần phải tự chủ và chỉ bữa bãi những lúc đáng bữa bãi mà thôi. Anh biết tổ chức cuộc đời của anh để giữ một phần lớn ngày giờ cho nghệ-thuật. Anh xuất thân ở một

trường Trung học, ham đọc sách, đọc rất nhiều kịch bản Pháp và những sách nói về nghệ thuật sân khấu ở Tây Phương. Anh bỏ học để theo hát. Nhưng anh vừa làm tuồng vừa viết kịch và có những vở kịch của anh tế nhị và sâu sắc đáo để. Nay anh đã trên 50, bỏ sân khấu qua màn ảnh và chuyên âm cho những cuốn phim ngoại quốc, nhứt là phim Ấn-Độ. Không biết qua địa hạt mới anh có thành công được như anh đã thành công ở địa hạt cũ chăng? Vào khoảng 2, 3 mươi năm về trước anh Năm-Châu có thể coi như một trong những người có công xây dựng và cải tiến nghệ-thuật sân khấu ở miền Nam.

Nói tới Năm-Châu là phải nói tới Tư-Trang. Hai người như hình với bóng. Tư-Trang không phải là một kịch sĩ nhưng anh là một thầy tuồng, một thầy tuồng gần như của riêng gánh Năm-Châu. Đã có Năm châu lại thêm Tư Trang, gánh Năm Châu ăn trộm về tuồng mới, có số-lượng và có phẩm-chất bản-hồi. Cộng sự với Năm Châu không thấy anh Tư Trang than-phiền một lời nào về cách đối-xử của bạn và luôn luôn thấy anh tận-tình săn-sóc cho tên-

tuổi, sự nghiệp, quyền-lợi vật-chất và tinh-thần của anh Năm. Tư Trang thật đáng gọi là ông bầu của ông bầu.

Đối với " quai - kiệt " Ba Vân tôi đã thấy anh ở trên sân - khấu và lên sân-khấu để uống rượu với anh khi văn hát. Ngồi ở dưới mà ngó lên tôi thấy anh linh-dộng, duyên dáng, thông - minh, quá-quật trong những vai tuồng của anh. Trong vai tuồng " Người điên biết yêu ", anh đã cực-tả được một con người bất-thường trong hai trạng-thái xen kẽ với nhau và nhiều khi lại hỗn hợp vào nhau. Làm người điên khó. Làm người điên vì tình cũng khó. Nhưng làm người điên biết yêu lại càng khó hơn. Vậy mà Ba - Vân đã đóng vai tuồng khó khăn đó một cách dễ-dàng. Còn nói tới điệu thì anh thật thần sầu.

Tất cả ở người anh đều chọc cười thiên-hạ được. Nghe anh nói người ta cười. Mà anh làm thỉnh người ta cũng cười được. Anh cử-dộng, anh đứng yên, anh nheo mày, anh bặm miệng, nhứt nhứt đều khiến người ta tức cười. Anh như có tài thôi-miễn trong khoa hài-hước.

Nhưng khi vãn hát tôi lên sân khấu ngồi bên anh mà nói chuyện tâm-tĩnh thì anh lại trở nên nhu-mị, vui-vẻ, ngoan-ngoán, dễ thương. Anh có cảm tình đặc-biệt đối với nhà văn, nhà báo.

Người lớn tuổi nhất trong lớp kịch-sĩ vào thời đó có lẽ là anh Bảy-Nhiều. Anh bây giờ đã gần 60. Vợ chồng anh có một cái quán bán cà-phê kế bên đình Phú-Hòa Tân Định.

Quán nhỏ xíu vừa làm chỗ ăn, chỗ ngủ cho hai vợ chồng già. Hễ khách hàng tới mà quen với ông chủ thì ông chủ không lấy tiền và nhiều khi còn cho thêm tiền là khác. Quán nhỏ mà đông khách, nhưng lại đông hạng khách quen của ông chủ.

Sau nhiều năm xa cách, tôi về Sài-gòn ghé thăm anh thì anh reo mừng, vồn-vã, siết tay, choàng vai, biểu lộ một niềm thương cảm thiết tình làm cho lòng tôi xúc-động.

Tôi nhớ tới anh trong những

vai từng được hoan-ngình bề rạp, nhớ tới anh cách đây 2, 3 chục năm đã làm cho bao người phải hít-hà, chăm-chờ, chăm chú vào từng cử-chỉ và lời nói của anh. Tôi cũng ở trong số những người đó nhưng tôi cho rằng anh đã cống-hiến quá rộng-rãi cho những mối tình giả-tạo thì kho tình-cảm của anh tất phải khô-cạn đối với những mối tình thiệt ở đời. Nhưng tôi đã lầm. Anh Bảy cũng như tất cả các bạn của anh mà tôi quen biết đều có một đời sống tình-cảm dồi-dào giành riêng cho những người tri-kỷ.

Tôi đã thấy được phần nào những kho tàng quý báu ở các bạn, tôi cũng tha-thiết mong cho những người kế-nghiệp học-hỏi ở các bạn những ưu-điểm mà tránh những lỗi-lầm sa-đọa mà chính các bạn đã mắc phải. Các bạn cũng như chúng tôi, chúng ta đều là nạn-nhân của hoàn-cảnh xã-hội và chế-độ thực-dân.

(Còn nữa)



### DANH NGÔN

— Tình yêu bao giờ cũng làm người ta tưởng đến những điều mà người ta nghi ngờ nhất.

(Marivaux)



## NHA-TRANG SƯƠNG MỜ

Ngày đã tắt... Chiều vào đêm lặng lẽ.  
Buồn tự dưng theo sóng vỗ rì rào.  
Gió lùa qua cây lạnh lá lao xao.  
Bờ cát ngủ im lìm trong đêm vắng.



Rồi bỗng chốc sương sa và khí lạnh.  
Gió ngừng im nghe sáo vọng mơ hồ.  
Đàn về khuya trời lạc cõi hư-vô.  
Nghe im vắng đang len vào tiếng sóng.



Nghe hờn nhẹ đi sâu vào cõi mộng.  
Tiếng gì đây, như tiếng nước xa khơi?  
Bóng gì đây, như bóng chiếc sao rơi?  
Hay tháp cũ ma Hời còn vương vất?



Trong đêm lạnh ta nằm im trên cát,  
Thả hồn đi theo mộng khắp trời thơ.  
Khi ta dậy sương trời rơi ướt át.  
Ánh trăng buồn không sưởi được ta khô.



Đêm Nha-trang ơi! Đêm Nha-trang ơi!  
Đêm Nha-trang huyền ảo với sương mờ.  
Đêm Nha-trang còn đẹp đến bao giờ!

HUYỄNH - TẤN

(4-59)



Chuyện

NGẮN

# ĐƯỜNG HAI NGẢ

★ HOÀNG-THẮNG



H I H u o n g  
đứng dậy, nàng  
nhìn sâu vào đôi  
mắt tôi rồi nói:

— Tôi sẽ nghe:  
theo lời khuyên của anh. Tôi cũng  
đã nghĩ kỹ rồi, dù anh không có  
ý kiến đó, tôi cũng đã tính như  
vậy ngay sau khi xảy ra câu chuyện  
khốn nạn đó.

Lòng tôi hân hoan cõi mở khi  
đã rõ ý định của Hương. Khi  
nào việc của nàng đã giải quyết  
xong, tôi sẽ hỏi Hương làm vợ.  
Tôi không thể sống bình thân  
được nếu không có nàng luôn  
luôn bên cạnh tôi — tôi chắc như  
vậy — vì tình yêu của tôi đã trọn

ven dâng cho nàng rồi. Kể ra thì  
tôi cũng hơi ích - kỷ, nhưng, cá  
người đàn ông nào lại không ích-  
kỷ trong tình yêu?

Vì một sự tình cờ, tôi đã quen  
biết Hương tại nhà một người  
bạn gái. Hôm đó tôi đến thăm.  
Ngọc đề tặng nàng tập truyện  
ngắn của tôi mới xuất-bản.

Thấy có khách lạ tôi định rút  
lui nhưng Ngọc đã giữ tôi lại.  
Nàng có vẻ thích thú khi giới  
thiệu tôi với bạn nàng. Người  
con gái ngồi bên Ngọc có đôi mắt  
rất trong và nhất là đôi môi, đôi  
môi nhỏ nhắn tươi đỏ làm sao!

Lúc nghe Ngọc nói tên tôi, đôi  
mắt của người con gái bừng sáng  
như ngọn lửa trong lò sưởi. Tia  
mắt của nàng làm tôi ấm hẳn lòng  
và cũng làm cho tim tôi rung động.  
Tôi linh cảm ngay từ phút ấy tôi  
đã bị tia nhìn đó thu hút hồn mình.

Hương vui vẻ nói,

— Không ngờ hôm nay tôi lại

được hân hạnh quen biết anh. Tôi  
vẫn thường đọc truyện của anh  
nhưng lại luôn luôn thắc mắc đến  
khó chịu về những đoạn kết của  
câu chuyện. Nó là lạ và có khi  
vô lý nữa làm đảo lộn hẳn sự ức  
đoán của người đọc. Lắm lúc xem  
xong tôi lại thấy tung túc, khó  
chịu, bực mình.

Tôi mỉm cười xã giao:

— Có lẽ cô bực mình cả với  
tác giả nữa phải không?

Hương cười hân nhiên:

— Đúng thế. Nhưng riêng lúc  
ấy thôi.

— Nếu vậy may cho tôi quá.  
Nếu cô giận mãi mãi — như  
những lúc này chẳng hạn — thì  
thật tôi cũng chẳng biết nói làm  
sao.

Trước khi Hương về, tôi biểu  
nàng một cuốn vở giòng chữ nơi  
trang đầu: «Mong mỗi cô Hương  
chỉ tung túc, bực mình  
trong phút chốc khi đọc hết tập  
truyện này».

Đọc xong giòng chữ, Hương  
ngước mặt nhìn tôi trong khoảnh  
khắc. Nàng không nói gì nhưng  
ánh mắt của nàng đã gửi cho  
tôi bao niềm cảm mến chân thật.

Khi Hương về rồi, Ngọc mới  
cho tôi hay Hương đã có chồng.  
Chồng Hương là một kỹ nghệ  
gia giàu có ở Saigon. Biết được

một sự thật.

Tôi nhả mặt và đưa vội tay đỡ  
lấy ngọc. Tim tôi như vừa bị  
hộp mạnh, đau nhói.

Ngọc như không để ý thấy sự  
thay đổi đột ngột của tôi, vẫn  
tiếp tục kể:

— Có thể nói vợ chồng  
Hương là hai thái cực. Chị ấy  
tươi vui bao nhiêu thì trái lại, Hải  
— tên chồng chị ấy — lúc nào  
cũng lầm - lầm lý lý, trông thật  
đáng ghét. Nhìn ai thì gườm-  
ghườm như là nhìn kẻ thù. Đã nhiều  
lần chị Hương thường nói không  
khí trong gia đình của chị lạnh  
như một bãi tha ma vậy.

Tôi buộc miệng hỏi Ngọc:

— Biết vậy tại sao Hương  
không thoát ly hẳn cái địa ngục  
gia đình đó?

Nga ngẩn mặt nhìn tôi:

— Anh tưởng cứ lấy nhau rồi  
lại bỏ nhau dễ lắm sao? Đời  
người con gái chỉ một lần lấy  
chồng nếu chẳng may duyên số  
có bị bề bàng thì cũng đành phó  
mặc cho số mệnh, đến đâu hay đó.

Tôi thấy Ngọc có vẻ « an-  
phận» cho số kiếp nên đành im  
lặng nhưng lòng tôi nao nao  
thương cảm cho Hương và càng  
mến nàng hơn nữa.

Không muốn cho Ngọc biết, tôi

đánh dấu kín tình cảm của tôi đối với Hương vào tận đáy lòng. Tôi tự an ủi mình : « Ta yêu Hương như là say mê một tác phẩm hay, một bức tranh đẹp. Thế thôi ! »

Sau đó, chúng tôi thường gặp nhau luôn. Hương rất tin tôi, nàng coi tôi như một người bạn thân nhau từ lâu. Nàng thường tỏ ra ân hận với hoàn cảnh hiện tại.

Có lần Hương còn cho tôi hay nàng nghe mong manh hình như Hải bắt nhân tình với một thiếu nữ tên là Lam. Theo ý nàng, nếu câu chuyện đó có thật, cô gái kia chỉ lợi dụng túi tiền của Hải mà thôi nên nàng cũng bỏ qua không chú trọng.

Nhưng, Hương không chú trọng không được. Câu chuyện xảy ra trước mắt nàng đột ngột quá như một cơn mưa rào ào ào đổ xuống ngay khi ánh mặt trời còn chạng chói.

Tối hôm trước, hai vợ chồng nàng đi xem Đại nhạc hội ở rạp Thống - Nhất. Nơi đây Hải đã nhìn thấy người yêu của mình cũng đi xem với một thanh-niên lạ mặt. Hắn ta đẹp trai, khỏe mạnh và trẻ. Nhìn thấy Lam cười nhí nhảnh bên người con trai lạ, Hải đã không kìm được sự ghen tức đang dâng mạnh làm mờ cả lý trí, anh cũng quên rằng mình

đang ngồi bên cạnh vợ ở nơi đông người và đã hùng hổ bước tới chỗ cặp nhân tình kia.

Đúng là sự bất ngờ xảy ra ngoài chương trình của buổi Đại nhạc hội, chàng thanh niên vô danh kia đã bị Hải tát túi bụi, Tưởng rằng người đánh mình là chồng chánh thức của Lam, anh ta vội bỏ chạy ra ngoài rạp.

« Em buồn và nhục nhã quá. Thật tức hết sức khi Hải đã cư xử như vậy trước mặt em nên em cũng bỏ ra về cùng một lúc với cô Lam.

« Cho tới trưa nay vẫn chưa thấy Hải về nhà. Có lẽ anh ấy nhận thấy mình đã quá lỗ khi ghen với nhân tình ngay chỗ đông người và nhất là trước mặt vợ nên đã không dám về nhà sợ em hạch hỏi chẳng ? »

Sau khi kể hết cho tôi nghe, Hương tỏ vẻ khinh bỉ và ghê tởm người chồng tội lỗi. Nàng tỏ ý không muốn trở về căn nhà nữa và nhờ tôi tìm dùm một nơi tạm. Tôi vội chỉ cho Hương đến ở căn buồng của một người bạn thân của tôi bỏ không vì anh đang làm việc trên Ban Mê Thuật. Rồi trong lúc sốt sắng và cũng vì nghĩ tới mình, tôi đã khuyên Hương nên xa lánh hẳn Hải.

Có lẽ người đàn ông chỉ nghĩ

tới người đàn bà nhiều nhất vào lúc họ rời xa mình. Trong mấy tháng trời sống ly thân chờ Toà xử cho ly dị, Hương luôn luôn phải nghe những lời cầu xin tha thứ của chồng nàng. Hương khăng khăng không chịu và nàng cũng không muốn tiếp chuyện nhiều.

Riêng tôi, tôi cũng mong vụ án đó được xử mau chóng để tôi sẽ tỉnh chuyện của tôi với nàng. Tôi tin rằng Hương sẽ vui vẻ tiếp nhận lời cầu mong của tôi. Đã từ lâu nàng chỉ biết có tôi, không có lý nàng lại từ chối hạnh-phúc mới khi tôi dâng đến cho nàng.

Nhưng một dịp không may đã xảy ra làm sai lạc hẳn mọi dự tính của tôi.

Vào một buổi chiều thứ bảy, khi mọi người đều tóa ra ngoài đường phố để đi dạo mát, tôi lái chiếc Morris thẳng hướng Trần-hưng-Đạo vào Chợ Lớn.

Khi tới một ngã tư, xe đang chạy nhanh, bất chợt, một người khách bộ hành chạy băng qua lộ ngay trước mũi xe.

Tôi vội thắng lại nhưng không kịp. Người lạ mặt bị mũi xe hất tung lên nằm sóng sượt trên vũng máu. Mọi người đổ xô đến và tôi cũng mở cửa xe nhảy vội xuống đường.

Tôi sùng sốt hết sức khi nhận ra người bất hạnh đó là Hải, chồng của Hương. Thế là gián tiếp tôi đã giết chồng nàng trong

lúc vụ án ly dị chưa được xử. Hương sẽ nghĩ sao về tôi khi tôi tường thuật lại câu chuyện bi thương này ?

Nhờ những người làm chứng khai chính mắt họ trông thấy Hải đã lao mình vào mũi xe của tôi để tự tử nên tôi đã được tự do. Tôi phân vân và riêng trách Hải sao lại nhe đúng xe của tôi để lao đầu vào mà không phải là của người khác ?

Việc đầu tiên là tôi lại ngay nhà Hương để báo tin. Tôi cố lấy bình thần kể lại cho nàng hay và ân hận đã xảy ra câu chuyện đó. Tôi không dám khuyên nàng đừng buồn, tôi chỉ mong tình bạn vẫn mật thiết giữa tôi và nàng nhưng tôi ngạc nhiên hết sức khi Hương đã nức nở khóc và sua đuôi tôi như sua đuôi một kẻ sát nhân.

Có lẽ theo ý nàng nghĩ — Hải vì buồn rầu về sự ly thân của hai người nên đã đi tìm cái chết để giải thoát mọi sự dằn vặt nội tâm và cũng vì cái chết của Hải mà tình yêu và thương đã trở lại với nàng.

Riêng tôi, tôi không còn can đảm để mở miệng hỏi nàng làm vợ nữa. Hạnh phúc cũng đã chết theo Hải rồi. Một cái hố sâu đã ngăn cách Hương và tôi, chia rẽ chúng tôi mỗi người đi một ngã trên cùng một con đường đời muôn dặm.

## TÂM SỰ VƯƠNG - CHIÊU - QUÂN VÀ HUYỀN-TRẦN CÔNG CHÚA

**M**ỘT sự ngẫu-nhiên trong lịch-sử Việt-Hoa, là hai người đàn bà, tuy sinh ở hai địa-điểm và hai thời-gian khác nhau, nhưng lại có một hoàn-cảnh và một tâm-sự giống nhau. Đó là Vương - chiêu - Quân đời Hán (năm 32, trước Tây lịch kỷ nguyên), và Công chúa Huyền Trân đời Trần (1306).

Chiêu-Quân, tên tộc là Vương-Trường, cung-nữ của Vua Hán-Thành-Đế. Phải khi quân Hung-Nô vào khuấy-nhiều biên-thùy Trung - quốc, gian-thần là Mao-diên-Thọ, trước có hèm-

khích với Chiêu-quân, bèn dâng kế xin đưa nàng sang cống cho rợ Hồ, để cầu hòa. Khi đến đất Hung-Nô, Chiêu quân tự-tử cho trọn nghĩa với vua nhà Hán.

Còn Huyền-Trần công-chúa là gái của vua Nhân-tôn nhà Trần.

Năm quý tị (1293) Nhân-tôn truyền ngôi cho con là Anh-Tôn, rồi lên làm Thái-thượng-Hoàng. Năm tân-sửu (1301) Thượng-Hoàng sang du-ngoại Chiêm-Thành, có hứa gả con gái là Công-chúa Huyền-Trần, cho Chiêm-vương là Chế-Mân. Đổi lại vua Chăm bằng lòng dựng hai châu Ô, Lý để làm sính-lễ. Năm bính-ngọ (1306) vua Anh-Tôn cho đưa em gái là Công chúa Huyền-Trần sang Chiêm-Thành và thân-nhận hai châu Ô, Lý, đổi tên lại

là Thuận - châu và Hoá-châu, tức là đất Thuận - Hoá (Huế)

ngày nay. Năm sau, Chế-Mân mất; theo tục-lệ Chiêm-thành, khi nhà vua chết, các vương hậu phải chịu hỏa-thiêu, chết theo chồng. Được tin ấy Anh-Tôn sai đại-tướng Trần - Khắc - Chung đến Chiêm-Thành, tìm cách rước

Huyền-Trần về nước.

Cả hai người Chiêu-Quân và Huyền-Trần, đều ra đi một cách bất đắc dĩ, mặc dầu đã nhận lãnh một sứ-mạng nặng nề: đem lại hòa-bình cho đất nước, bằng cách kết tình hòa hiếu giữa hai dân-tộc, thường hèm-khích lẫn nhau. Thật không còn có sự hy-sinh nào cao-quí hơn nữa!

Ta nên biết rằng khi xưa người Trung-quốc thường có óc tự-phụ cho mình giống người văn-minh nhất thiên-hạ, vua của họ là thiên-tử, nước của họ là thiên-triều, ngự-trị vùng Trung-Nguyên hay Hoa-Hạ, còn bốn phương, tám hướng đều là di-dịch, man rợ cả. Chúng đã dùng câu Đông di, Tây dịch, Nam man, Bắc nhung để gọi các người ở chung-quanh mình. Do đó cái tâm-lý « tự tôn mặc - cảm » ấy, chúng xem thiên-hạ không ra gì cả, mà chỉ có họ là « trời con ». Nay nhất-dán, phải ép lòng đưa một cung-phi, sang cống cho rợ Hồ, thật là một điều sỉ-nhục cho cả nước. Riêng Chiêu-quân phải đem tấm thân « vàng - ngọc » dựa kề « giống hôi-tanh », cái tâm-sự của nàng, lúc bấy-giờ, quả thật là nao-nề, bi-đát, chỉ có cái chết mới mong xóa bỏ được. Quả-

nhiên Chiêu-quân đã mượn con đường này, để được trọn nghĩa với Hán-hoàng.

Nước Việt-Nam khi xưa, đối với các lân-quốc miền Nam, như Chiêm-thành, Chân-lạp, Lào qua, cũng đồng một quan niệm « khinh khi » như Trung-quốc đối với các dân-tộc miền Bắc.

Đành rằng: vì chữ hiếu. Công-chúa Huyền-Trần phải đành kết hôn với một người ngoại-bang, mặc dù người ấy là một vị vua. Nhưng tâm-sự của nàng khi cất bước « Vu - qui » cũng bi-đát nào nùng, không kém tâm-sự của Vương Chiêu-quân, mà có lẽ còn nhiều hơn nữa. Không biết hậu-thế, có ai hiểu cho « nỗi lòng » của hai nàng, mà nhớ cho vài giọt lệ nào chăng?

Hơn hẳn Chiêu-quân, Huyền-Trần đã thực-hành được một sự hy-sinh cao cả: đem tấm thân ngàn vàng để đổi lấy Ô-Lý, tức là nói rộng lãnh-thổ quốc gia, mà khỏi tổn một giọt máu, một mũi tên nào cả.

Đây là một lối chinh-phục đât-đai tàn-kỳ nhất, ôn-hòa nhất mà cũng hiệu-nghiệm nhất, còn hơn chánh-sách « tâm thực » của Nguyễn-cur-Trinh sau này.

Trong lịch-sử Nam - tiến của dân-tộc ta, có lẽ công-chúa Huyền-

Trần là người phụ-nữ đầu tiên và duy nhất, đã mạnh dạn mở đường cho các thế-hệ sau này.

Những người, hiện đang sinh-trưởng ở làng Thuần-Hóa, Quảng-Nam ngày nay, có tưởng nhớ chăng công-nghiệp của con người, cách đây hơn sáu trăm năm, đã phất cờ Nam-tiến, không phải với võ-lực, với máu xương, mà chỉ với một đức hy sinh vô bờ bến.

Công nghiệp ấy không sút kém một Nguyễn - Hoàng hay một Nguyễn-cư-Trinh.

Một điểm khác nữa, là không giống với Chiêu quân đời Hán, Huyền-Trần đã hiểu rõ lẽ kinh quyền, không chịu đem cái chết vô-kết-thúc đời mình, một cách vô-lý và mù quáng. Nàng đã tìm cách trốn về quê hương, sau khi đã hoàn thành sứ-mạng cao-cả của mình. Có lẽ mối tình giữa nàng và đại-tướng Trần-khắc-Chung cũng là một trong những động-cơ, thúc đẩy nàng vạch ra con đường «sống» đó, trong khi phong-tục, tập quán Chiêm-thành, buộc người đàn bà phải chết theo chồng. Nàng đã sáng suốt chống lại một tập tục gàn như dã-man ấy.

Canh ngộ khắc-khe của công chúa Huyền-Trần, khi phải lìa xứ sở ra đi, hiển thân cho một người dị tộc, đã biến thành một thiên tình-sử bi hùng tráng, làm dầu dễ không biết bao nhiêu là thi ca, kịch-bản trong nước ta. Cho đến người đương thời cũng thương tiếc giùm

cho số phận hăm-hiu của một nàng công chúa « lá ngọc cành vàng » bằng cách biểu lộ tình thương ấy, trong câu ca-dao :

«Tiếc thay cây quế giữa rừng,  
«Đề cho thằng mán, thằng  
mường nó leo.»

Cây quế đây là ám chỉ công-chúa Huyền-Trần còn thằng mán, thằng mường là ám-chỉ Chiêm-vương Chế-Mân vậy.

Và một câu khác :

«Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,  
«Đã vo nước đục, lại vắn lữa-  
rom.»

Các thi nhân cũng không thiếu đề tài, khi muốn đem chuyện công-chúa Huyền-Trần ra ngâm vịnh.

Sau đây là một bài thơ, thể thất ngôn bát-cú của một nhà văn cận đại, vịnh công-chúa Huyền-Trần, mà tôi mạn - phép, mượn làm lời kết-thúc cho bài này :

«Đôi chác khôn ngoan  
khéo nức cười,  
«Vốn đà không mất, lại  
thêm lời,  
«Hai châu Ô, Lý, vuông  
nghìn dặm,  
«Một gái Huyền-Trần, của  
mấy mươi t  
«Lòng đỏ khen ai lo việc.  
nước.  
«Môi son phai giống mắt  
trên đời.  
«Châu đi rồi lại châu về đó,  
«Ngơ-ngẩn trông nhau, mấy  
đứa Hời.»



## CHỜ MONG

Một mảnh trăng lưỡi liềm,  
Mơ màng nhìn xuống hiên.  
Một làn gió tha thướt,  
Nhẹ như áo nàng tiên.

Tôi đợi từ hôm qua,  
Tôi mong từ hôm kia.  
Thời gian ơi, có biết  
Tôi chờ mong thiết tha ?

Thiết tha là lòng mong !  
Tôi mến vầng trăng trong,  
Tôi yêu làn gió dịu,  
Thường chờ ở bên song,

Trăng gió đã về đây,  
Chờ mong như bóng mây,  
Lững lờ trôi không bến.  
Lòng tôi, gặp sao mây !

« TUYẾT-HƯƠNG

# TÚ TRUNG

## ★ LƯƠNG-TRỌNG-MINH



Tú Trung và Nguyễn - công - Trứ là đôi bạn tâm giao. Hai ông thường lui tới với nhau để xướng-họa, ngâm vịnh và « liếc mắt trông xem người lớn bé » để rồi « vẽnh râu bàn những việc xưa nay ! ».

Đó là vấn đề Thời-sự. Thiên giai thoại văn chương này có tính cách cá nhân

dính líu đến thân thế và sự-nghiệp của Nguyễn-công-Trứ nếu Tú Trung không dọa-dẫm mà « bắt bình nổi trận đùng đùng sấm vang » để « mượn hơi hùm rưng nhác khi » thì Nguyễn-công-Trứ cũng đã một phen rơi đầu... xanh cỏ... !

TÚ-TRUNG họ là gì, chữ lót là gì ít người biết rõ. Ông ta đậu tú-tài hồi thời Minh-Mạng, đã có vợ và lẽ tất nhiên là có con từng

bầy (bà Tú, người thấp thấp lùn lùn như Gà Ri vậy !).

Một hôm cụ Tú nhà ta mời Nguyễn-công-Trứ qua dự lễ

ăn mừng đầy tháng cho một đứa con trai út. Theo quan niệm xưa thì « nhất nam viết hữu thập nữ viết vô » hay « nữ-nhi ngoạt lộc » cho nên cụ Tú Trung làm một bữa tiệc linh đình để thiết-đãi các bạn tâm giao, và hầu hết là sính thơ.

# TRẢ ĐUA

Nguyễn-công-Trứ đi ngay sau khi được thiệp mời của Tú Trung.

Đến nhà, cụ Tú niềm-nở tay bắt mặt mừng... và mời Nguyễn-Quân an-tọa.

Theo « nghi thức thường lệ » thì bà Tú bồng con trai út ra khoe — Cụ Nguyễn-công-Trứ cười chúm-chím rồi ứng khẩu đọc một câu thơ :

*Nay mừng Quan-lớn đẻ con...  
Trai !*

Vợ chồng Ông Tú Trung mừng rỡ đặc ý hỏi :

— Sao nữa, cụ Nguyễn ? Xin cụ nói tiếp luôn, nghe nào... ?

Nguyễn-công-Trứ ung dung cười nụ :

— ĐÓ CỦA...

Tú Trung, bản chất đa nghi như Tào-Tháo, nóng nảy thét-yêu :

— Của ai, thưa cụ ?

Cụ Nguyễn ôn tồn đáp thành câu thơ thứ hai :

— Đố của Ông « làm », chứ của... ai !

Bà Tú cười bẽn lên như gái mới về nhà chồng nhưng cũng gắng gượng nói liều mạng :

— Thôi Cụ ! đố là lẽ tất nhiên, Cụ khỏi cần nói !

Tú Trung gật gù :

— Thế bây giờ Nguyễn Tiên-sanh chúc cho cháu câu thơ gì nữa nào ?

— Nguyễn-quân này mới kỳ khôi chứ ! nói thì cứ nửa úp... nửa mở... làm mình sốt ruột...

Nguyễn-công-Trứ cười ruồi :

— NUÔI CHO MAU LỚN... ĐI...: ĂN CƯỚP...

Tú Trung lè lưỡi :

— Kỳ quái quá ! Sao cụ lại chúc cho cháu là lớn lên đi ăn cướp ?

— Nguyễn - công - Trứ cười, tiếp luôn :

— CƯỚP LẤY « KHOA KHÔI » THỂ MỚI TÀI !

Cụ Tú-Trung thở ra :

— À ! có thể chứ ! Xin Nguyễn quân đọc lại cho tớ nghe kéo tớ quên mất.

Cụ Nguyễn vừa cười vừa gật gù ngâm sang sảng :

*Nay mừng... quan lớn đẻ con  
Trai !*

*Đố của Ông làm, chứ của ai ?*

# Nguyễn-Công-Trứ

Nguyễn-công-Trứ đáp liền :

— Nuôi cho mau lớn...

Thi-sĩ họ Nguyễn lại ngửng... Ông Tú nói :

*Nuôi cho mau lớn đi ăn  
cướp...*

*Cướp lấy khoa khôi thể mới  
tài »*

☞ Cả nhà vui nhộn trong bầu không khí thân mật — Riêng cụ Tú Trung thì « hậm hực », nghĩ kẻ « trả dũa » cụ Nguyễn-công-Trứ, nhưng thời giờ chưa cho phép ông Tú-Trung tìm ra kẻ sách..., « huyền diệu », hay diệu huyền, cho nên đành phải ngậm-ngùi « *Bonjour Tristesse* » như Nữ sĩ F. Sagan, hay « *Buồn ơi ! chào mi* » như « bà Tú » Diệu-Huyền, vợ (?) của « ông Tú » *Phê-Thông* nhà ta vậy ! (1)

Tiệc vui đã tàn, Nguyễn-công-Trứ ra về không mang theo « *mấy ả hầu non* » để hành lạc nhưng thường lệ, cũng không : « *năm ba chú tiêu đồng lịch - thêch* » để « *tiêu dao nơi hàn cốc thâm sơn* » và cũng không mang theo « *nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn* » mà chỉ lòng thông « *đỡ thích chí chắt đầy trong một túi* » vì đã dám « *chơi xỏ* » ông bạn Tú Trung.

Chúng ta ai cũng biết cụ Nguyễn-công-Trứ không những là một thi-sĩ trứ danh, một nhà nho tiết tháo, mà còn là

(1) Xin lỗi cô Diệu-Huyền, tôi nói ầu, không biết trúng hay trật !

một nhà kinh tế học, chính trị gia đại tài.

Thuở Hàn-vi, cụ từng ôm-ấp hoài bão :

« *Đã mang tiếng đứng trong Trời đất  
Phải có danh gì... với núi sông.* »

hay :

« *Có Trung-Hiếu nên đứng trong trời đất. Không công-danh thì nát với cỏ cây.* »

Ngược dòng văn-học-sử, chúng ta đã thấy cụ Nguyễn đã bị nhiều phen thăng-trầm trên đường hoạn-lộ. Cụ đã từng nói với người bạn đồng liêu của cụ (khi ông này gặp cụ Nguyễn-công-Trứ tại Quảng-ngãi, khiêm tốn trong bộ đồ lính trơn (vì lúc bấy giờ cụ bị cách xuống làm lính) :

— « *Khi làm TƯỚNG, ta không lấy đó làm Vinh, cho nên khi làm LÍNH ta không cho đó là NHỤC.* »

Thử hỏi ở thời đại nguyên-tử này có mấy kẻ tinh thần phục-vụ nhân-dân vô điều kiện như cụ Nguyễn, một tinh thần vì Dân vì Nước không vụ lợi, không hiểu danh... Cụ Nguyễn-công-Trứ đã dám nói và đã dám làm.

Nếu là Học Sinh, Sinh-viên, chúng ta cũng nên có một câu

trương-tợ để làm phương-châm hành động trong những mùa Thi-cử khi « *thất bại ê chề* », khi « *tung hoành oanh liệt* » :

— « *Khi thi Đậu ta không cho đó là Vinh, cho nên khi thi Rớt ta không lấy đó làm NHỤC* » thì cũng an ủi một phần nào và cũng tự hào lắm đấy !

Thuở Hàn-vi, cụ Nguyễn-công-Trứ đã muốn thoát cái cảnh : « *ta đã mỗi cảnh ngồi trì... dần dần, nọ nọ, kia kia... nó đã vượt râu làm bộ* » để rồi nuôi chí lớn :

« *Hơn nhau một tiếng CÔNG HẦU* »

Nhưng... khi ra làm quan, cụ đã chán ngấy những cảnh chướng tai... gai mắt... của xã hội quan tham ô lại, chỉ biết nịnh hót tăng bốc vô liêm sỉ để hồng bước lên nấc thang danh vọng, cho nên cụ muốn :

« *Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp — Trong thú Yên-hà cuộc tỉnh say* »

Đề rồi :

*Liếc mắt trông xem người lớn bé  
Vãnh râu bàn những việc  
xưa nay.*

*Của Trời : trăng gió kho vô tận*

*Cầm hạc tiêu dao đất nước này*

Cho nên ta cũng không lạ gì khi vua Minh-Mạng thăng hà chưa đầy một năm mà Nguyễn-công-Trứ đã lên chức Tổng-Đốc Hải-Dương đã dám « *độc sơn thuyền* » mang theo « *bầu rượu, túi thơ* » cùng « *mấy ả hầu non* » để « *chơi cho lịch một là chơi, chơi cho dài các cho người biết tay, Tài tình để mấy xưa nay* »...

Một hôm, « *Ánh trăng vằng vặc... giữa trời.* » Tú Trung tình cờ bắt gặp cụ Nguyễn-công-Trứ đang « *đình ninh hai miệng một lời song song* » với một ả hầu non, trên chiếc thuyền bé nhỏ.

Cụ Tú đứng lại... vụt nhớ đến chuyện chơi xỏ của Nguyễn-quân cách đây vài tháng.

Cụ Tú lạnh trí, len len chạy nấp sau một cây cò thụ rồi la lớn mấy tiếng thất thanh :

— Ô HỒ !! Ô HỒ !!

Nguyễn - công - Trứ giật nảy mình ôm vội mấy ả hầu non để dõn nghị-lực, phòng khi bắc trặc xảy ra, vì cụ đình ninh rằng ma, nhưng không dè là Ma Sống, mà « *ma sống* » ấy không ai xa lạ, lại là cụ Tú Trung !

Tú-Quân phá lên cười rồi

xuất đầu lộ diện, Nguyễn-công-Trứ hét lớn :

— Hừ ! Đờ quý ! Làm ta hết hồn, hết vía ! »

Tú Trung cười nụ :

— Hừ ! quý à !!

Rồi ông tiếp :

— Ô HỒ !! Ô HỒ !!!

THIÊN !!

THIÊN TỬ THĂNG HÀ  
VỊ NHẤT NIÊN... (2)

Nguyễn-công-Trứ vội nhảy lên bờ... và bịt miệng Tú Trung, Tú Trung hát tay Nguyễn-công-Trứ ra mà nghiêm-ngự :

— *Thảo mộc sơn hà giạt sát lệ !*

*Hạt dương Tông đốc độc  
sơn thuyền !*

Nguyễn-công-Trứ sợ thiên hạ nghe, liền tái xanh mặt, khăn khăn :

— Lạy Ông !! Ông dọa tôi có phải không ?

Rồi Nguyễn-công-Trứ với cặp mắt đỏ ngầu, nửa đùa nửa thật :

— Ông im dùm... cho tôi một chút... kéo mấy ả hầu non nghe được mách lại với bọn Ninh thần. (vì lúc ấy nhiều vị quan thấy Nguyễn-công-Trứ có tài đức thì đem lòng ganh-ghét, luôn tìm mọi cơ hội để dèm pha,

(2) *Vua mất mắt chưa được một năm.*

cố phá hoại cụ) thì tôi rụng đầu như chơi !

Tú Trung nghe lời lẽ chân thành và có vẻ sợ-sệt của cụ Nguyễn, ông cười tươi như hoa nở :

« *Ở đời muôn sự của chung,  
Hơn nhau một tiếng anh hùng  
mà thôi »*

Cụ Tú dụng ý lấy hai câu thơ của Nguyễn-công-Trứ để « chơi xỏ » Nguyễn - quân cũng như những chính trị gia xưa nay đều dùng chính sách « lấy gậy thầy gõ đầu thầy » vậy.

Duyên văn tự đã vô tình đem lại cho hai nhà nho tiết tháo một giai thoại văn chương lý thú.

Là những kẻ hậu sinh, chúng ta âm thầm nghiên-ngẫm những văn thơ trác tuyệt đối thoại ấy, để rồi luận cò suy kim....

Dưới thời Phong kiến, Nguyễn-công-Trứ đã từng tuyên bố :

« *Ba vạn anh hùng đè xuống  
dưới  
Chín tầng thiên tử đội lên  
trên »*

Thế mà

« *Thiên tử thăng hà vị nhất  
niên, thảo mộc sơn hà giạt  
sát lệ »*

Đờ rồi... Nguyễn-công-Trứ cả gan :

« *Hạt dương Tông đốc độc  
sơn thuyền... »*

Chúng ta có quyền phân vân tự hỏi : « Nguyễn - công - Trứ muốn người quên nỗi buồn... vạn dặm... của nho phong sĩ khí đã đến lúc... suy tàn... chăng ? ! »

Hay là « chế độ phong kiến chỉ gò bó con người đến một độ nào đó để rồi nhường chỗ cho tự do phóng túng của Thi-nhân ?

Rất mong quý bạn góp bàn ý-

kiến riêng tây để thiên giai thoại này thêm phần hữu ích cho xã hội hiện thời cho nhân tình thế thái dễ khỏi mang tiếng là thời đại mà :

« *Tiền tài hai chữ sơn khuyên  
ngược  
Nhấn nghĩa đôi đường nước  
chảy xuôi !..*

Ô-hồ ! Ô-hồ... Thiên !

(*Viết trên bờ Hương-Giang  
Huế*)

## ★ DANH NGÔN

— Sự thành công của cách mạng không phải là xây dựng trên sự Giết người mà là xây dựng trên sự Cứu người.

(TÔN-TRUNG-SƠN)

## ★ HẸN HỒ

*Một chiếc xe hơi Mỹ, do một thiếu phụ Việt-nam lái, chạy đường Trần Hưng Đạo, nhưng cứ đâm qua đâm lại, như người say rượu.*

*Tôi lái xe chạy phía sau, hết sức ngạc nhiên, vượt qua để xem : thì ra một thiếu phụ trẻ đẹp, tay thì lái mà mắt cứ ngó một bản đồ thành phố trải bên cạnh nàng. Đến đèn đỏ chỗ ngã tư Nancy, tôi ngừng xe cạnh nàng, hỏi :*

— *Xin lỗi bà, bà kiểm đường nào đó ?*

*Nàng đáp rất tự nhiên :*

— *Người tình non của tôi hẹn gặp tôi ở đầu đường Khổng-Tử... Khổng-Tử ở đâu vậy ông ?*

*Đèn xanh vừa bật, tôi đáp lại :*

— *Dạ, thưa bà, Khổng-Tử ở nước Lỗ, bên Tàu ợ.*

*Rồi tôi lướt xe qua luôn.*

TRẦN-THIỆN-MINH

# NORTON I

## HOÀNG ĐẾ

# NUỚC MỸ

(Tiếp theo P. T. số 16)

▲ NH đi đâu như thế mỗi ngày ? Câu hỏi đó vô ích; vì dân chúng biết rằng anh đi « ngự-du » để quan sát dân tình. Anh là ai ? Cũng không cần câu ấy nữa, vì dân San Francisco đều biết anh là Norton I « Hoàng đế của nước Mỹ », ngự tại thành phố San Francisco.

Chương trình công việc hằng ngày của Hoàng đế Hoa Kỳ, ai cũng biết cả.

Sáng, ngài đi đến tiệm thợ

may quen của ngài để bảo may thêm các đồ lễ phục. Đó là tiệm may lớn nhất, sang trọng nhất của San Francisco. Mỗi lần

Norton bước vào tiệm, anh chủ thợ may vội vàng ra đón tiếp rất kính cẩn :

— Kính chào Hoàng thượng.

Norton gật đầu rồi nói :

— Anh kết giùm hột nút áo sơ mi của Trẫm.

Anh thợ may cúi đầu :

— Xin vâng lệnh bệ hạ.

Norton hút một thứ thuốc điếu

riêng biệt mà hãng làm thuốc lớn nhất ở San Francisco chỉ làm riêng cho Norton dùng, trên điếu thuốc có in hai chữ « Norton Ier » bằng kim nhũ.

Norton vào tiệm ăn để dùng bữa ăn sáng, vì « Hoàng đế nước Hoa-Kỳ » chỉ ăn cơm tiệm, ngài bước vào, thì chủ tiệm vội vàng chạy ra đón tiếp trong lúc tất cả khách ăn nơi các bàn đều mỉm cười cúi đầu: « Chào Hoàng Đế ».

Nơi khách sạn có để dành một bàn đề Hoàng Đế Norton I, và cô bồi bàn coi bộ kính trọng và thêm muốn Hoàng Đế nước Mỹ lắm. Hoàng Đế cũng vui lòng bắt tay cô.

Đi đường, gặp lũ học trò đi học, chúng dơ nón và cặp sách lên trời, miệng hoan hô: « Hoàng đế Norton Ier muôn năm ! » Rồi chúng cười khúc khích với nhau không dám đề Hoàng đế trông thấy.

Norton mỉm cười đáp lại:

— Các em ngoan quá. Trẫm rất bằng lòng.

Norton đi lang thang ra chợ. Bà hàng trứng quỳ gối thưa.

— Xin Bệ hạ mua giùm trứng vịt của tôi.

Một bà khác cũng cúi đầu cúi lưng xuống :

— Thưa Bệ hạ, trứng vịt của tôi cũng còn tươi lắm ạ.

Hoàng đế Norton Ier gật đầu cảm ơn nhưng không mua vì trong túi không tiền.

Thỉnh thoảng gặp một cô gái đẹp lộng lẫy bán hàng, Norton đứng ngắm say mê, nhưng không dám hỏi chuyện, sợ mất giá trị một vị Hoàng Đế nước Mỹ.

Chương trình hàng ngày của Norton Ier Hoàng Đế xứ Huê Kỳ chỉ có thể thôi. Nghĩa là đi ngoạn du trong thành phố từ sáng đến chiều, lúc mỗi chân vào ngồi các tiệm cà phê.

Tất cả dân chúng thành phố San Francisco đều kính trọng « ngài » và không ai chê ngài vào đâu được cả.



Ta hãy tìm lại trong sử sách lai lịch của vị « Hoàng-Đế » ly kỳ, không tiền khoáng hậu ấy, mà dân chúng Mỹ vui lòng nhận làm Hoàng-Đế của họ.

Quê quán ở Londres, kinh đô nước Anh, chính là dân Anh, Joshua Norton theo cha sang Nam Phi từ thuở còn bé. Cha chàng lập nghiệp tại thành phố Capetown, mở một hãng buôn nhập cảng. Sau cha chết, chàng mới lớn lên, nối nghiệp cha, cai quản nhà



buôn. Công việc buôn bán kè cũng phát đạt, nhất là vào khoảng giữa thế kỷ 19, việc thương mại giữa Âu-Châu và Phi Châu rất là thịnh vượng. Nhưng Norton là một chàng thanh niên có óc phiêu-lưu, ưa việc mạo hiểm, gặp lúc Mỹ-Châu đang ở trong thời kỳ quật khởi, kỹ nghệ và thương mại rất là thịnh hành, Norton nghe người ta đồn rằng ở tỉnh Californie của Hoa-Kỳ, làm ăn rất mau phát đạt, chàng bèn bán hết sự nghiệp ở Capetown để sang Mỹ-Châu thử số mệnh. Nhân có một chiếc tàu buồm của Đức tên là tàu Franziska cập bến sắp vượt biển, sang Californie, Norton vui mừng nhảy xuống chiếc tàu ấy với một va li đựng tiền và nhiều đồ dùng cần thiết :

Rõ thật là :

*« Liều mình nhắm mắt đưa chân,*

*Thử xem con tạo xoay vần thế nào ! ».*

Và chiếc Franziska thật là :  
*« Chiếc thuyền bào ảnh thấp  
tho mặt ghềnh.*

Ở Norton, một khách phiêu lưu lữ thứ, từ nay không cửa không nhà, một thân một mình trên chiếc tàu vô định, đến một

xứ lạ, một chân trời xa-xăm, trôi nổi trên trường đời.

Tàu Franziska ghé Rio de Janeiro, kinh đô Brésil, một xứ Nam-Mỹ, đi vòng Cap-Horn rồi đến cập bến San Francisco.

Bây giờ là tháng 11 năm 1849 năm khởi đầu cuộc chạy đua tìm vàng, mà sau vua hề Charlot diễn một tuồng chớp bóng để cười chơi. Từ thành phố San Francisco ra về phương Bắc chừng bốn năm ngày đường thì đến một dãy núi bao la đầy những suối vàng róc rách chảy, những hột vàng lấm tấm chói rực rỡ dưới ánh mặt trời.

Chàng Norton vui-mừng xuống San Francisco, nghĩ thầm rằng chàng sẽ lượm được nhiều vàng và sẽ mau trở nên nhà triệu-phú.

Norton lúc bấy giờ mới 24 tuổi. Chàng xách va li từ trên tàu đồ bộ xuống bến, vừa đi vừa huýt gió, coi bộ đắc chí lắm.

Từ giả Capetown để đi Californie, Norton đem theo tất cả vốn liếng được 30 ngàn đồng đô la. Xuống thành phố San Francisco chàng đi rảo khắp trong phố để quan sát tình hình buôn bán suốt một tuần lễ, chàng đứng đĩnh đi xem các cửa tiệm, các hàng hóa, và tình trạng sinh hoạt của

từng lớp dân chúng từ thợ thuyền đến quý tộc, tất cả mọi người ở tứ xứ vừa di cư đến lập nghiệp ở nơi đô thị mới mẻ này cũng như chàng vậy.

Xong chàng quyết định mở một hàng nhập cảng hoàng hóa ngoại quốc, xuất cảng vàng ở San Francisco và buôn bán chợ đen. Chàng thực hành chương trình ấy và đã làm giàu mau chóng. Không bao lâu chàng đã trở nên một nhân vật danh giá của San Francisco mà tính tình vui vẻ, lịch thiệp đã được bao nhiêu người mến chuộng.

Từ năm 1850 đến 1853 San Francisco bị nhiều đám cháy lớn, do bọn manh tâm vì làm ăn thất bại, mà có ác ý đốt thành phố. Một ủy ban trật tự được cử ra để bảo vệ cho dân chúng và Norton được tham gia vào Ủy-Ban. Một số người lưu manh bị bắt quả tang châm lửa đốt nhà, Norton đề nghị và được Ủy-ban tán thành, đem treo cổ bọn người ấy ngay tại chợ, và từ đó về sau, hết nạn cháy nhà.

Hàng buôn của Norton cũng bị cháy rụi hai lần. Nhưng Norton kiên nhẫn xây dựng lại, và hai năm sau, chàng đã dành được cái vốn 250 ngàn đồng đô la.

Nhờ giàu có, Norton chiếm được địa vị khả quan, và nhờ những kinh-nghiệm và tài năng về vấn đề thương mại và xã-hội. Norton đã được dân chúng San Francisco trọng vọng tin tưởng và chính phủ tin cậy. Dân chúng ai cũng thiếu đến chàng, chàng sẵn lòng cho vay mượn. Ai hỏi ý kiến về chuyện gì, chàng sẵn lòng khuyên bảo. Chàng luôn luôn giúp đỡ mọi người vì tính chàng hào hiệp, rộng rãi, hòa nhã.

Nhà cầm quyền San Francisco nhiều khi phải mời chàng đến đề bàn bạc về các công việc ích lợi trong thành phố, và ý kiến của chàng thường được nghe theo vì chàng có óc xã hội, kinh doanh, thực tế.

Xứ Huê Kỳ bấy giờ mới thành lập, cho nên nhiều khi chính phủ trung ương sơ sót trong công việc tổ chức xã hội. Norton liền nhận thấy những khuyết điểm và đề nghị những biện pháp cải thiện. Chàng thường chắc lưỡi nói với chúng bạn : « À, nếu tôi làm Hoàng đế Hoa Kỳ, tôi sẽ... tôi sẽ... »

Chàng nói rất có lý, nên bạn bè gọi đùa chàng là « Hoàng đế ». Dần dần dân chúng thích chàng cũng bắt chước gọi đùa chàng là « Hoàng đế ».

Và lại lúc bảy giờ tiếng tăm của Hoàng đế Pháp, là Napoléon III lừng lẫy ở Huế Kỳ, có kẻ bảo « Tại sao nước Pháp có một vị Hoàng đế Napoléon mà sao nước Huế Kỳ chúng ta lại không có một vị Hoàng đế Norton ? ». « Dân Mỹ bốn tính ưa chuộng những chuyện mới lạ, bảo nhau : «Ừ nhỉ. Tại sao chúng ta không tôn Norton

lên làm Hoàng đế Hoa Kỳ ? ». Đó chỉ là những câu chuyện khôi hài thôi. Không ngờ câu chuyện bông đùa trong phạm vi địa phương nhỏ hẹp ấy dần dần biến thành một chuyện bông đùa to lớn làm vui cho cả xứ Hoa Kỳ... và có tiếng dội qua đến cả Âu Châu nữa. (còn nữa)



### \* HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Tỷ và Tèo cùng đi xe đạp đến trường, vừa đi vừa nói chuyện, thỉnh thoảng cảnh sát kêu lại và bắt phạt hai trò.

Tèo ngơ ngác hỏi :

— Chúng tôi phạm lỗi gì mà bác phạt ?

— Hai trò phạm luật đi xe máy song song trên đường phố.

Tèo cãi lại :

— Thế thì bác không có học toán rồi ! Theo hình học của Euclide thì hai đường thẳng song song được nằm trong 1 mặt phẳng. Thế thì hai đứa tôi cùng đi song song trên mặt đường là áp-dụng định-lý của Euclide đó !

Cảnh sát ngơ ngác không hiểu gì hết, khoát tay :

— Thôi, đi đi !

HOA

(Đệ II Âu Lạc)

### \* GIÚP MỘT CHỨT XÍU MÈC

Sáng Chúa-nhật, vợ ông Giám-thị một trường lớn, bảo chồng :

— Sáng nay, mình đừng đi chơi, ở nhà giúp em một chút xíu việc nhé.

— Việc gì ?

— Coi chừng con, đề em đi chợ với con ở.

Ông Giám-thị cân-nhân. Bà vợ gắt lại :

— Cả tuần lễ mình coi chừng một lũ học trò thì được, đến Chúa nhật em chi nhờ mình coi chừng một đứa con nít hai tuổi, mà hồng được sao ?

Ông Giám-thị ngậm cảm.

VĂN-SỬU

## VỊ CHA ĐẸ CỦA VÔ - TUYẾN - ĐIỆN

# GUGLIELMO MARCONI

\* DUY-HÒA

năm châu đều đồng thanh im hơi lặng tiếng trong 2 phút để mặc-niệm người quá cố.

### ĐÁM TANG CHUNG CHO CÁ NHÂN LOẠI

20-7-1937 ngày lịch-sử đã ghi cái chết đau-thương vì bị lương-tâm dày-vò, của nhà bác-học trứ-danh, Ông MARCONI, người đã phát-minh ra ngành vô-tuyến-điện.

Qua ngày hôm sau tức là ngày 21-7-1937 lễ an táng người được xếp đặt vô cùng trọng thể. Vào lúc 18 giờ quốc-tế, tại nhà thờ Đức-Bà Nữ-Vương Thiên-Thần ở La - Mã, thi - hài của Marconi được đặt lên chiếc nhà táng, bỗng nhiên cả khu Thánh-Đường bao la như bị bao-trùm bởi một sự im-lặng, ngay trên chiếc phong - cầm chạy bằng luồng điện của thành-phố cũng bị im-lặng vì thiếu hơi điện, sự im-lặng tôn-nghiêm để tưởng nhớ vị ân-nhân của nhân-loại.

Đồng thời cũng chính vào giờ phút ngậm ngùi ấy, đề tặng thêm phần đau - xót và luyến tiếc, tất cả các đài phát-thanh

Nhà bác-học Marconi là người Ý. Ông sanh vào năm 1874 tại thành-phố Bologne, cha người Ý và mẹ người Ái-nhĩ-Lan. Năm 1958 sau khi tốt nghiệp tại Cao-đẳng học-đường Bologne, ông bắt tay vào công cuộc khảo-sát chuyên về ngành vô-tuyến-điện.

Một đoạn thời gian 32 năm trường ông đã sống cuộc đời ần-nhân, tự-tin để làm việc công-ích cho nhân-loại. Rất được bạn bè kính-trọng và được Giáo-Hoàng PIO XI yêu vì, nhưng không vì thế mà ông sinh ra kiêu-căng và hợm mình.

Ông được giải-thưởng Nobel năm 1909, làm chủ-tịch Hàn-lâm-Viện Vương-quốc Ý-đại-lợi năm 1930.

Vì mến tài chuộng đức, nên đã có lần Giáo-Hoàng muốn lấy tên ông để đặt tên một thành

phổ trong nước Tòa - Thánh, nhưng vốn là một người công-giáo đạo-đức và khiêm nhường nên ông đã khiêm-tốn chối-từ..

### ★ TUỔI TRẺ TÀI CAO

Năm 21 tuổi Marconi đã bắt tay vào công cuộc khảo sát về vô tuyến-điện vì cảm thấy mình đã có khiếu về môn này. Sau mấy cuộc thí nghiệm trên đất nhà ông quyết định bỏ sang Anh quốc vì nơi đây có người giúp tiền để ông bắt tay vào công cuộc thực hành.

Tháng 5 năm 1897 ông khởi sự một cuộc thông tin vô tuyến điện lần thứ nhất trên con đường dài 13 cây số. Chính phủ Ý vì thấy cuộc thí nghiệm của ông có kết quả tốt đẹp, hứa hẹn nhiều lợi ích cho nhân loại nên đã khuyến ông theo dõi mục đích cho đến cùng. Ông lại trở về Ý để tiếp tục công cuộc thí nghiệm. Ông đặt tại SPECIA một sở thí nghiệm vô-tuyến dài trên 20 cây số. Sau đó ông lại sang Anh quốc để kiện toàn thêm, lần này với đoạn đường dài 85 cây số. Kết quả rất khả quan.

Lúc đó là năm 1899. Con số niên kỷ rất đáng chú ý cho ngành vô-tuyến điện.

Năm sau, 1900, từ POLDHU thuộc xứ CORNONAILLE của Anh, ông gửi điện-tín qua TERRE-NEUVE thuộc hải-phận GIA-NẢ-ĐẠI.

Rồi cách 2 năm sau, năm 1902 ông ra ngoài khơi Đại-tây-Dương để thí - nghiệm lần sóng truyền

đi từ đài vô-tuyến POLDHU với một quãng đường dài 3200 cây số. Lúc bấy giờ công cuộc thực-nghiệm đã hoàn-toàn mỹ - mãn. Cho nên tháng 12 năm ấy (1902) ông cất bằng khánh thành sở thông-tin thường-xuyên qua Đại-tây-Dương do đài phát - thanh : một ở POLDHU và một ở Pháp truyền đi. Năm ấy ông đúng 28 tuổi.

Ngày nay làn sóng điện do đài phát-thanh truyền đi hầu như không còn bờ cõi nào ngăn cản được.

Thực tình thì nhà bác-học Marconi chỉ căn-cứ vào những nguyên-tắc căn-bản do giáo - sư Branly tìm ra trước để đem áp-dụng vào việc sáng-tạo máy vô-tuyến-điện.

Biết vậy nên ông phủ-nhận bao nhiêu công việc tìm tòi trong 7, 8 năm trời của mình mà chỉ dành danh-dự sáng lập ra máy vô - tuyến cho giáo - sư Branly trong bức điện - văn đầu tiên vượt đại - dương cho giáo - sư như sau :

«Kính gửi ông Branly, giáo-sư Đại-học-đường Công-giáo Ba-Lê. Marconi gửi lời chúc mừng thành kính giáo-sư bằng vô-tuyến điện. Cái kết-quả tốt đẹp này là nhờ ở công-cuộc hiền-hách của giáo-sư».

### QUANG . TUYẾN SÁT - SINH

Sau khi hoàn thành xong máy phát-thanh, ông Marconi lại bắt tay vào công-cuộc phát-minh để

kiện-toàn thêm máy vô - tuyến.

Nhưng không ngờ đây là một thử khi-giới có một khả - năng sát-sinh đến rừng rợn vô tận. Đó là quang-tuyến sát-sinh. Biết đâu đó không là một công-cụ để cho kẻ chiếm độc quyền nó trở thành bá chủ hoàn-vũ ?

Người ta được biết rằng vào ngày 12-6-1936 chính thủ - tướng MUSSOLINI tự cày vô-lăng chiếc xe riêng của ông hiệu Fiat để chạy ra hải-cảng Ostie. Đến một đoạn đường vắng có Marconi đứng đợi để mang chiếc máy lên xe đăng thí - nghiệm. Trên đường ra cảng Ostie trong lúc xe cộ rộn rịp đủ mọi thứ, thì chiếc máy bí mật ấy được đem ra thử. Một chuyện không thể nào ngờ đã xảy ra.

Vừa lúc chiếc máy bí-mật phát ra làn sóng điện thì tất cả mọi động-cơ xe cộ đủ thứ đều chết máy. Mọi người có mặt ai cũng chẳng hiểu nguyên-do ra làm sao.

Và ngay buổi chiều hôm ấy Mussolini ra lệnh cho báo chí không được bình luận gì về câu chuyện xảy ra lúc sáng trên đường đi ra cảng Ostie.

Và năm tuần sau Mussolini ngang-nhiên tuyên bố về một thứ vũ-khí tối-tàn mà ông vừa được dự cuộc thí-nghiệm. Ông nói với một giọng kiêu hùng tỏ vẻ ăn-chắc không sợ một cuộc xâm-lăng bất cứ của nước nào.

Marconi là người sùng đạo, thành tín, tất nhiên không thể

không nghĩ đến ác-quả của công-cụ phát-minh của mình. Ông rừng mình nên xin vào hệ-kiến Đức Giáo-Hoàng PIO XI. Hôm đó vào quãng thượng-tuần tháng chín năm 1936. Thế rồi người ta thấy vắng bóng ông ở thành La-mã.

Là một người chuộng hòa-bình, có một lý tưởng cao-siêu muốn đem khoa-học phụng-sự nhân-loại. Với những lý-do xui-khiên ấy mà Marconi liền tiếp-tục công-cuộc nghiên-cứu cho thêm hoàn toàn.

Tháng 6 năm 1937, tình-hình thế-giới bỗng trở nên nghiêm-trọng. Lúc ấy Marconi lại được lệnh của Mussolini thỉnh-triệu vào thủ-tướng phủ.

Ông Marconi mới nhân cơ-hội này để đem máy ra thí-nghiệm lần nữa, để xem kết-quả đến đâu. Gặp lúc đạo quân Ý đang thao-diễn lớn ở gần núi Albani, với bao-nhiều là xe-tăng, thiết-giáp cùng các quân-xa to nhỏ đủ hạng tham-dự. Marconi cùng ngồi chung xe với Mussolini do chính thủ-tướng lái. Đang lúc thao-diễn quân-xa, thiết-giáp, xe tăng tiến rầm-rầm như vũ bão thì Marconi mở máy thử. Làn sóng điện phát ra, bỗng nhiên bao nhiêu chiến-xa bọc sắc dày-đặc chết máy, toàn bộ dừng lại một cách đột-ngột, và trong chốc lát một số sĩ-quan, binh-sĩ đều chết gục một cách lạ lùng. Sau cuộc khám - nghiệm tử - thi, người ta được biết họ chết vì đứt

mạch máu nhưng không tìm ra được căn cứ gây ra tử nạn.

Sau buổi thí - nghiệm, ông Marconi tỏ ra rất buồn phiền vì cái quả do chính tay ông gây ra làm một số người toi mạng một cách oan uổng.

(b) Thế rồi ông thuê một chiếc du-thuyền chạp ra khơi.

Khác với người phát-minh, nhà độc-tài Mussolini lại vô cùng hân hoan, ông tin chắc chuyến này mình sẽ nắm quyền bá chủ hoàn cầu với cái thứ vũ khí ly-kỳ kia.

Qua hai tuần lễ lênh-đênh trên biển-cả, Marconi trở về đất liền và xin vào bộ kiến Đức Giáo-Hoàng. Người ta được biết ông quý rất lâu dưới chân Pio XI, khốc-lóc để xin lượng - cả bao - dung và giải quyết cho một vấn đề đang bị lương-tâm dày-vò.

Mấy tuần sau, Marconi lại được lệnh của Mussolini triệu. Không ai được rõ chuyện giao-tiếp thế nào giữa nhà bác-học và nhà độc-tài.

Nhưng mọi người đều tiên - đoán Mussolini đòi Marconi phải giao thứ khí-giới sát-sinh kia cho mình với những lời đe-dọa.

Nhưng Marconi đã có cách đối phó nhờ vào buổi yết-kiến với Đức Giáo-Hoàng PIO XI.

Sau khi bước chân ra khỏi thủ tướng-phủ Marcoci rất buồn rầu và tỏ vẻ suy - nghĩ tuy ông vẫn tiếp-tục như mọi ngày.

Nhưng sáng hôm sau người ta không còn thấy nhà bác học trở

dậy nữa.

Ông đã vĩnh-viễn từ giã cuộc đời ô-trọc để mang theo tất cả cuồng vọng bá-chủ của nhà độc-tài Mussolini xuống suối - vàng, tất cả tài-liệu văn-kiến phát-minh cùng chiếc máy «độc-tôn» kia đã bị hủy không còn để lại chút tàn tích.

Hôm ấy là ngày 20-9-1937.

Phải chăng Marconi đã chọn cái chết của chính mình để sám-hối tội-lỗi vì đã gây bao sự gây đổ cho bao nhiêu sinh-mạng dưới chân núi Albani hay là ông muốn đánh đỏi sinh - mạng mình để tránh bao nhiêu cảnh thảm-khốc tai-ương sẽ diễn ra vì một cuồng-vọng độc-tôn trở thành bá - chủ nhân-loại ?

Than ôi ! Nhất tương công thành vạn cốt khô !

Tri-giã tự xử là thế. Thật ra lúc bấy giờ Marconi muốn sống cũng không thể nào tìm được giải-pháp thứ hai ngoài cái chết, vì ông biết khó mà tránh khỏi bàn tay thao túng của nhà độc-tài Mussolini.

Marconi đã chọn cái chết «bất tử».

Danh ông mãi-mãi sống với ngàn thu.

Cái chết của ông Marconi, thêm một lần nữa đã chứng minh hùng biện câu nói của một nhà tư-tưởng Tây-phương :

«Science sans conscience n'es-que ruine de l'âme !»

(Khoa-học mà thiếu lương-tâm chỉ là một sự đời bại xấu linh hồn).

TRUYỆN NGẮN

QUỐC  
TẾ

Đoàn xe đi  
trong đêm tối

★ NGUYỄN-THANH-NGỌC

Phỏng dịch theo  
ALCANTARA MACHADO

M

ỘT đêm không trăng sao. Đoàn xe lửa đi vào đêm tối. Thỉnh-thoảng, một tia sáng lóe lên phía đầu máy, rồi lại tắt ngấm. Đêm càng trở nên sâu thẳm hơn.

Trong xe vẫn không một ánh đèn. Người soát vé đi đi, lại lại, miệng hút thuốc như muốn nhờ đốm sáng mong manh nơi điều thuốc soi đường cho y. Lâu lâu, y lại dẫm lên chân một hành khách. Có tiếng la lên. Người soát vé vội cúi xuống xin lỗi, nhưng sau vì nhiều lần như vậy quá, y không cần xin lỗi nữa, cứ yên lặng làm phận sự. Hành

khách trong xe phần đông là dân nghèo. Mấy anh phu khuân vác mệt mỗi suốt ngày, nhân tối tăm, đánh một giấc ngủ ngon lành. Vài chị đàn bà chụm đầu lại với nhau, kể chuyện chồng con. Đặc biệt nhất là phía dưới toa, một nghệ sĩ mù, tay ôm đàn, đầu gục xuống, và không ai biết anh ta đang thức hay ngủ. Bên cạnh người nghệ sĩ mù, một cậu bé có phận sự dẫn đường, bồng chốc lại ngập dài hoặc ngoài

đầu ra cửa kính, nhìn mông lung...

Đoàn xe lầm lũi đi trong đêm tối. Đêm càng về khuya, sự im lặng càng nặng nề.

Nhưng chỉ có thể im lặng trong một thời gian ngắn. Bàn tay gầy đét của người mù bắt đầu cử động. Y bình thần sửa lại cặp kính đen, và trong một phút, y cảm thấy yêu đời, thích khi tay vào sườn cậu bé và bắt đầu hỏi chuyện. Câu chuyện rỗng tuếch, vì thật ra, y có nhìn thấy gì đâu. Rồi y huýt gió. Huýt gió bài khiêu vũ điệu «van-xơ», bài «ponka» rút trong một bản nhạc danh tiếng...

Thỉnh-linh, y hỏi cậu bé :

— Báo không nói gì về vụ công nhân hỏa xa đình công à ?

— Em không biết. Tối mò như thế này, làm sao đọc báo được ?

— Không có ánh sáng sao ?

— Dạ không.

Im lặng một lát. Y nắm lấy vai cậu bé, hằn-học :

— Có thật không có ánh sáng không ?

Cậu bé trả lời, giọng mệt mỏi :

— Dạ thật.

Lần này thì không chịu đựng được nữa. Y hất mạnh cây đèn sang một bên, và thét lên :

— Không ánh sáng mà chịu nổi à ? Hãng xe lửa đã khinh miệt chúng ta quá sức, đã liệt chúng ta ngang hàng súc vật. Vì con người không thể sống không ánh sáng.

Ánh sáng ! Ánh sáng !  
Nhưng ánh sáng vẫn không đến (mà dù có đến, chưa chắc y đã nhận biết ngay được). Y cứ thét lên :

— Ánh sáng ! ánh sáng !  
Có tiếng người hỏi :

— Cái gì thế ! Cái gì mà âm lên thế !

Người mù đã nổi điên lên rồi. Y trả lời như muốn khóc :

— Không có ánh sáng !

Vài tiếng nói nhỏ nhỏ, lắng xuống như biểu đồng tình :

— Vâng, không có ánh sáng thật. Tối quá ! tối quá !

Bấy giờ thì phải cắt nghĩa như một sự diêm nhục cho tất cả. Con người không thể sống trong bóng tối. Ánh sáng của nhân đạo, ánh sáng của văn minh sẽ trở nên vô nghĩa nếu ngay giờ này, ngay phút này, không có lấy một tia sáng trong toa xe.

Tất cả đều phần uất. Tiếng bàn cãi nổi lên huyền ảo. Một gã phục - sức diêm - dứa đề nghị cửa cô người soát vé. Nhưng lão đầu trọc, một đồ tề chuyên nghiệp vội phản đối âm ỉ :

— Không được ! Không được ! Nó cũng làm mướn như chúng ta.

Tiếng ồn ào lại tiếp tục. Có người muốn tổ-chức cuộc biểu-tình lớn trên các đường phố thủ - đô. Có đốt pháo bông và âm-nhạc.

— Cả diên văn nữa chứ ? (Người mù hỏi.)

— Vâng, bài diên văn rất dài.

— Thế thì tốt lắm !

Tiếng vỗ tay vang dậy. Riêng lão đồ tề ngồi im lặng, lộ vẻ suy nghĩ... Một lát, lão cất giọng khàn khàn :

— Muốn thế phải có tiền. Ta lấy tiền ở đâu ?

Không ai biết phải đào ra tiền ở đâu. Không ai nghĩ đến biểu-tình nữa. Im lặng. Vì không ai biết phải làm gì. Và bây giờ đến lượt lão đồ tề. Vốn chuyên nghề xẻo thịt heo từ 30 năm nay, lão đã theo đúng phép tắc trong

nghề. Lão đứng dậy, rút dao phay ở thắt lưng, rạch cắt những mảnh ghê rợn trong toa xe, mau lẹ và gọn gàng như rạch bụng heo. Lão xẻo một miếng ném qua cửa sổ :

— Đây, hai ký thịt sườn.

Xẻo một miếng nữa :

— Đây, ba ký thịt ba chỉ.

Và tất cả hành khách đều làm như lão. Bản năng sát sinh được bật phát, mãnh liệt và tự - do nhất. Tất cả đều là đồ tề, chánh và phụ. Công phần hóa ra vui mừng, cuộc biểu-tình đổi thành một trò du hí nhiều thú vị.

Hành khách đua nhau ném từng khối rơm ra cửa toa, la hét sung sướng. Người nghệ-sĩ mù khi hiểu được câu chuyện, nhẩy tung lên. Bàn tay y đập mạnh vào mặt đàn, miệng hát nghêu ngao một bản nhạc lên đường. Người soát vé chạy cuống cuống, mồm mếu máo :

— Tôi lạy các ông ! Có phải vì chuyện ánh sáng không ?

Vâng ! ánh sáng ! ánh sáng !

Tiếng la hét, nguyên rửa lại nổi lên, rung chuyển cả toa xe. Quá sợ hãi, người soát vé chạy vội về phòng riêng của mình, đóng cửa lại và cầu kinh.

Ghế ngồi chỉ còn trơ những thanh sắt. Cậu bé dẫn đường cho người mù gọi vội vào tờ

báo chiếc dao đã lượn được trong lúc lộn xộn.

Đoàn xe nổi loạn ngừng lại ở ga Belem. Chuông đánh inh ỏi. Chỉ một thoáng, tất cả toa xe đều trống rỗng. Người soát vé bước xuống sau cùng, mặt cắt không còn hột máu.

Chuyện đã vỡ lở. Tất cả Belem đều hay. Nha công-an được tin cấp-báo, liền mở cuộc điều tra. Không ai chịu nhận mình biết rõ vấn-đề. Sau hết, có một thiếu phụ, tay cầm cuốn Kinh Thánh, tự xưng mình là người hiền đầu đuôi câu chuyện.

— Nguyên nhân chính của cuộc nổi loạn là gì ? Viên đại-diện công-an hỏi.

Thiếu phụ đáp :

— Thưa, nguyên nhân chính của cuộc nổi loạn là tại trong xe không có ánh sáng.

— Ai cầm đầu cuộc nổi loạn ?  
Giữa sự bối rối của mọi người, thiếu phụ nhìn thẳng vào mặt viên chức công an, trả lời rất tự nhiên :

— Người cầm đầu cuộc nổi loạn vì không ánh sáng này là một người mù.

Và thiếu phụ xin thề trên Kinh Thánh. Nhưng người ta vội đưa bà ra xe về bót, vì pháp luật không muốn đùa giỡn với một ai.



# V À O S Â U

Qua hai mùa phượng nở,  
Chiều nhớ ngày yêu nhau.  
Đạo ấy em hoàng-hậu,  
Ngự trong lòng thương đau.

Có tình yêu tan vỡ,  
Ấp tay em cũng sầu.  
Tháng ngày làm thay đổi,  
Em buồn về mai sau.

Đêm ngủ băng hơi thở,  
Qua rèm nhìn trời sao.  
Nước mắt làm ướt gối  
Thương cho đời lao đao.

Mùa này về hay ở,  
Mưa ngập mấy nhịp cầu.  
Mái tranh nào quyện khói,  
Quê bà tìm nơi đâu ?

Cho em quên dang dở,  
Chiều về qua vườn cau.  
Xóm hiền ra chào đón,  
Tình thương tô áo màu.

Chị ơi! tôi làm thơ,  
Buồn mở cửa tìm vào.  
Em gục đầu xuống khóc  
Một thuở nào... nao nao ? l.

PHƯƠNG-DUYÊN



## 9.- LÊ - VĂN - TRƯƠNG

★ NGUYỄN-VỸ

10 giờ đêm. Cả dãy phố cuối  
đường Khâm-Thiên, gần Ô-chợ-  
Dừa, đã đóng cửa ngủ hết.  
Trên gác nhà buôn nước mắm cạnh  
tiệm giặt-ủi và trường học *Thanh  
Niên*, tôi cũng vừa tắt đèn, lên  
giường nằm. Bỗng có tiếng từ  
dưới đường cái gọi vọng lên, và  
gọi rất to :

— Vỹ ơi !

Tôi làm thình, lắng nghe xem  
tiếng của ai. Gọi như thế, hẳn là  
người bạn thân lắm, mà trong  
đám bạn thân có ai kém lịch-sự

đến như thế ?

— Vỹ ơi !

Rồi lại liên-tiếp :

— Vỹ !... Vỹ ơi !... Vỹ !..

Tiếng gọi thật to, vang động cả  
dãy phố. Tôi sấp ngồi dậy ra mở  
cửa ngó xuống đường xem ai,  
thì kế-tiếp vang lên một loạt văn  
chương chữ-thề :

— Đ...mẹ mầy sao hôm nay mày  
ngủ sớm thế, hả Vỹ ?... Vỹ !... Vỹ  
ơi ! Dậy đi hát ả-đào với tụi tao,  
mày !

Thôi, đích thị là anh chàng  
Lê-Văn-Trương rồi ! Cái giọng

chửi-thề oang-oác lên như thế chẳng sợ ai cười, bất-chấp cả phép lịch-sự đối với bạn-bè, và đối với người thiên hạ, không đếm xỉa đến hàng xóm láng giềng đang ngủ, thì chỉ có Lê-Văn-Trương mà thôi.

Đáng lẽ tôi tức giận lắm. Nhưng nhờ được quen tính bình-tĩnh, tôi thông-thả dẫy đi mở cửa, ngó xuống đường. Vừa trông thấy tôi thò đầu ra, anh chàng lại reo lên :

— Nó kia rồi ! Gớm ! Ngủ gì mà giờ này đã đi ngủ, há cậu ? Vào mặc quần áo nhanh lên, đi Ngã-Tur-Sở hát á-đào chơi ! Nhanh lên ! Tụi tao đợi xe đây.

Tôi xấu-hổ quá. Ai lại nói đùa gì mà tục-tĩu thế bao giờ, mà lại la to lên cho cả dãy phố đều nghe ? Nhưng tôi vẫn điềm-tĩnh, đứng trên bao-lơn, ngó xuống. Hai chiếc xe-kéo omic (loại xe kéo tân-thời nhất ở Hà nội lúc bấy giờ) chờ bốn người, đang đứng chờ. Tôi hỏi khẽ :

— Lê-văn-Trương đấy à ?

Lê-văn-Trương vẫn rống to lên, chẳng kiêng nể ai :

— Ủ, tở đây ! Có cả thằng Lư, thằng Lan - Khai, thằng Nguyễn Tuấn nữa. Chúng nó đang chờ mày cả đây !

Tôi vẫn khẽ giọng :

— Xin lỗi các anh. Tôi ốm không đi được. Cho phép tôi ở nhà.

Lan-Khai cười khàn, nhưng không la to như chàng Trương :

— Ôm, thì xuống Ngã-Tur-Sở, có các em thoa bóp cho !

Nguyễn Tuấn lại còn chêm vào giọng thô thể như con gái :

— Chắc lại đang ôm-ấp nàng-thơ nào trong giường chứ gì ? Thôi, tụi mình đi. Đừng phá nó !

Tôi đưa tay lên vẫy chào :

— Chúc các anh đi chơi cho vui nhộn lên ! Mình đi ngủ đây.

Tôi vào phòng đóng cửa mà cũng còn nghe tiếng Lê-văn-Trương nói oang-oang trên xe, khi xe đã chạy :

— Đ... mẹ cái thằng ấy sao hôm nay nó ngủ sớm thế ?

Lê-văn-Trương như thế đấy. Nghĩa là một người bạn rất vui tính, rất tốt, ăn to, nói lớn, mà nói luôn mồm, chuyên môn nói phét, nói tục, nhưng thành-thật, ngay thẳng, không làm hại ai cả.

Chơi với bạn, phải hiểu tính nết của bạn, luôn luôn tha-thứ những nhược-diểm của bạn, lúc nào cũng mến bạn, đó là phương-châm xử-thế của chúng

tôi. Có lẽ nhờ sự thông-cảm lẫn nhau đó mà một số nhà-văn chúng tôi chơi được lâu với Lê-văn-Trương, con người rất ồn-ào, « ba - hoa thiện - địa ». Họạ-sĩ Nguyệt-Hồ thường phê-bình Lê-văn-Trương một câu : « Mừng ấy nan-du lắm ! »

Lê-văn-Trương nói chuyện thế nào, thì viết tiểu - thuyết cũng y như thế ấy. Có thể nhận-xét một cách rất tầm thường rằng : Lê-văn-Trương là một cái máy đề nói và một cái máy đề viết. Anh sang Gia lâm ở nhà Trương - Tửu, trong một tháng viết liên - tiếp 3 quyển tiểu-thuyết, không ngưng tay. Đó là Trương - Tửu nói lại với tôi, và tôi cũng tin là đúng. Có lần tôi ngồi với Lê-văn-Trương, suốt trong hai tiếng đồng hồ tôi chỉ nói được một câu, còn thì Lê-văn-Trương nói cả. Nói liên-miên, và liên-miên...

Anh ta ưa dẫn chứng những câu triết-lý của vài danh nhân xưa mà anh ta đã đọc. Câu chuyện của anh thường được tô - điểm với các tư-tưởng xô-bô, các danh ngôn lẫn-lộn của Platon, Socrate, Vương-dương - Minh, Nguyễn - Du, Musset, Goethe, Byron, Hồ Thích, Đồ-Phủ, Tolstôï. v.v...

Người ít học ngồi nghe Lê -

văn-Trương, chẳng biết đầu mà rờ. Người có học ngồi nghe anh, cũng...chẳng biết đầu mà rờ ! Vì anh nói lung tung, loạn-xị xà-bần, thao-thao bất-tuyệt.

Tuy vậy, Lê-văn-Trương vẫn là một « người của nguyên-tắc », —ngồi vững trên nguyên tắc như ngồi trên yên ngựa — chứ không chịu phóng túng, không ưa lãng-mạn, không vượt qua các thành-kiến sẵn có của tập-quán. Anh hào-hoa phong-nhã, cương-trực, có vẻ anh hùng mã-thượng lắm, nhưng tính lại nhát như thỏ, mềm như sứa, mà dai như đĩa.

Lan-Khai có kể chuyện sau đây cho tôi nghe :

Hồi làm báo ÍCH-HỮU của ông Vũ - đình - Long, Lê - văn - Trương hay phê-trương « triết-lý sức mạnh ».

Hình như anh và Trương-Tửu chủ trương « đánh nhau » một lần với « bọn PHONG-HÓA » của Nhất-Linh.

Hồi đó ÍCH - HỮU và PHONG - HÓA đang bút chiến với nhau kịch-liệt. Trương-Tửu và Lê - văn - Trương định dùng « triết-lý sức mạnh » để tặng cho Nhất-Linh và Thế-Lữ một bài học này lửa xứng đáng với tính phách lởi và ngạo mạn rất khà-ố

của hai người này. Nhưng nói mà không làm, vì dù sao Trương-Tửu cũng như Lê-văn-Trương vẫn biết trọng danh dự của con nhà văn.

Một buổi tối, Lê-văn-Trương ngồi ăn với hai ba người bạn trong tiệm MỸ - KINH, là tiệm ăn của Hoa - Kiều sang nhất ở phố Hàng-Buồm.

Bỗng dưng, có một chàng không quen, vác người lực-lượng từ một bàn ở gần đấy, bước đến trước mặt Lê-văn-Trương và sừng sộ hỏi :

— Xin lỗi, ông có phải là ông Lê-văn-Trương không ?

— Phải, tôi đây.

Người lực-lượng bèn đánh Lê-văn-Trương một tát tai rất mạnh vào má. Mọi người đều kinh ngạc. Lê-văn-Trương hỏi :

— Sao ông đánh tôi ?

Người lạ cười :

— Thưa ông, tôi thực hành "triết-lý sức mạnh" của ông đấy ạ. Tôi là độc-giả của báo ÍCH - HỮU.

Thế rồi người lực-lượng điem nhiên đi về chỗ.

Lê-văn-Trương ngồi làm thinh. Một người bạn hỏi :

— Sao mày không cho nó ăn một quả dấm ?

Nhưng Lê-văn-Trương, có lẽ tự lượng sức mình không địch nổi với người độc-giả hộ-pháp kia, nên đành làm thinh, không quấy-cựa.

Chuyện này có đúng hay không, tôi không được rõ. Có lẽ Lan-Khai bịa chơi cho vui chăng ? Máy lần tôi gặp Lê-văn-Trương, định hỏi anh, nhưng cứ hể trông thấy mặt tôi là Lê-văn-Trương vạy cái máy nói của anh ra, nói lia nói lịa, tôi không còn một chỗ hở nào để xen vô được một lời.

Tuy vậy, tôi mến Lê-văn-Trương lắm. Anh là một người bạn rất tốt và rất hiền lành. Có lần, trong một đám ma, — tôi không nhớ rõ là đám ma của Nguyễn nhược : - Pháp, Vũ-trọng-Phụng, hay Nguyễn-khắc-Hiếu. — tôi thấy trên nét mặt đau-dớn thật-sự của Lê-văn-Trương, hai giòng nước mắt từ từ chảy xuống. Tôi cảm-dộng quá. Tôi nhớ lại như tôi đã cảm-dộng khốc-ròng-rã khi đi coi chớp phim «Bạch-Tuyết», thấy bày anh Lùn khốc nằng Công-chúa. Không hiểu sao, Lưu-trọng-Lu khốc trong hoàn-cảnh ấy, hay Trương-Tửu, Nguyễn-Tuân, Lan Khai, Mộng-Sơn khốc, tôi không cảm-dộng, mà thấy Lê-văn-Trương khốc, tôi

lại đau-xót vô cùng. Có lẽ tại vì con người hay la to hét lớn, nói cười ầm-ĩ không bao giờ buồn-rầu chuyện chi, đến khi đứng trước một cái tang bi-ai nào-nuột, bỗng dưng, hai giòng lệ âm-thầm tuôn ra trên mí mắt, để cho ta thấy phản-ảnh lòng đau thương thấm-thía của anh, mà xúc động lòng ta chăng ?

Lê-văn-Trương có 2 vợ, mà lúc ở Hà-nội tôi nghe nói cả hai bà ở chung một nhà và cùng cưng yêu anh lắm. Anh em làng văn kể chuyện rằng cứ tối hai vợ vào buồng ngủ, thì Lê-văn-Trương thức ngồi viết tiêu - thuyết một mình ở nhà ngoài cho đến 10 giờ đêm. Đến đây, anh gác bút, vào buồng gọi vợ lớn dậy :

— Mình ra bàn, viết tiếp cái tiêu-thuyết cho anh. 12 giờ vào gọi anh dậy nhé.

Thế là anh nằm ngủ với bà vợ hai. Đến 12 giờ khuya, vợ lớn viết tiếp được 4 trang rồi vào ngủ lại. Lê-văn-Trương dậy ra bàn viết tiếp theo đoạn văn của vợ lớn. Đến 4 giờ sáng, anh lại

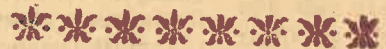
vào buồng ngủ, gọi bà hai :

— Mình ra viết nốt cái tiêu-thuyết cho anh chút nhé.

Lê-văn-Trương ngủ với V-1 trong lúc V-2 thay phiên viết tiếp đoạn văn của chồng.

Câu chuyện này đã được loan truyền trong anh em làng văn Bắc Hà thời bấy giờ, làm câu giai-thoại để cười chơi. Còn đúng hay không, tôi không biết được. Tôi cũng chưa bao giờ hỏi Lê-văn-Trương về đời tư của anh, chỉ có thỉnh-thoảng Lan - Khai, hay Trương - Tửu, kể lại cho nghe mà thôi.

Cách đây hai năm, tôi có gặp Lê-văn-Trương ở Sài-gòn. Văn Lê-văn-Trương thao-thao bất tuyệt của thời đại Hoàng-Kim ở Hà-nội tiền chiến. Anh có cho tôi biết rằng một nhà xuất-bản Anh hay Mỹ gì đó có mua bản quyền một quyển tiêu-thuyết của anh để dịch ra Anh-văn. Tôi niềm nở mừng cho anh được dịp phát tài to. Nhưng tôi chờ mãi đến nay chưa thấy quyển tiêu-thuyết ấy ra đời !..



### \* DANH NGÔN

Người ta mất rất ít, khi người ta giữ danh dự

(Voltaire)



# ĐÍNH CHÍNH MỘT VÀI SAI LẦM trong quyển

## THI NHÂN VIỆT-NAM HIỆN ĐẠI

Ở Sài Gòn, vừa được phát hành một quyển sách nhan đề là « Thi nhân Việt-nam hiện đại ».

Tôi không muốn phê - bình quyển sách lạ-lùng ấy, có lẽ sẽ có các bạn khác làm việc đó.

Tôi chỉ xin đính-chính những điểm sai-lầm trong trang sách nói riêng về « tiêu-sử » của tôi.

1.— Tôi chưa «từng có hô-hào»:  
« Ta hãy truyền một thi hùng mới...

Ta hãy kỷ thác trong văn thơ...  
v.v...»

Hai câu thơ ấy chưa hề có đăng trong một quyển sách nào hay một tờ báo nào của tôi.

2.— Tôi không có lần nào « bán báo ở Sài Gòn » và « gánh cát ở Hànội ».

3.— Tôi chưa hề làm Chủ-Bút hay Tổng-Thư-Ký Tòa soạn báo « SAIGON-MỚI ». Không hề có tên tôi trên trang báo ấy bao giờ.

4.— Tôi không « sắp xuất bản tập thơ LÊN - RUỘT của Diệu-Huyền ». Tập thơ « Lên-Ruột » là của Diệu-Huyền chứ không phải của tôi, và tập thơ ấy vì một lẽ riêng đã không được xuất

bản từ hai năm nay, thi căn-cứ vào đâu mà nói rằng tôi sắp xuất-bản tập thơ « Lên-Ruột » ?

Xin cho phép tôi tỏ nỗi ngạc-nhiên vì sao tác-giả quyển sách kia không đến hỏi tôi trước khi tự tiện đăng một « tiêu-sử » sai lầm nhiều chỗ ? Vì « tiêu-sử » của tôi không phải như thế. Và lại tôi sinh năm 1912 chứ không phải 1910.

Tôi nhận xét một điều là tác-giả viết theo một vài tài-liệu trong quyển « THI-NHÂN VIỆT-NAM » của ông Hoài-Thanh xuất bản năm 1943. Nhưng tôi đã trình bày trong một số Phở-Thông cách đây ba tháng rằng quyển THI-NHÂN VIỆT-NAM của ông Hoài-Thanh đã viết và xuất bản thời kỳ tôi bị ở tù, cho nên các tài-liệu ấy đều sai lầm cả. Mấy năm nay tôi còn sống sờ-sờ ở Sài Gòn đây; tại sao tác-giả quyển « Thi-nhân Việt-nam hiện đại » không hỏi lại tôi mà tự-ý chép theo quyển « Thi-nhân Việt-nam » của Hoài-Thanh ? Một quyển sách về Văn-học-sử mà chứa-đựng nhiều điều không xác-thực, thật là đáng tiếc.

NGUYỄN-VỸ

# PHỔ

# HIỂN

★ NGUYỄN TRIỆU

Ừ thời hận Lê vào khoảng năm 1571-1599, thế-kỷ thứ XVI, cách kinh - kỳ Thăng - long (Hà nội bây giờ) chừng 100 dặm, tại Sơn - Nam - Trấn (nay là Hưng-Yên Bắc-phần) có một nơi cổ-tích mà nhân-dân còn nhớ ; đấy là :

## PHỔ HIỂN

Thuộc xã Nhân Dục, tổng An-Tảo, huyện Kim-Động, sở tại tỉnh Hưng-Yên, tả-ngạn sông Nhĩ-Hà, Phở-Hiến nay chỉ còn là một nơi đồng ruộng bạc-la di-tích một chốn phồn-hoa mai-một đã gần 300 năm nay !

Theo sử sách thì Phở Hiển là một nơi đó thị từ xưa đã được chúa Trịnh Tông ở « Đàng Ngoài » cho lập thành một cảng lớn làm nơi thông thương cho người ngoại-quốc.

Trong việc mở đường thông-thương giữa nước ta với người Tây-Phương, người nước Bồ-đào-nha đến buôn bán trước hơn hết.

Thật thế, thời bấy giờ ở phố Hội-An thuộc tỉnh Quảng Nam ở « Đàng trong » của chúa Nguyễn cũng đã là nơi tụ-hợp của người ngoại-quốc. từ các giáo-sĩ đến những thương-gia đều dùng làm nơi căn-cứ hay trung-tâm điếm để thậu-nhập vào nội-địa nước Nam và trước các giáo-sĩ, đã có rất nhiều những thương-gia Âu-Tây được các nhà Nguyễn đón tiếp.

Hằng năm tại Hội-An (Faifo tên của Pháp) có phiên chợ kéo dài đến nửa năm, nhờ buôn bán

được tự do, mặc dầu phải đóng thuế rất nặng, các thương-thuyền ngoại-quốc vẫn lui tới tấp nập.

Trong lúc sơ-khai, đã xảy ra những sự đụng chạm đáng tiếc giữa người Việt và những người ngoại-bang : năm quý-sửu (1613) một thương-gia người Anh-các-lợi là Peacock cùng mấy người bạn bị tàn sát tại Hội-An.

Kể đến sau, có người Hòa-lan đến buôn bán cạnh tranh ráo riết với những người Bồ-Đào-Nha nên sau họ phải lần lần tiến lên Kê-chợ (tên tục thành Thăng-long) ở « Đàng ngoài » của chúa Trịnh.

Năm Đinh-sửu (1637) Dương-hòa thứ 3 đời Vua Lê Thần-tôn, viên giám-đốc Hạng « ẤN-ĐỘ HÒA LAN THƯƠNG CUỘC » có sáng kiến muốn mở đường thông thương và giao-thiệp lâu dài với nước Nam một cách chánh thức, bèn phái người ra Kê-Chợ xin phép chúa Trịnh-Tráng mở một thương-quán ở Phố-Hiến và rồi sau đó, có cả những người Pháp ở Batavia cũng kéo nhau đến đây buôn bán. Cách 35 năm sau, vào năm nhâm-tý (1672) lại có cả người Anh, muốn nối gót người Hòa-Lan, lập một chi nhánh của hãng buôn « EAST INDIA COMPANY » tại Phố-Hiến.

Từ đó, Phố-Hiến ở Đàng ngoài của chúa Trịnh cũng như Hội-An ở Đàng trong của chúa Nguyễn, nhờ có sự cạnh tranh kịch liệt

của mấy nhà buôn ngoại quốc, nên đã trở nên những thị-trường xầm uất và rộn rịp, quang cảnh Phố-Hiến thời bấy giờ cực-kỳ là đẹp, đáng gọi là một chốn phồn-hoa đô-hội với hàng ngàn nóc nhà ngói san-sát với những lâu đài nguy-nga tráng-lệ, dân cư đông đúc phố xá xầm-uất và lại thêm có những tàu to ghe lớn ra vào luôn luôn với hàng hóa xuất, nhập cảng tấp nập.

Đứng về phương diện kinh-tế, Phố-Hiến lúc bấy giờ không kém thành Thăng - Long. Vì vậy nên mới có câu tục-ngữ còn truyền tụng tới ngày nay :

« Thử nhưt kinh kỳ, thử nhĩ Phố-Hiến ».

Sau này, các nhà buôn ngoại-quốc ở Phố-Hiến cũng lần lượt dời về Thăng-long nên cảnh Kê-chợ trở nên xầm-uất vô cùng phồn thịnh, trên hai bên bờ sông Nhĩ-Hà có vô số những thương-điểm của người Hòa-Lan, Anh và Pháp dựng liền vách nhau.

Trong số thương-gia ngoại-quốc hồi bấy giờ còn lại ở Phố-Hiến, người Hòa-Lan buôn bán phát-đạt hơn hết. Còn người Bồ-Đào-Nha thì chỉ chuyên-chú về việc truyền-giáo. Nhờ các giáo-sĩ Bồ-Đào-Nha đã khéo lợi-dụng tiếng của họ, đặt ra được một thứ tiếng riêng thông-dụng trong các việc giao-dịch với người Việt nên người các nước hiểu biết được phong-tục, luật-lệ và tập-quán nước Nam ta.

Tiếp thay, đến đời Vua Lê-Hy-

Tôn năm Chính-hòa thứ 17 (1696) vì sự ghen ghét đạo Gia-tô, quan quân ta sinh ra *te-cám* với những người ngoại-quốc.

Về phần những người ngoại-bang buôn bán tại Phố-Hiến bị ngày một kém sút, lỗ-lã, phần bị phải nhiều nỗi phiền-phức, nên có một số người Âu-Tây rủ nhau lần lượt bỏ về nước, đồng thời, vua Lê lại cũng xuống chiếu « trục-xuất », nên đến năm Canh-thìn (1700) sang đầu thế-kỷ thứ XVIII còn lại một ít người Hòa-lan ở Phố-Hiến cũng bỏ về xứ hết. Từ đó, tại Phố-Hiến chỉ còn lại những người Nhật-bản và Trung-hoa buôn bán với người mình rồi sau họ chia Phố-Hiến làm hai khu là « Bắc-hòa » và « Nam-hòa » rồi lần lần, sau một

thế-kỷ, đồng-hóa với dân ta.

Từ đây, Phố-Hiến kém về phồn thịnh và sự biến-chuyển của thời đại đã xóa nhòa những dấu-tích của một chốn đô-hội phồn-hoa, khiến đến ngày nay qua đó ta chỉ còn thấy đồng ruộng bao la thỉnh thoảng điểm một vài rặng nhãn hay năm ba khóm tre xanh um cùng vài bả tám bìa chữ đã mờ rêu, với những ngôi cò-mộ...

Có chàng 2 chữ tên Phố-Hiến còn được truyền tụng trong chốn dân-gian và tồn tại trên những trang sử sách.

*Corney*



### ★ ĐẠI THÈ THAO GIA !

Một nhà báo hỏi bà vợ ông Churchill tại sao lần nào đi xe lửa ông cũng thích đi trễ ? Churchill phu-nhân trả lời :

— Chứ ông không thấy sao ? Nhà tôi là một lực sĩ ham thể thao lắm, ông thích để cho xe lửa chạy trước vài phút rồi ông chạy theo thế nào cũng kịp !

### ★ DANH-NGÔN

MINH-LAN

— Nước mất mà không biết là bất trí.  
Biết mà không lo liệu là bất trung.  
Lo liệu mà không liều chết là bất dũng.

KHÔNG-PHU-TỬ



### ★ Cô PHƯƠNG-THU

Thề theo lời yêu cầu của đa số bạn đọc phụ nữ khắp nơi gửi về, từ nay mỗi kỳ chúng tôi sẽ lần lượt thay đổi trong mục gia chánh Phổ Thông các thực đơn thường ngày của ba miền Trung, Nam, Bắc. Cũng như những kỳ rồi. Bà Thường Lạc đã trình bày về các thức ăn ở miền Nam. Cô Phương Thu sẽ phụ trách về các món nấu ăn ở Huế, và rồi đây chúng tôi sẽ đăng những bài về các món ăn Bắc để hầu đáp lại thịnh tình của quý bạn đọc Phụ nữ.

PHỔ THÔNG

### ★ THỊT HON

VẬT LIỆU :

Mua một cái giò heo.

Hai muỗng nước mắm, nửa

muỗng cà phê muối, một muỗng xíu dầu, một miếng đường đen bằng hai ngón tay, hai củ hành, độ 2, 3 tép sả, một miếng nghệ bằng củ hành, một đồng rượu trắng, một chục tai nấm mèo, vài trái táo đen, 1/4 muỗng cà phê tiêu, nửa chén đậu phụng, hai đồng bạc mè.

### CÁCH LÀM :

Nướng giò heo cho vàng, xong lấy móng chân vặt đi, cạo lông, rửa cho sạch, đem chặt ra từng miếng vuông vức bằng hai ngón tay, bỏ vào soong, gia muối, tiêu, đường, hành, sả đập nhỏ, nước mắm; xì dầu, nghệ (giã nghệ thật nhỏ vắt lấy nước), rượu trắng, nấm mèo ngâm nước rửa sạch, táo ngâm nước nóng rửa sạch, lấy dao xẻ hai; lấy hột ra, đậu phụng nấu chín lột vỏ. Xong đổ nước vào vừa xấp xỉ thịt, lấy nắp soong đậy lại thật kín (lấy lá chuối lau sạch bịt kín miệng soong rồi đậy nắp) bắt lên bếp kho, để lửa vừa vừa, đừng đồ lửa, độ chừng một giờ hơn thịt gần khô nước hãy bỏ thêm mè vào (mè rang chín chà sạch vỏ), xem chừng bao giờ thấy thịt khô còn độ vài muỗng nước và mềm thấm khi ấy hãy duong xuống dọn ra ăn.

### ★ CÁ KHO NƯỚC

VẬT LIỆU :

Cá (sông hoặc cá biển, từng lát hay nguyên con), một muỗng xíu nước mắm, một phần tư muỗng cà phê tiêu, ớt bột, nửa muỗng

và phê muối, một miếng đường đen bằng hai ngón tay.

### CÁCH LÀM :

Cá làm xong, rửa sạch, cắt khúc sắp vào trạch, gia tiêu, muối, ớt bột, đường, nước mắm và đổ vào một ít nước độ nửa chén, bắt lên bếp kho, lửa đều, vừa, nhớ đậy vung lại cho cá đỡ thấm đều. Kho độ một lát xem cá thấm và nước khô bớt, lúc ấy hãy đồ thêm nước vào (nước sôi) độ xấp xỉ mặt cá, kho lại một chốc chừng mười phút nữa là được.

### SAUCE MAYONNAISE

### ★ BÀ THƯỜNG LẠC

Có bạn muốn biết cách làm thứ sauce nói trên, tôi xin biên ra đây; nếu bạn làm đúng theo lời chỉ dẫn, tức khắc được ngay; tuy nghe ra thì dễ nhưng khi làm sai

một tí thì nó sẽ hỏng; xin bạn lưu ý

### VẬT LIỆU :

1 cái trứng đỏ hột gà,

Dầu ăn : (dầu Olive) chứ dầu phộng hay hiệu khác sợ hôi, dùng không ngon.

Một tí muối, chừng ba giọt nước chanh, một tí hột cải.

### CÁCH LÀM :

Hột gà phải cho thiệt mới, lấy nội trứng đỏ, để vào đĩa sâu; lấy nửa quây tròn vòng, nhều từ từ giọt dầu, đừng nhều nhiều. Cứ như thế chừng nào đặc sệt như beurre thì được; rồi sẽ đồ muối, nước chanh, hột cải vào (khuấy tròn vòng, đừng nghỉ tay) nếu nghỉ thì nó rửa ra, không đặc, mà quây sai vòng cũng không đặc, nghe thì dễ; nhưng chừng làm mới thấy nhọc.

Nếu mỗi tay mà ngưng, thì về sau nó sẽ lộn cợn chứ không mịn.



### ★ BỎ RƯỢU

— Anh cứ khoe rằng anh đã bỏ rượu ! 8 giờ tối hôm qua tôi bắt gặp anh ở trong tiệm rượu, uống hết một chai rượu đế !

— Không có đâu ! .. Tôi mới uống có nửa chai mà tôi đã say đứ đừ, đâu có uống hết chai !

### ★ DANH NGÔN

MINH-ÍY

— Giá trị của chúng ta là ở tư tưởng. Ta rèn luyện để biết suy tưởng cho hay, cho đúng, đó là nền tảng của nhân luận.

PASCAL



(Tiếp theo P.T. 6 17)

**S**A U loạt bài nói về kỹ thuật đại cương của điện ảnh, tôi chắc bạn đã có ý niệm tổng quát về nghệ thuật thứ bảy. Tôi cũng thông cảm với một vài bạn khi thông vào thế giới máy móc kỹ thuật tỏ ý ớn chán. Tuy nhiên tôi thành thật vui mừng khi các bạn vẫn theo dõi mục này từ trước đến giờ. Mục đích của tôi chỉ là cố gắng vén bức « màn bạc » để các bạn nhận thấy công việc của các người « thợ » làm phim khá phức tạp và nhọc nhằn đòi hỏi rất nhiều đức tính.

Nghề làm phim là một nghề mới. Mặc dầu kết quả lúc ban đầu còn thấp kém, nhưng nếu các bạn nhớ lại và xem làm phim cũng như nói một thứ tiếng ngoại quốc thì các bạn sẽ vui lòng tha thứ và ủng hộ ngay. Thật vậy phim là một thứ tiếng của nước ngoài mới nhập cảng vào nước ta. Nói

## TÔI LÀM PHIM

### \* THÁI-THỨC-ĐIỂN

cho « giống » cũng đã là một sự khó, mà nói cho hết càng khó hơn. Ví dụ « Tiếng » Pháp sau 80 năm, thử hỏi đã có mấy người « nói như Tây » chẳng? Hoặc giả « tiếng Huế kỳ » có ai đã nói giống như « Mỹ » chẳng? Nếu các bạn chơi nghịch thu tiếng một ai đó, vở ngược tự xưng là nói tiếng nào đó hay và giống « số dách » vào băng điện tử, khi bạn cho chạy lại nghe thì luôn luôn nhận ra đó là một người khác giống nói thứ tiếng ấy! Tôi muốn lấy tỷ dụ trên để so sánh nghề làm phim. Người thợ Việt mặc dầu cố gắng, nhưng luôn luôn vẫn phải đi chậm hơn ngoại quốc, vì bắt đầu làm phim sau người ta đến gần 70 năm lặn. Hơn nữa khi mình tiến thì người ta cũng tiến. Mình mới giai đoạn phim 35 ly gọi là màu mà người ta đã đến phim « mù » với màn ảnh đại rồi! Một tỷ dụ nữa là nước Nga nước Mỹ đã có Vệ tinh bay quanh cung trăng mà nước Pháp mới

có Bom nguyên tử mà thôi, và ta mới có một Trung Tâm nghiên cứu Nguyên tử tại Đà Lạt.

Nhưng chúng ta đã cố gắng. Nhìn lại quá khứ của nền điện ảnh nước nhà. Cuốn phim đầu tiên là một cuốn phim hải hước do người Pháp thực hiện tại đây là cuốn « TOU FOU » tiếp theo đó hai cuốn phim « BA ĐẾ » và « KIM VÂN KIỀU ». Bằng đi một đạo năm 1937-38 chuyên viên HỒN KÔNG hợp tác với người Việt sản xuất ra cuốn « CẢNH ĐỒNG MA — TRẦN PHONG BA — TRỌN VỚI TÌNH VÀ CẢNH HOA ROY ». Vào năm 1940 lần lượt ra mắt công chúng « MỘT BUỔI CHIỀU TRÊN SÔNG CỬU LONG — ĐÈO NGANG TỨC CẢNH — THẦY PHÁP RÂU ĐỎ » rồi cuốn phim màu « HUẾ ĐẸP HUẾ THƠ ».

Bắt đầu từ năm 1953 MỘT TRANG NHẬT KỸ đã khơi màu cho loạt phim tiếp tục sản xuất cho đến bây giờ.

Điện ảnh Việt-Nam vùng lên, mong sánh vai cùng các nước trên hoàn-vũ. Nhưng vì thiếu điều kiện phát-triển nên chìm-chìm như trận bóng tròn về khuya.. Thực ra là vì thiếu máy móc và thiếu « vốn ». Không ai đại vì « bỏ vốn » ra mà hoặc chỉ lấy lời 10% hoặc mua cái lỗ trước mắt, trong khi đó với số vốn ấy nếu đem buôn nước mắm thì lời trông thấy. Nhưng

đối với những ai không sanh đồng nghề tử đồng nghiệp thì đã xoay chiều, chỉ còn lại những người « thợ » chân thành hy-sinh cả sự-nghiệp cho điện-ảnh là vẫn còn cố ngồi - ngóng chờ « tai qua nạn khỏi » cố nhập-cảng cho kỳ được những máy-móc « cần-thiết » để thực-hiện cái mộng của mình. Họ có thể chuyển qua ngành « chuyển âm » hoặc « phụ-đề » để sống tạm qua ngày và chờ sự nâng đỡ của Chính-Phủ, nhất là về vấn-đề quan-thuế và thuế má.

Một vấn-đề cần nêu ra đây để các bạn thấu triệt. Nghề sản-xuất phim cũng như mọi nghề thương mại khác luôn-luôn có sự cạnh-tranh : một sự « chiến-đấu » ngấm-ngấm để vật ngã nhau hoặc bằng các phương-pháp « cao-thượng » hay « bí-mật ». « Cao-thượng » có nghĩa là trau dồi kỹ-thuật, phái người đi học thêm ở nước ngoài về điện ảnh, bổ sung máy móc, rút kinh nghiệm của những sự thất bại trước, để tự sửa chữa, còn « bí mật » thì nói ra không biết.

Các bạn cứ xem nước ta đã nhập cảng biết bao phim ngoại quốc và đó là những hãng to lớn vĩ đại sản vốn sản phương tiện sản xuất. Muốn tận diệt nghề điện ảnh trong xứ để cho họ có thể nhập cảng các phim của họ và thầu lượm tài chánh của nước mình ! họ có thiếu gì phương tiện. Phương tiện truyền hình, phương tiện, độc quyền...

Đây là cách «gây ông đập lưng ông» như thế nghĩa là họ chỉ trích một số nhỏ trong lợi tức hằng năm để dùng vào việc «bùng đào» đó! Khán giả đòi hỏi những phim hay đó là quyền của khán giả! Ai dại gì đem tiền đi xem phim «dở» dù là muốn nâng đỡ cho phim nước nhà! Nhưng cứ mỗi một khán giả «thích» một thứ phim ngoại quốc nào là một khán giả «mất» cho phim Việt. Muốn lôi cuốn khán giả trở lại với phim Việt thì ít nhất cũng có phim giá trị kỹ thuật và nội dung tương tự với phim ngoại quốc. Thì phải bỏ tiền bỏ vốn cho nhiều. Nhưng nếu tính kỹ số thu lại trong nước sẽ dặt mình vì không thể nào «khảm vốn» cho được! Sao lại không xuất cảng? Có người hỏi thế. Ta cứ xem như các thứ xe gắn máy thì biết loại xe của Đức Quốc tất cả ai cũng đều ưa chuộng. Có người nhập cảng một loại khác của một nước khác cố nhiên là người xài nghi ngờ... lại có người chê bai này nọ mặc dầu họ CHƯA THẤY HOẶC DÙNG LOẠI XE ẤY BAO GIỜ! Người này vô tình hay cố ý «giết chết» hãng kia! Phim cũng vậy, cạnh tranh với ngoại quốc chính tại trong nước nhà còn chưa được hưởng chi là ngoài nước!

Mà muốn cho thanh danh đứng vững thì phim Việt phải nỗ lực và được nâng đỡ. Vì một cuốn phim nếu tính kỹ và khả dĩ gọi à

bỏn xén thì phải trên 1, 2 triệu bạc. Muốn giữ mức sản xuất đều đều thì nhà sản xuất phải có sẵn ít nhất chừng 100 triệu! Con số khổng lồ thay!

Lấy đâu ra? Có thể gọi nhiều nhà sản xuất hùn vốn? Nhưng như đã nói trên đem 100 triệu ra buôn nước mắm còn có lời hơn! Vì tỷ lệ lợi 20 phần trăm chắt! Cho nên ít nhà triệu phú muốn thực hiện «cái thứ kinh tế mạo hiểm» đó!

— Trừ phi... trừ phi khi các thứ thuốc đánh răng ngoại quốc không được nhập cảng vào nước ta nữa! Các bạn cũng nhận thấy như vậy...!

Một điểm thứ hai mà các bạn ngạc nhiên là danh từ (thợ) mà tôi đã dùng trong suốt loạt bài. Ai làm phim cũng có thợ thạo như trong mọi nghề khác. Mà kỹ nghệ phim đã nuôi sống bao nhiêu gia đình thợ kể từ thợ trồng cỏ mà lên cho đến người «thợ đóng phim» thường gọi cho oai là «tài tử».

Khi nói đến «thợ» là nói đến một căn bản kỹ thuật. Bạn có thể hỏi tại sao có người tự-nhiên được lựa làm «tài tử» và đóng rất hay ở cuốn phim đầu? Tôi đồng ý nhưng đó là những «thiên tài, quái kiệt, thần đồng» và... chúng ta ở xã đầu có hiểu sự thật bên trong mà quảng cáo đã che đây kỹ lưỡng. Có thể! nhưng chắc chắn là dù mới «bắt đầu» làm quen với điện ảnh những «quái kiệt» ấy đã «sống» trước nghệ thuật điện ảnh bằng cách

đọc sách, xem xi-nê v.v... và đó cũng là một cách học nghề, một cách tự học. Nhưng cách tự học của người ta không làm cho người ta «bất-chước» một tài tử nào, người ta vẫn giữ cái «độc đáo» cái «ta» của người ta, thường có những phong trào «bất chước «đầu Marlon Brando, Yul, James Dean» chẳng hạn. Nhưng nếu biết «tiêu hóa» cái hay của kẻ khác đem luyện vào với cái hay của mình ấy mới là «quái kiệt» thật!

Và lại phim ảnh chỉ trình bày cái «vật chất» bề ngoài, đâu chúng ta có biết «nội tâm» ra sao! Mà hề vật chất thì phải tàn tạ phải đem lại sự chán ngấy. Và do đó tài tử màn ảnh thường được «ném» ra phô bày trong một thời gian rồi buông chìm xuống hồ quên lãng.

Trừ những tài tử có một lối diễn xuất «độc-đáo đặc-biệt» vẫn còn «ăn khách» như độ nào. Tuy-nhiên, bạn có nghe nói «thợ nhảy dù» bao giờ đâu! Đối với cái thay đổi của tài tử, của đạo diễn, của nhà sản xuất là sự «tồn tại» của

kỹ-thuật của người «thợ». Đúng như câu: «Phủ huyện ra ma, Lai Nha vẫn sống!». Vì kỹ thuật là nòng-cốt, là căn bản...

Nói cái tánh chất «tồn tại» ấy cũng đủ cho bạn nhận thấy rằng những người đã phụng sự đặc lực cho điện ảnh không phải là những kẻ muốn phô trương trong một thời, khoác cái áo điện-ảnh để giết chết điện-ảnh, dù trên bình diện nào. Những người sống với đêm tối, với màu thuốc, với hình bóng, mong làm cho hay hơn nữa, cho «ngon» hơn nữa, những người sống với lý tưởng, một tình yêu: Điện-ảnh. Đó là những người thợ chịu kham khổ vì họ chỉ chú trọng vào một mục đích tinh thần, tìm sự thỏa mãn trong kết quả thu hoạch...

Loạt bài nối tiếp sau đây sẽ chơi bày cạnh khía vui buồn của đời họ. Sau khi các bạn đã tiếp xúc với kỹ thuật, với công việc khô khan của những tay «thợ», bạn sẽ sống với họ, sống đời sống của họ...

(Còn nữa)

## ★ DANH NGÔN

— Không nên tính việc chính trị, ngoại giao như là tính việc tâm-tình. Lòng yêu và tình bề bạn, bụng quân tử và sự trung thành không liên quan gì đến sự cầm đầu một nước, ở nước mình cũng như ở nước khác.

Jean Bernter



★ Cô BÌNH-MINH

MẤY BỨC THƯ  
CỦA BẠN ĐỌC...

Vài tuần nay, ông giám-đốc PHỒ-THÔNG có chuyện đến tôi năm sáu bức thư của các Bạn đọc thân mến gọi về nói chuyện về các trường-học xã-giao. Thật là hân-hạnh được quý Bạn chiếu cố đến, và tôi xin kính lời thành-thật cảm ơn hảo-ý của Quý Bạn gần xa.

Có một bạn Nữ-sinh Đại học, viết như sau đây :

“... Hôm chiều thứ Bảy vừa rồi, em với chị em đi rạp Đại-Nam xem phim Anna de Brooklyn. Chúng em ngồi balcon,

bên cạnh một cô y-phục rất đàng-hoàng, trông người cũng có vẻ đứng-đắn, nhưng ngồi gác hai chân trên ghế phía trước Chúng em thấy khó chịu lắm. Một lúc, một cặp vợ chồng đi vào, cô ấy bỏ chân xuống để cho người ta đi xong, rồi cô lại gác chân lên ghế như trước, coi thật là kỳ... Tại sao một thiếu-nữ có vẻ tân-thời lắm mà lại có cử chỉ như thế được, hà chị? Cử chỉ đó có kém lịch-sự không hà chị?... ”

— Thưa cô bạn, nếu bạn thấy rằng ngồi trong rạp chiếu-bóng, (hay là rạp hát), mà gác chân lên ghế trước như thế là « KỤ »,

thì bất luận là đàn ông hay đàn-bà, (mà nhất là thiếu-nữ) đều chắc chắn là kém lịch-sự rồi đó. Có lẽ cô ấy không phải là một Nữ-sinh, hay một phụ-nữ có chút ít học-thức, vì dù sao chẳng nữa, phụ-nữ có học-thức không ai có cử-chỉ khiếm-nhã như thế. Biết đâu cô ấy có cái vỏ bề ngoài là « đàng-hoàng », « đứng-đắn », nhưng kỳ thực chỉ là một phụ-nữ không có giáo-dục chẳng ?

Một bạn đọc, ông V.P. ở Bộ Tài-chánh, viết như sau đây. Tôi xin trích một đoạn, cũng như bức thư trên của cô bạn Sinh-viên.

«... Tôi không biết một số điện-thoại-viên ở nhà Bru-diện Sài-gòn có học phép xã-giao đối với khách hàng không ? Vì chúng tôi đã bị hơn một lần, — vâng, đã hơn một lần rồi ạ, — một vài cô ấy (chúng tôi không dám nói tất cả các cô) bắt chúng tôi chờ ít nhất là 15 phút mới lên tiếng. Thưa cô Bình-Minh, chúng tôi, phần đông nhân-viên ở phòng này, đã nhiều lần cầm máy nói lên, muốn xin các cô ấy cho số, nhưng chúng tôi đợi thật lâu, có khi hút hết nửa điếu thuốc, rồi mới nghe tiếng oanh vàng thờ-thế, rất uê-oái :

« Allô ! ». Mặc dầu vậy, chúng tôi cũng lễ phép nói như cô đã nói rất duyên-dáng trong bài « xã-giao » của tạp-chí « Hồ-Thông : Có làm ơn cho tôi tự động ạ.

Nhưng nào các cô điện-thoại-viên có « thông cảm » cho cái thiện-chí của chúng tôi đâu! Chúng tôi vẫn thấy máy im-lặng, một lúc lâu mới nghe máy u-u... Chúng tôi quay số tự-động, thì có đôi khi mới nói chưa hết chuyện bỗng dưng bị coupé. Ngang xướng chưa !

Làm ông bạn đối thoại ở bên kia đầu dây tưởng đâu chúng tôi kém lịch-sự: đang nói chuyện rồi bỏ máy xuống không thêm nói nữa, hay là không thêm nghe nữa!... Chúng tôi rất mong sao cụ Giám-đốc nhà Bru-diện Sài-gòn, Thủ-đô của nước Việt-Nam Cộng-Hòa Tự-do và Độc-lập của chúng ta, làm ơn mở lớp dạy xã-giao cho một vài cô điện-thoại-viên nào đó... Được như thế, thật là vạn hạnh cho lũ công-dân nam nữ bình quyền... » v.v...

Bức thư này, tôi chỉ xin trích ra đây thôi, chớ khỏi phê-bình.

Thưa các bạn, đây là một đoạn trong bức thư khác của ông

## «NHỮNG CHUYẾN ĐI»

của NHUỆ-HỒNG

HAY LÀ:

## Chủ-nghĩa xã-hội ở Á-Châu

\* THIẾU-SƠN

ÔI mới nhận được ông Huệ - Hồng gửi t ấ n g «*Những chuyến đi*» do Liên-Minh Xã-Hội ấn-hành. Tên văn này đối với tôi hoàn-toàn mới lạ. Nhưng đọc ở bìa sau mới biết ông Huệ-Hồng trước đây đã xuất - bản «*Chủ-nghĩa dân-chủ xã-hội*», «*Lá thư miền Nam*» và sẽ xuất-bản «*Nguyên lý sơ đẳng Xã-Hội chủ nghĩa*», hết thảy đều do Liên - Minh Xã-Hội ấn-hành.

Đọc hết «*Những chuyến đi*» mới biết thêm là không phải đi chơi mà đi dự Hội - nghị Liên - Minh Xã-Hội Á-Châu ở Bombay và Hội-Nghị các nhà văn Á - Châu ở Tân-đề-Ly. Cả hai Hội - Nghị đều nhóm họp vào cuối năm 1946.

Càng đọc kỹ càng biết rõ Huệ Hồng chỉ là bút hiệu của một vị luật - sư hiện là yếu nhân của Đảng Xã-Hội Việt-Nam và cũng nhân - danh Đảng mà ông đã đi dự hội-nghị Bombay nói trên.

Muốn cho danh chánh, ngôn thuận tôi tưởng ông nên nêu rõ những sự - kiện đó ra một cách minh-bạch bề giới-thiệu với đồng bào Việt-Nam những yếu-nhân và hoạt-dộng của một chánh-dảng công-khai, hợp-pháp, có địa-vị và được sự nhìn nhận của quốc-tế.

Một Đảng cũng như một nước cần phải củng cố nền ngoại-giao để mở mặt mày với thiên-hạ, nhưng phải có tổ-chức và phát-triển Đảng ở ngay trong nước mình đã. Phải củng-cố thực-

Khánh-Long, chủ hãng Xuất-nập-Cảng ở Đà-nẵng :

« ... Ở Sài-gòn thế nào tôi không được biết, chớ ở Đà-nẵng tôi thường gặp nhiều người đàn-ông mặc bộ-đồ ngủ mà đi dạo ngoài đường, như mặc pyjama chằng hạn. Không hiểu theo ý cô thì như thế có lịch-sự không? Còn đàn-bà con gái mặc quần trắng thiết mỏng, xin nói là mỏng hơn tờ giấy bóng của con tôi bọc vở (!) đi ngoài đường, thì có lịch-sự không? Dám nhờ cô chỉ-giáo cho... »

— Thưa ông, chắc ông cũng đã nhận thấy rằng mặc quần-áo pyjama đi dạo ngoài phố, là bất lịch-sự. Đồ pyjama chỉ nên dùng mặc trong nhà. Mặc pyjama mà

tiếp khách cũng là vô-lễ, trừ khách là bạn chí thân, hay là người nhà. Phụ-nữ mặc pyjama tiếp khách, dù là khách phụ-nữ lại càng rất không nên.

Còn phụ-nữ mặc quần lụa trắng QUÁ MỎNG, dù ở trong nhà hay đi ngoài đường, đều là khiếm-nhã. Người đứng đắn không bao giờ mặc như thế. Ở Đà-nẵng, hay ở Sài-gòn, hay ở một quận, một thôn, người văn-minh ở đâu cũng tỏ ra tôn-trọng phép lịch-sự. Kính-trọng đối với người ngoài, tức là tự mình kính trọng mình vậy.

Còn vài bức thư khác cũng rất có ý-nghĩa, xin phép các bạn để cho tích dăng vào số báo sau.

## \* TRÌNH-TRÌNH ĐI CÀ-NHẮC.

— Anh ạ, cụ Trọng Trình Nguyễn-bính-Khiêm là người tài hoa xuất chúng, nhưng tiếc thay cụ có tật đi cà-nhắc.

— Sách vở nào đã bảo anh như thế?

— Thì chính cụ đã «*tự thuật*» chớ còn ai bảo nữa.

Đấy, thơ cụ có câu :

«*Ngoài vòng cương tỏa, chân cao-thấp,*

«*Trong túi yên-hà, mặt tĩnh say.*

Rõ ràng là cụ chân cao, chân thấp rồi chớ gì nữa?

M. K.

lực trước hết. Càng có thực-lực càng thêm thế-lực trong liên-minh quốc-tế.

Mở đầu « Những chuyến đi » bạn Huệ-Hồng đã nói : « Trong « kỳ Đại-Hội thứ nhì của Liên-Minh Xã - Hội Á - Châu, một mình tôi được chỉ-định tham-dự « hội-nghị. Lần đầu tiên tôi ra « khỏi nước, lần đầu tiên tôi làm « ngoại giao. Ra đi một mình, « không bạn đồng hành, không « người thảo-luận. »

Trên đây chỉ là lời tán thò của bạn về chuyến đi thứ nhất, đi cho Đảng đề dự Đại-Hội Liên-Minh Xã - Hội Á - Châu. Qua đến chuyến đi thứ hai đề dự Hội-Nghị các nhà văn Á-Châu ở Tân-đề-Ly thì bạn cũng đã có người đồng-hành và có người thảo-luận.

Nhưng theo sự nhận xét của tôi thì Hội-nghị thứ nhất mới thật là quan-trọng vì là Đại-Hội Liên-Minh Xã-Hội Á-Châu năm trong Quốc-Tế Xã-Hội Thế-Giới. Dự một Hội-nghị như thế mà phải đơn thương, độc-mã thì thật là nguy-hiêm.

Theo lời bạn Huệ-Hồng thì bạn đã làm được nhiều chuyện làm về

vang cho Đảng Xã-Hội Việt-Nam, đã mua được cảm-tình và sự kính nể của các đảng bạn. Nhưng đâu sao tôi vẫn cho là táo-bạo và nguy hiểm vì sự cô-đơn, lẻ bạn như thế nhiều khi đưa người ta tới những hành-động chủ-quan có thể thỏa-mãn được sự hiếu-thắng của cá-nhân mà vô tình đi ra ngoài đường lối chủ-trương của Đảng. Bạn Huệ-Hồng đã tránh được những nguy-hiêm nói trên nhưng chính bạn cũng nhìn nhận rằng đã làm việc quá sức mình.

Bạn nói : « Mỗi người trong « chúng ta đều có thể, trong « những trường-hợp đặc-biệt « thực-hiện những công-cuộc đặc « biệt mà bình-nhị ta cho là « quá sức mình ».

Bạn còn nói thêm : « Nói thế « cũng dễ chứng-minh những khả- « năng tiềm tàng của con người « tiêu-tư-sản vẫn bị khinh-thị là « bảo thủ, an-phận, một mặt hai « lòng, thiếu tinh-thần tranh-đấu. « Sở-dĩ con người tiêu-tư-sản « không thực-hiện được những « công-cuộc vĩ-đại phi-thường có « lẽ vì họ không có điều-kiện « đặc-biệt và cũng không cần phò « trương lực-lượng bằng những « công-tác đặc-biệt... ».

Chẳng những bạn đã tìm ra

được những khả-năng tiềm-tàng của con người tiêu-tư-sản ở bạn, ở những lãnh-tự phong-trào Xã-hội Á-Châu mà bạn còn đặt hết tin tưởng vào giai-cấp tiêu-tư-sản trong việc thiết-lập một lực-lượng thứ ba chống với Tư-bản chủ-nghĩa và cộng-sản chủ-nghĩa.

Bạn Huệ-Hồng đã cùng một quan-điểm với những lãnh-tự xã-hội Á-Châu. Chính ông Asoka Mehta, lý-thuyết-gia và tổng-thơ ký Đảng Xã-hội Ấn đã nói :

« Con người tư-bản là một « con người cô-đơn, lo sợ tự- « do. Con người bằng máu « huyết bị trừu tượng hóa thành « kinh-tế-nhân.

« Con người vô-sản, tìm cách « tiêu-diệt kinh-tế-nhân cũng là « một sản-phẩm tương-tự. Nếu « kinh-tế-nhân, lý-tưởng của tư « bản là một con người trừu- « tượng thì con người vô-sản, lý- « tưởng của kẻ thù tư-bản « cũng là con người què- « quặt. Theo Mác, con người vô « sản là con người tự-phóng-khí.

« Cả kinh-tế nhân và con người « vô-sản phải được thay thế bằng « con người đều-hòa toàn-diện... »

Con người đều-hòa toàn-diện tức là con người tiêu-tư-sản theo quan-điểm của nhà lãnh-tự xã-hội Á-Châu.

Tôi đã từng hoạt-động trong

hàng ngũ xã-hội và đã từng tham-gia cuộc cách-mạng giải-phóng ở nước nhà, tôi nhìn nhận những khả-năng tiềm-tàng của con người tiêu-tư-sản nhưng dùng họ làm chủ-lực trong cuộc cách-mạng xã-hội ở tương-lai thì tôi cũng không mấy tin-tưởng.

Giai-cấp tiêu-tư-sản vẫn sản-xuất được những nhà lãnh-đạo ưu-tú cho các phong-trào, kể cả Phong-trào cộng-sản.

Nhưng lực-lượng căn-bản và ngay đến những cán-bộ cơ-sở không thể chỉ trông cậy vào tiêu-tư-sản hết được. Tiêu-tư-sản có những ưu-điểm nhưng cũng có rất nhiều nhược-điểm mà cái nhược-điểm căn-bản là thích sống riêng rẽ, thiếu ý-thức và tinh-thần tập-thề. Ta không chủ-trương vô-sản-hóa nhân-loại để kiến-tạo một xã-hội theo kiểu cộng-sản.

Nhưng ta vẫn có thể tự-tập những lực-lượng trong hàng ngũ công-nhân và nông-dân chưa tiêu-tư-sản-hóa để làm chung cái công-việc của chúng ta muốn làm. Chúng ta không phủ-nhận những nỗ-lực của chánh-phủ trong việc thăng-tiến cần-lao và cải-cách ruộng đất, nhưng ta phải nhìn nhận rằng ở nông-thôn bản-nông vẫn còn thắng số hơn trung-nông và ở thành thị đa số công-



nhân vẫn chưa đạt tới mục sống tiêu tư sản. Vậy thì đảng Xã-hội vẫn có thể tuyên lựa đảng-viên trong thành phần nói trên để cùng với những phần tử tích cực trong giai cấp tiểu tư sản tạo nên cái lực-lượng thứ ba theo đường lối của mình. Ở Pháp đảng xã-hội còn tranh-dành ảnh hưởng với đảng Cộng-sản trong giới công nhân được thì ở Việt Nam tự-do ta càng dễ hoạt động hơn trong giới công-nông đương cần có sự lãnh-đạo thích đáng của chủ-nghĩa xã-hội. Tác giả «Những chuyến đi» dường như có thành kiến với hai chữ vô sản cũng như người Ấn-độ không dám đụng chạm với những kẻ tiện dân (les parias).

Nhưng ở Ấn-độ là vì lý-do tôn giáo mà có sự cách biệt giữa đông-bào, chứ ở Việt-Nam không có kẻ tiện dân và chỉ có những kẻ nghèo đói ở thành-thị cũng như ở thôn quê, những nạn-nhân của tư-bản và phong-kiến, những phu khuân vác, những phu xe, những lao-động công-nhật, phù-động hay thất-nghiệp, những tá-diên còn chưa thoát khỏi vòng thao túng của địa-chủ. Những người này hiện được chánh-thể Cộng-hòa chăm sóc và nâng đỡ

nhưng cũng đang cần có một chánh đảng lãnh đạo và giáo dục. Trước kia họ đã bị cộng sản lôi kéo, cám dỗ và đầu độc bằng cừu - thị và cấm thù, đã biến họ thành những con người điện tử, bỏ nhân bản và mất nhân - tính. Không, họ không phải là những con người què-quặt phiến-diện tự phóng-khí. Họ đã bị biến đổi thành những con người què-quặt, phiến-diện. Họ bị phóng-khí chứ không tự phóng-khí. Nay họ đã tỉnh mộng thì lại càng cần được chăm-sóc cả về vật-chất lẫn tinh-thần. Chủ-nghĩa xã-hội không thể không đem-sia tới họ được. Những nhà lãnh-đạo có thể là những nhà tiểu-tư-sản trí-thức, nhưng hạ-tầng cơ - sở nhứt định phải là những người cùng khổ trong xã-hội của ta. Không có cái cơ-sở này lôi kéo và giáo-dục ngược lại thì những nhà lãnh-đạo rất dễ sa ngã trong sự thỏa-hiệp với những lực-lượng phong-kiến và tư-bản còn sót lại. Không có cái cơ-sở này giai cấp tiểu-tư sản không thể nào độc-lực làm tròn cái sứ-mạng của mình, mặc dầu nó có rất nhiều khả-năng và thiện-chí.

Nhưng con người tiểu-tư-sản được nuôi-dưỡng trong lý-tưởng

xã-hội, không tách rời khỏi quần-chúng cần-lao sẽ gây được sự điều-hòa tổng - hợp, tạo nên được một lực-lượng đủ sức chống đối với cả hai phe cực - tả và cực-hữu.

Tác giả «Những chuyến đi» đã may-mắn được tiếp-xúc với những nhà lãnh - tụ Á - Châu, những người mà bạn coi như những Á-Thánh, nhưng thời giờ không cho phép bạn chung đụng với những lực-lượng cơ-sở của các đảng Xã-Hội Á-Châu. Tôi tưởng tượng rằng những lực-lượng đó chắc phải hùng hậu lắm. Đọc « Những chuyến đi » tôi hình dung bạn Huệ-Hồng của chúng ta đầy đủ khả-năng và uy-tín của một vị lãnh-tụ Việt-Nam. Nhưng ngó tới thực-lực của Đảng Xã-Hội Việt-Nam tôi đã thấy gì? Đảng chưa có tiếng nói ở Quốc-Hội, chưa thực sự lãnh-đạo được một lực - lượng thợ thuyền nào ở Thủ - Đô, chưa phổ-biến trong nông-thôn và cũng chưa có gốc-rễ ngay trong giai-cấp tiểu-tư-sản. Những hoạt-dộng của đảng cũng chưa có gì là sâu rộng trong quảng-dại quần-chúng.

Như vậy thì đảng còn phải cố-gắng nhiều hơn nữa để xứng đáng với sự có mặt của mình

trong Liên-Minh Á-Châu và trong Quốc-tế Xã-hội.

Quốc-tế Xã-Hội ngày nay là một lực-lượng vĩ-dại trên Thế-giới. Và Liên-Minh xã-hội Á-châu sau kỳ Thế-giới chiến-tranh lần thứ hai này đã thấu-hoạch được những thành-công rực-rỡ. « Có hậu-thuần quần-chúng và đã từng nắm chánh - quyền là các Đảng Xã-hội Miến-diện, Tích - Lan, Do - Thái, Nam-Dương, Dân-biêu Xã-hội Nhật chiếm 1/3 số ghế trong Quốc-Hội. Phong-trào Xã-hội Ấn kể tiếp công-cuộc của Gandhi... Lập-trường Xã-hội của Ấn-độ thuần túy Đông-Phương, lấy những nguyên-lý chủ nghĩa Gandhi và Dân-chủ xã-hội làm cơ sở lý-thuyết. »

Những lời nói trên đây của bạn Huệ Hồng chứng minh một cách rõ ràng lực-lượng hùng-hậu của Liên Minh Xã-Hội Á-Châu.

Xưa nay người ta thường coi Chủ nghĩa Xã-hội và chủ nghĩa Cộng-sản như hai chủ-nghĩa anh em vì cả hai đều bắt nguồn từ học thuyết của Karl Marx. Nhưng từ ngày Đệ tam quốc tế tách ra khỏi Đệ nhị quốc tế thì không còn có anh em gì với nhau nữa. Quốc

tế xã-hội bây giờ là một dấu thủ lợi hại của Cộng sản đệ Tam. Những nhà lãnh tụ xã-hội Tây-Phương tuy không phủ nhận những lý-thuyết kinh tế của Marx nhưng cũng không đoạt tuyệt với những giá trị tinh thần, những lý - tưởng tự do, dân chủ, chủ-trương giải-phóng con người đồng thời với sự giải-phóng quốc-gi, dân-tộc, ngược hẳn với chủ-trương của Cộng - Sản. Ở Á - Châu Marx còn bị bỏ xa hơn nữa. Theo bán Nhuệ-Hồng thì «phong-trào Xã-Hội Ấn-Độ thu «rút những tinh hoa của các chủ-nghĩa duy-lý và kinh-tế, đang «làm một công-trình tổng-hợp «toàn-diện, lý-tưởng - hóa chủ-nghĩa xã-hội, đạo-đức-hóa chánh «trị thực-tiến, dân-chủ hóa bộ «máy tập-thể và nhứt là gieo rắc «lại cho các chiến-sĩ xã-hội một «lòng tin.. »

Ở Ấn-Độ như thế thì ở các nước Á-Châu khác cũng thế vì

#### ★ DANH NGÔN

— Nếu nhân loại không có đàn bà thì chúng ta ai nấy đều thân thiết như anh em ruột vậy.

(Ngạn ngữ Tây Phương)

là những nước nông-nghiệp, còn lạc-hậu về Kinh-Tế và người dân còn sống với thần-quyền và thần-bí. Chủ-nghĩa xã-hội phải lo cải-thiện đời sống cho những người thiếu ăn, thiếu mặc nhưng không thể vô-thần và duy-vật được đối với những người vẫn nặng một lòng tin.

Nói chung về Lực-lượng thứ Ba, bạn Nhuệ-Hồng có những ý kiến như sau :

«Lực - lượng thứ Ba chỉ có «thể thành hình với sự tham-gia của Quốc-tế Xã-Hội Âu-Châu, Liên-Minh Xã-Hội Á-Châu và những phong-trào Dân-chủ Xã-Hội cấp-tiến tại Bắc-Phi, Nam-Phi và Nam-Mỹ. »

Tôi muốn nói thêm rằng Đảng Xã-Hội Việt-Nam phải được phát triển mạnh mẽ hơn nữa để góp mặt một cách xứng đáng vào cái lực-lượng thứ ba nói trên, lực-lượng của Trung-lai, của Hòa-Bình và Dân-chủ.

Tao đàn  
Thơ Chông



### Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?

T H Ề theo lời yêu cầu của nhiều bạn yêu Thơ, khỏi từ số này tôi xin mở trang Tao-Đàn **PHỒ - THÔNG**, để cùng các bạn họa thơ cho vui. Gọi là một đôi phút giải sầu, và kết mỗi thông cảm giữa bạn đọc thân yêu của tạp-chí **PHỒ-THÔNG**.

Khai hội Tao - Đàn, xin các bạn cho phép tôi đưa ra câu thơ đầu của một bài bát - cú,

(dĩ nhiên là theo thể Đường-luật), mà đề tài là :

#### NAM-THU HÒA-KHÚC

Và đây, là câu thơ đầu :

*Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?*

Xin mời các bạn lấy văn «vàng» mà họa lại, như thế các bạn khỏi bị gò bó trong năm văn nhất định, để các bạn được tự-do phô-diễn tư - tưởng, hay

cảm-tưởng của bạn về mùa Thu ở miền Nam. Tất nhiên, là các bạn sẽ làm Thơ Đường-luật, và câu đầu phải lấy vần «Vàng». Hoặc giả, bạn nào muốn dùng các lối thơ ngũ ngôn, hoặc thơ mới tám chữ cũng được, nhưng cũng phải mở đầu bằng vần «Vàng». Không nhận thơ lục-bát, vì rất khó hay, và song thất lục-bát vì quá nặng nề, hoặc «thơ tự-do» vì không phải thơ.

Xin các bạn gửi thơ họa về Tòa-soạn Phê - Thông trước ngày 4 tháng 8 ta (6-9-59) để kịp chúng tôi lựa chọn những bài nào hay sẽ đăng vào Phê-Thông số Đặc biệt Trung-Thu, số 19, ra ngày 13 tháng 8 ta, (15-9-59). Ngoài ra, những bài gửi trễ sẽ chọn đăng vào các số 20, 21.

Mỗi bạn sẽ có một tập:

### NAM-THU HÒA-KHÚC

Nếu có nhiều bài thơ hay, (50 bài chẳng hạn), chúng tôi sẽ in riêng thành một tập sách, nhan đề là «NAM THU HÒA-KHÚC» và gửi tặng tất cả các bạn có thơ đăng trong đó (chỉ chọn những bài thơ hay mà thôi) thành một giai phẩm của Tao-Đàn Phê-Thông, để các bạn

làm kỷ-niệm. Vậy kèm với bài thơ xin bạn gửi cho Tên họ và địa chỉ rõ ràng, (Thơ có thể ký bút hiệu riêng) để chúng tôi gửi tặng sách nếu bạn có thơ in trong tập ấy.

Tôi xin nhắc lại các điều-kiện:

— Chỉ nhận các thề thơ sau đây:

— Thơ bát-cú Đường - luật (ưu tiên), mấy bài cũng được, miễn là hay.

— Thơ ngũ ngôn Đường-luật.

— Các thề thơ mới 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, hoặc 8 chữ. Không nhận các loại thơ lục-bát, song - thất lục - bát, và các loại «Thơ» không niêm, không vần, không âm-điệu.

— Lấy vần «Vàng» làm vần chính ở câu đầu.

— Có thể lấy nguyên cả câu xướng:

*Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng?*

Bài này cũng sẽ đăng trong P.T. số Trung Thu, mục Tao-Đàn Phê-Thông.

Thân ái chờ đón các bạn nam nữ Thi-nhân.

NGUYỄN-VY

# CÔ

# GÁI

# DIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU



BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

V

(tiếp theo P.T. số 17)

Ừ thì, đối với một cái phòng giấy hoặc với một cửa hiệu buôn bán, thì chẳng nói làm chi, nhưng, đối với một nơi để an-cư, để hưu dưỡng, mà sự xây cất luộm thuộm, lổ-lãng như vậy, nhất định, những nơi đó không thể nào có được, những đứa trẻ dĩnh ngộ, thông - minh, những cậu con trai có trí tuệ hơn người, hoặc, những cô con gái

duyên dáng, yêu kiều.

Bước chân vào tòa nhà của ông Thê-tư-Lãng, tôi có ngay cái ấn-tượng, ông ấy không phải là một phú - ông vào hạng thông thường, vì sự bày-biện rất đời sơ lãng, trang nghiêm. Ngoài những bức họa và những cỗ ngoạn, không có một thứ đồ gì gọi là ma-đăng (moderne) nó có thể phá hoại cái tiết - tấu của toàn thể kiến-trúc.

Tuy nhiên, ở đây có một

không-khi quá nghiêm-túc, quá nặng-nề, nó làm cho tôi thấy khó thở. Không những thế, cái hoàn cảnh, cao rộng, lộng-lẫy làm cho tôi trở thành một vật cực-kỳ điều-tiêu. Cái cảm giác của tôi, là cảm giác của một người khách tâm thường bước chân vào một nơi vừa phú-lệ, vừa cô-nhã. Bàn ghế, tủ giá, cái gì cũng bằng gỗ quý, chạm trổ rất tinh vi, theo lối cổ-điển. Máy bức họa treo trên tường cũng toàn của họa phái cổ-điển, trừ một bức, theo chỗ tôi biết, là của Meissonier, trong tả Nã-phá luân hành quân, bức đó là một tác phẩm tối cận-đại.

Ở một góc phòng khách, có bày trên một cái giá bằng đồng, một bức họa, trong có một người đàn bà bận y thường của quý-phái, hình vẽ có lẽ lớn ngang với người thật. Tôi độ chừng, người trong tranh hẳn là bà cụ tổ của dòng họ Thê-tu-lăng. Trên nét mặt nghiêm-khắc của cụ tổ, tôi không đoán ra được, lúc thiếu thời, cụ có duyên dáng hay không, nhưng đôi mắt sắc xảo của cụ, bao hàm một khối óc thông-mẫn, khuôn mặt thanh thép, chứa đầy vẻ uy-nghi; cái mũi dọc dừa, tượng trưng cho sự chính đính, cương trực; và một cặp môi đầy kiên quyết.

Trong khi tôi đương chú-thị vào bức họa, thì ông Thê-tu-lăng tiến lại. Ông vào trạc ngoài năm mươi. Vốn có một tư-thái trầm-

tĩnh, nên ngôn-ngữ, cử-chỉ của ông lúc này cũng ung dung, chậm chạp. Tuy ông không được u-mặc và hòa-cát như y-sư Xa-lạp-Mỹ, nhưng, mỗi lời nói của ông đều đượm một vẻ thanh-khản nó làm cho người ta có cảm tưởng, mỗi câu gì ông thốt ra, đều chân thật và, bất cứ với việc gì, hễ ông nói ra được, là ông nhất-định làm được thành; tất cả những điều ông đã hứa, ta có thể tin chắc vào đó mà không cần phải lấy giấy má, tờ, chữ, làm bằng.

Cuộc đàm thoại của ông với tôi rất đơn giản vì, bao nhiêu điều cần yếu, y-sư Xa-lạp-Mỹ đã nói qua cả rồi. Sau đó, ông ký một tờ ngân-phiếu mười ngàn phật-lãng và trao cho tôi. Tôi rất đỗi ngạc nhiên:

— Thưa ngài, tiền thù-lao về tháng trước, tôi đã lĩnh rồi, còn tháng này thì mãi tôi cuối tháng tôi mới...

— Không, không, đây là món tiền công-phi, nay mai, tiên-sinh sẽ phải cần đến:

Nói đoạn, ông ngẩng tôi từ đầu tôi chân và nói tiếp:

— Có lẽ tiên-sinh nên đi may thêm lấy mấy bộ quần áo, rồi cuối tháng ông cho tôi xem hóa đơn.

Tôi cầm lấy chiếc ngân-phiếu và không nói thêm gì nữa.

Thế rồi, ông bấm chuông gọi người đưa tôi tới phòng sách, nơi mà trên danh nghĩa, tôi được

tuyên dụng để làm việc. Sau ông dẫn tôi:

— Nếu tiên sinh cần bất cứ cái gì, xin tiên-sinh cứ hỏi viên quản-gia.

Ông đi ra khỏi, và tôi theo người quản-gia đến phòng sách. Nơi chúng tôi đi qua trước tiên, là phòng đọc sách, ở đây có một lò sưởi cực lớn, trên mặt lò, có trang trí mấy điều-khắc - phẩm quý giá. Trong lò, giá than, kim gập, cùng que khêu than, toàn bằng gang, sắt, chế theo kiểu cực kỳ tinh trí, mỹ-xảo. Đối diện với lò sưởi, là một ghế sofa, sau sofa có kê một chiếc bàn dài. Phía giữa nhà, là một bàn viết thiết lớn. Trên tường, phía sau bàn viết, có treo một thanh trường-kiểm và mấy khẩu súng tay, kiểu cổ; về góc tường phía đông nam, có một cái đồng hồ đánh chuông, lối tử, kê ở mặt đất, với tiếng kêu tích tắc, chậm chạp của quả lắc. Bên kia, là cửa ăn thông sang phòng chứa sách.

Một mặt phòng chứa sách là cửa sổ dài lát kính, gần đó, có một ghế đầu nhỏ hình bầu dục. Ở đây, có thể trông qua hàng hiên, ra tới cái gò và thăm cỏ. Nếu có người đương đánh vông-cầu, đứng đây gọi, họ có thể nghe rõ. Ngoài bức cửa ra vào, chung quanh tường, đều là địa đồ, mỗi tấm được đặt trên một cái giá đồng, nếu như muốn coi cho rõ ta có thể hạ xuống được.

Có một bức đại họa treo ở tường phía bên lò sưởi, đã làm cho tôi phải đặc-biệt chú ý. Đó là một bức «tàn-vọng» của nhà đại danh họa Puvis de Chavannes, Ở Ba-lê tại quốc-táng-quán, tôi đã từng được xem thấy những bức tàn-vọng-họa vào loại bức «Thánh lâm» (Le bois sacré) ở đại-lê-đường «Thoa-bông» (Sorbonne). Thật tình, các họa-phẩm vĩ-đại ấy đã thâm khắc vào tâm não, tôi một ấn-tượng rất mãnh-liệt, vì, cái tính cách trọng-trung nó chừng - minh cho sự trầm tĩnh và trang-nghiêm của học-nghệ.

Cái hoàn cảnh này đã có một sức hấp dẫn vô-song đối với tôi. Giá ví thử, tôi được thực sự ở đây, để chỉnh-đốn thư-tịch, thì thiết là cả hạnh-vận cho tôi, nhưng tiếc thay, gia-đình Thê-tu-lăng đã giao cho tôi một nhiệm-vụ khác hẳn.

Trong khi tôi đương, mình tự nhủ mình như vậy, thì, vị quản gia bảo tôi:

— Đây là phòng chứa sách.

Tôi liền theo ông ta bước vào. Bên bên tường đều là tủ sách cả. Giữa phòng, có kê một cái bàn dài, chung quanh có ghế tựa; một bên có tủ chứa mục-lục sách, một bên có hai chiếc thang. Tôi vừa định bụng mở thư-mục ra coi, thì người quản-gia lại lên tiếng:

— Thưa tiên-sinh, hành-lý của tiên-sinh đã đưa cả lên phòng ngủ của tiên-sinh rồi; bây giờ,

tôi muốn dẫn tiên-sinh lên trên đó, a.

Người quản-gia có một thái-độ khá nghiêm-túc. Lúc đó, tôi đương ngồi ở chỗ bàn viết, gần đó có một cái cong đựng tàn thuốc lá rất đẹp, tôi mới liên tưởng tới việc hút thuốc; mở hộp, tôi rút ra một điếu, đánh lửa châm, hút và tiện tay, tôi đưa hộp thuốc mời người quản-gia :

— Mời ông xơi một điếu.

Ông ta cười, đáp :

— Cảm ơn tiên-sinh, tôi không biết hút thuốc.

Tôi nói :

— Thưa ông, quả thật cá-khung cảnh này đối với tôi, đây về môi lạ và kỳ-đặc, vậy xin mời ông ngồi đây để ta đàm luận một lát đã... Sau nữa, xin ông cho tôi rõ một vài điểm về tình hình ở nơi đây ?

Ông ta lại cười, đáp :

— Ô ! tình hình ở đây, tôi cũng chỉ biết có một chút ít thôi... tiên-sinh ở đây, rồi lâu lâu, tiên-sinh sẽ rõ.

— Ý tôi muốn đi xem qua một lượt các phòng ở đây, có được không a ?

— Được lắm chứ a. Đó chính là bồn - phạn của tôi phải chỉ dẫn cho tiên-sinh, nhưng, tôi thiết tưởng, tiên-sinh hãy nghĩ ngợi đi cái đã, rồi sẽ hay ?

— Nếu không làm phiền ông, tôi chỉ xem qua cử kỳ đại-khái, thôi.

Ông ta lễ phép trả lời :

— Được, được, tôi xin dẫn ông đi coi.

Chúng tôi liền đi ra khỏi phòng sách, và đi theo một cái hành-lang vừa rộng, vừa dài. Mỗi khi đi qua một nơi nào, ông ta chỉ dừng lại ở cửa và nói cho tôi hay : đây là buồng rửa mặt, đây là buồng khâu vá, đây là buồng để đánh đàn, đây là buồng chứa đồ cổ, đây là buồng chứa những bức danh họa... Sau cùng, chúng tôi bước qua một cái đại sảnh, ở trong đó, có mười bức họa nhân-tượng và ông ấy nói cho tôi rõ, các nhân tượng đó toàn là tổ tiên của họ Thê-tư-lãng, mà quả nửa đều là lịch-đại danh-nhân cả ; nội trong ngần ấy hình tượng, tôi nhận ra một bức, họa một vị nữ-nhân, mà tôi đã trông thấy ở khách sảnh.

Khách sảnh có hai gian mà một gian, tôi đã đi qua lúc nãy. Người quản-gia nói qua một câu cho tôi rõ, rồi dẫn tôi sang phòng ầu. Ở đây, sự trang-trì rất hoa-lệ mà các họa-phẩm đều thuộc phái lãng-mạn cả. Trong các bức họa, tôi nhận thấy hai bức của đại-sur phái lãng-mạn, Eugène Delacroix. Giữa phòng có kê một cái bàn dài, trên có bày hai bình hoa tươi. Các ghế đều có tựa cao, đệm lò so và lợp toàn bằng vóc vàng. Với một cái phòng rộng, lớn chừng ấy mà đồ bày chỉ có bấy nhiêu thì sao cho tránh khỏi vẻ trang-nghiêm.

(Còn tiếp)

# Minh ơi!

## ★ DIỆU-HUYỀN

FLAMMARION chính là một nhà khoa học. Ông là một nhà chuyên môn về Thiên văn học và các khoa học thực nghiệm. Và còn nhiều nhà bác học đã nghiên cứu về giấc chiêm bao. Đó là một khoa học rất hấp dẫn.

Nhưng tại sao hôm nay mình lại hỏi anh về chuyện chiêm bao ?

— Tại vì đêm qua em thấy một điềm chiêm bao rất lạ. Mình biết em thấy thế nào không ?Ồ ! Minh ơi ! Em thấy tụi mình trúng số độc đắc, Minh à !

— Số độc đắc một triệu ấy hả ?

— Dạ. Em thấy em đi chợ. Lúc đi ngang qua một chỗ bán vé số kiến thiết, người ta mời em mua, mỗi vé 13 đồng. Em lắc đầu không mua thì tự nhiên có một ông Tiên râu tóc bạc phơ, mặc áo màu hàng xanh da trời, từ trên trời nhảy dù xuống. Ông gờ cái



— Minh ơi, điềm chiêm-bao có linh nghiệm gì không, Minh nhỉ ?

— Tùy theo nhiều yếu tố. Camille Flammarion đã phân tách các loại chiêm bao. Có những nguyên-do khác nhau, khó mà đặt ra một nguyên tắc nhất định.

— Nhưng tựu trung, khoa học có giảng giải được các hiện tượng của Chiêm bao không ?

— Có chứ ! C A M I L L E

vải dù ra rồi tùm tùm cười đến gần em, kè miệng nói thăm vào tai em : « Kỳ này con trúng số độc đắc. Con mua vé số 000.001, thế nào cũng trúng độc-đắc. » Ông lại vỗ vai em, rồi bảo : « Con về tin cho chồng của con biết, để chồng con mừng, lần này tụi con trả hết nợ, và tậu nhà cửa, lại được đi du-lịch 80 ngày vòng quanh thế-giới ». Nói xong, ông Tiên chào em bằng tiếng ang-lê : « Good luck ! », rồi ông chui vào cái vải dù, một lần gió thom dịu đưa cái dù bay bổng lên mây xanh. Em nằm chiêm-bao thấy rõ như thế đấy. Minh à. Không ngờ sáng nay em đi chợ, lúc ngang qua Bùng-Binh có một bà già mời em mua vé Kiến-thiết. Quả nhiên, em lấy xấp vé lật coi từng tờ thì, Minh ơi, có tấm vé số 000001 thiết, Minh à. Em mừng quýnh lật-đật mở bóp lấy 13\$ ra mua...Nè, Minh coi, tấm vé số do ông Tiên mét cho em mua đây nè...

Bà Tú mở bóp lấy tấm vé số 000001 đưa cho chồng coi. Ông Tú vừa thấy tấm vé số thì lăn ra giương cười sặc sụa :

— Trời đất ơi ! Ông Tiên nào đó, ông trác mình mà mình cũng nghe lời ông, mất toi 13 đồng !

— Sao mình biết mất toi ? Nếu trúng độc đắc 1.000.000 đồng thì mình mất gì nào ?

— Năm con O một hàng như vậy thì trúng làm sao được, hờ Bà ?

— Thế, tại sao em nằm chiêm-bao thấy ông Tiên mét cho em con số đó, rồi sáng ngày em đi chợ quả nhiên cũng gặp cái vé đúng ngay con số đó ?

— Đề anh cắt nghĩa theo khoa học cho mình nghe. — theo thuyết của CAMILLE FLAMMARION, và của FREUD, thì chiêm bao là sự hiện hình của một thèm muốn cực độ, từ thế giới thực tế ở ngoài qua thế giới mơ tưởng ở trong. Thí dụ như hằng ngày mình thường thèm muốn trúng số độc đắc thế là lúc ngủ sự mong muốn ấy hiện hình trong giấc chiêm bao như đã có thiết. Nghĩa là mình nằm chiêm bao (trong thế giới mơ tưởng) trúng số độc đắc y như mình hằng ao ước trong đời sống thực tại. Còn vé số 000001, là chính cái tiềm thức của mình (danh từ triết học gọi là *Subconscient*) báo cho mình biết rằng sẽ không trúng, nghĩa là điều mơ ước ấy sẽ là một con số không mà thôi.

Nếu Minh nhận-xét ý-nghĩa

hoa-học của chiêm-bao theo thuyết của Freud như thế, thì mình đã đề 13\$ đó mua cho anh một trái xoài voi chó khỏi nghe lời ông Tiên mua tấm vé số này.

Anh không thể giảng-giải hết cho mình nghe các kết-quả rất xác-thực của những thí-nghiệm về chiêm bao của các nhà khoa-học khác như MAINE DE BIRAN, như MOURLY VOLD, — vì nó phức-tạp lắm. Nhưng hầu hết các nhà bác học đều nghiệm xét rằng giấc chiêm-bao là kết quả của tưởng-tượng dưới nhiều hình thức khác nhau đó thôi. Nói chung từ đời Thượng-Cổ, người AI-CẬP, người CHALDEENS, ASSY-RIENS, ÁN-ĐỘ, TÀU, đã có những học-thuyết về giấc-mộng nhưng không theo một nguyên-tắc nào cụ-thể. Họ chỉ tin thôi, rồi do sự tin ấy họ mới đặt ra các giả-thuyết. Người ÁN-ĐỘ cho rằng « Linh-hồn có một cuộc sống bí mật riêng trong lúc người ta ngủ ». Người Tàu thì tin rằng « Linh-hồn thoát ra khỏi thể chất, lúc người ta ngủ, để đi dạo ngoài không-gian, nơi các vùng thuần-tinh (người Pháp cũng gọi là ZONE ÉTHÉRIQUE cho đến khi ai chơi nghịch vẽ mặt vẽ mày người ngủ cho hình-dung

khác hẳn đi thì đến khi linh-hồn đi chơi trở về sẽ không nhận được cái nguyên-xác nữa mà bay đi lưu-lạc nơi khác. Giấc chiêm-bao, theo thuyết dị-đoan ấy, tức là linh-hồn đi chơi về báo-cáo lại cho người ngủ biết những chuyện sắp xảy ra.

Người HY-LAP xưa thì tin rằng có một ông Thần của Chiêm-bao, tên là HYPNOS, con của Thần Đêm, và anh của thần Chết. Thần này có tượng thờ trong các đền đài ở Sparte, là một chàng thanh-niên đẹp trai nét mặt trầm-ngâm nghĩ-ngợi, trên vai có hai cánh, tay cầm một cành hoa phù-dung (hoa nha-phiến). Vì vậy phụ-nữ Hy-Lạp thời xưa thường cầu khẩn thần HYPNOS để ban đêm được chiêm bao thấy người yêu của mình, HOMÈRE, nhà đại Thi-sĩ Hy - Lạp xưa, trong quyển *Odyssée* có kể chuyện nàng PÉNÉLOPE, cô vợ trẻ đẹp của ULYSSE, lúc chàng đi vắng xa, nàng ở nhà đêm ngủ thường có hai vị Thần chiêm-bao : một vị báo những tin hung-dữ của chàng để cho nàng buồn lo, một vị báo những tin đẹp để cho nàng vui mừng và kiên nhẫn đợi chồng.

Các nhà Triết-học LA-TINH chia ra hai phái : Phái của

CICÉRON trong quyển sách « *Nói về chuyện Thần-Tiên* », công kích nhà cầm quyền La-Mã hay căn cứ vào lời thầy bói đoán các giấc chiêm-bao, để theo đó mà trị quốc. Trái lại, phái LUCRÈCE, trong quyển « *De Natura Rerum* », tìm cách giảng-giải các giấc chiêm-bao, gần như khoa-học. Ông cho rằng Lương-tâm của ta là tiêu-biểu cho đạo-đức, còn chiêm-bao là tiêu-biểu cho tội-lỗi. Thí dụ ban ngày ta thấy người con gái đẹp, ta muốn được lấy người đó, nhưng lương-tâm không cho ta lấy. Đó là đạo-đức thắng tội-lỗi. Nhưng ban đêm ta ngủ, thừa lúc Lương-tâm ngủ mê, Chiêm-bao hiện ra cho ta lấy người con gái đẹp, và tha hồ khoái-lạc với người ấy : đó là tội-lỗi thắng lại đạo-đức, hay là Chiêm-bao là ông Ác lên làm những chuyện mà Lương-Tâm là ông Thiện không cho làm.

Như chuyện mình nằm chiêm bao trúng số độc-đặc, có thể giảng theo thuyết của Lucrèce, nhà Triết-học La-tinh, như trên : ban ngày mình ham thích trúng số độc-đặc nhưng không được. Thì ban đêm, thừa lúc tinh-thần của mình ngủ mê, ông Thần Chiêm-

bao lên về đem đến cho mình vé số độc-đặc an-ủi mình.

Nói một cách khác thí dụ như thấy một cô gái đẹp, anh muốn lấy cô ấy mà không được, vì lương tâm của anh không cho, hay vì Minh-mếu-máo không chịu. Nhưng anh không vội thất-vọng. Vì anh đợi đến ban đêm, lúc mình ngủ say, và Lương-tâm của anh cũng mê ngủ, thì Chiêm bao sẽ dẫn cô gái đẹp kia đến với anh, để « an-ủi » anh, cho anh được tự-do thỏa-mãn cá-thèm muốn mà ban ngày anh không được hưởng.

Bà Tú nghe đến đây liền đưa hai ngón tay vót nhọn của bà, ngắt khê vào đùi ông Tú. Ông Tú la :

— Áy ! Đau, Minh !

— Ai biểu Minh đang nói chuyện Chiêm-bao cho em nghe rồi mình lại xen chuyện cô con gái vào ?

— Anh giảng-thuyết Chiêm-bao của Lucrèce cho mà nghe, chứ bộ !

Ông Tú vùng-vàng đứng dậy :  
— Thôi, Anh không thêm giảng nữa đâu !

Bà Tú lật-dật năn-nỉ chồng, vì mỗi khi ông Tú giận-dối là

bà Tú vội vàng môn-trón ông và o-bế ông. Bà kéo ông nằm xuống, bà hôn chỗ bà ngắt lúc nãy, để dịu lại, rồi dỗ ngọt ông :

— Minh nói tiếp chuyện chiêm bao cho em nghe đi, Minh ! Minh nói các chuyện chiêm bao trong lịch sử đi.

Ông Tú hết giận, ngoan ngoan chiều vợ :

— Trong lịch sử, nhiều chuyện chiêm bao kỳ thú lắm, Ai đã đọc sử của Đế Quốc La mã đều nhớ chuyện vị Hoàng đế độc tài SYL-LA, một đêm nằm mê thấy Nữ Thần Parques gọi ông về cõi chết. Tỉnh dậy, vua kê diêm báo mộng cho các triều thần nghe, rồi truyền đem giấy bút cho vua viết lời di-chức. Viết di-chức xong, đêm ấy ông bị một cơn sốt rét kinh-khủng và sáng hôm sau ông chết thật. Hoàng đế độc tài JULIUS CESAR bị ám sát cũng được diêm báo mộng cho vợ là Hoàng-hậu CALPURNIA biết trước một ngày. Hoàng-hậu MARIE DE MÉDICIS của Pháp nằm mê thấy chồng là Vua HENRI IV bị ám sát, quả nhiên cuộc ám-sát xảy ra ngày hôm sau. Nhà sử-học có danh tiếng của Hy-Lạp là PLUTARQUE, có kể chuyện : \* Simonide đi đường gặp một

xác chết bỏ bên lề đường. Ông thấy tội-nghiệp, liền mượn cuốc đào lỗ chôn giùm. Sáng hôm sau, ông định lên tàu thủy đi Ai-cập. Đêm ấy, ông nằm Chiêm-bao thấy xác chết hiện hồn về xin ông sáng hôm sau đừng lên tàu, để đi chuyến khác. Ông nghe lời theo giấc Chiêm-bao và hoãn cuộc hành trình. Hai ngày sau ông được tin chiếc tàu kia bị chìm giữa biển », Phó-Vương DE SAINT RÉMY cai-trị đảo SARDAIGNE, gần nước Ý, một đêm nằm chiêm-bao thấy bệnh dịch-tả ngoại quốc truyền nhập vào đảo. Sáng hôm sau quả nhiên có một chiếc tàu buôn Ấn-độ định ghé Sardaigne. Ông vội-vàng truyền lệnh đuổi chiếc tàu đi ngay, cấm vô bến. Chiếc tàu phải tức-khắc trục-chỉ sang Marseilles. Hôm sau hải-cảng Marseilles bị bệnh dịch-tả, có hàng ngàn người chết, do chiếc tàu buôn Ấn-độ « nhập-cảng » vào mấy người hành-khách đau bệnh dịch-tả dưới tàu... Bấy giờ anh kê cho Minh nghe giấc Chiêm-bao của NAPOLEON... Đêm 3 tháng Nivôse Pháp-quốc Cộng-Hòa năm thứ IX, tức là 24-12-1800, Napoléon ngồi trong xe song-mã đến xem hát

tại rạp Opéra. Vì ban ngày Ông làm việc nhiều quá, và tiếp khách đông quá nên lúc ngồi xe ông thiu-thiu ngủ. Ông liền thấy một diêm Chiêm-bao ông đang cầm quân đánh trận trên một chiến-trường Ý, gần đèo Tagliamento. Ông nghe rõ ràng tiếng súng đại bác bắn ầm ầm. Bỗng có tiếng kêu ông: «Bê-Hạ bị một trái phá!» Rồi kế tiếp là một tiếng nổ rền trời ngay cạnh ông. Ông dụi mình tỉnh giấc, ngồi né qua một bên xe thì quả nhiên một phút sau đó một trái mìn nổ ngay cạnh, bánh xe song-mã của ông, do một kẻ định mưu sát ông lúc xe vừa quẹo ra đường Saint-Nicoise. Napoléon thoát chết nhờ diêm Chiêm-bao trên xe song-mã, trước đó một phút mà thôi!

— Những chuyện chiêm-bao lạ-lùng ấy có thật, hả Minh?

— Sao lại không có. Chớ Minh tưởng anh bịa đặt ra à? Minh lại tú sách, kiếm quyền *Histoires Napoléonniennes* của Frédéric Masson ra mà đọc. Và đây, là bài thơ bốn câu của Thi sĩ VOLTAIRE làm trong giấc chiêm-bao...

— Chiêm-bao mà làm thơ?

— Thế mới là tuyệt! Theo

chính lời của Voltaire thuật lại thì hôm ấy một người bạn cũng làm thơ như ông, đến nhà chơi, đọc cho ông nghe một bài thơ hay lắm. Tối ông ngủ, nằm chiêm-bao thấy ông làm bài thơ đề khen người bạn, như sau đây:

*Mon cher Tauron, que tu m'enchantes,*

*Par la douceur de tes accents!*

*Que tes vers sont doux et coulants,*

*Tu les fais comme tu les chantes!*

Thi-sĩ Voltaire dụi mình tỉnh dậy, nhớ lại rõ bài thơ của mình làm trong giấc chiêm-bao, vội vàng lấy bút chép liền trên giấy. Bài thơ này, trong quyển «Nhật-Ký» của bà DE STAIL, Nữ-sĩ và là bạn thân của Voltaire, cũng có chép với mấy lời thuật lại của Thi-sĩ.

— Minh giảng bốn câu thơ đó cho em nghe đi!

*Tauron, bạn khéo mê hồn ta,  
Em địu lời thơ, đi đầu  
thơ bát tha!*

*Lưu-loát mỗi vần và mỗi  
chữ,*

*Ru-dương như khúc diêm-  
tinh ca!*

Bà Tú thích quá, hôn trên môi ông Tú ngon lành, rồi âu-yếm nhìn ông:

— Em ghét cái miệng của Minh quá.

Bỗng có tiếng gõ cửa phòng khách. Ông Tú cười:

— Ông Thần-Tài của Minh đã đến gõ cửa nhà ta đó!

Bà Tú cười khúc-khích. Ông Tú tím-tím:

— Minh ra mở cửa đón ông Tiên nhảy dù của Minh đến đó. Đề cho anh ngủ một tý. Nếu

có diêm chiêm-bao gì thì anh sẽ kể cho mà nghe.

— Nhưng mình phải hứa với em là Chúa-nhật sau Minh nói tiếp chuyện Chiêm-bao cho em nghe cơ! Chuyện Chiêm-bao trong lịch-sử Văn-chương, và khoa học nữa nhé?

— Hứa rồi.

— Chồng em ngoan lắm! Thôi, Minh ngủ đi!

Bà Tú hôn chồng, rồi đứng dậy ra phòng khách. Ông Tú đã nhắm mắt ngáy khò khò...



## \* TRÊN XE TAXI

Một hôm Đại-tướng Clark (Mỹ) mặc thường phục, thuê xe taxi dạo phố. Tài xế taxi chạy nhanh quá, đến đèn đỏ lỡ trốn vượt qua luôn. Cảnh-sát huýt còi. Xe ngừng. Cảnh-sát đến gần, xúng xệ với tài xế:

— Nè, liệu hôn nhé! Chú mày mù hay sao không thấy đèn đỏ? Đưa giấy bực-mi ra coi!

Cảnh-sát ngó khách ngồi trong xe, vội vàng chào:

— Xin chào đại-tướng Clark.

Rồi quay lại tài xế, anh bảo:

— Thôi, khỏi phải trình giấy. May phúc chú mày vì có Đại-tướng Clark ngồi trong xe nên tôi tha cho chú mày lần này, nhưng lần sau sẽ phạt gấp bội, biết chưa?

Tài xế taxi mừng quýnh đập ga cho xe chạy, rồi quay lại cười với người khách lạ mà y không biết là ai:

— Cảnh-sát tưởng ông là Đại-tướng Clark thiệt chớ! Bộ ông giống Đại-tướng Clark lắm sao?

Rồi anh ta cười hả hả, không ngờ ông khách lạ chính là Đại-tướng Clark.

*Lê-công-Thịnh (Đạ-kao)  
(Theo báo Litfe)*





## LẤY CÔ VỢ ĐẸP

★ GIA-HƯNG-BẠC

Gần đây, nhà bác Hai Trí ở xóm nhà thờ bỗng nhiên tung bừng nhộn nhịp lạ!

Chiều chiều, cơm nước xong, trai trong xóm không hẹn mà lại gặp nhau tại nhà bác để tán tỉnh, vui cười sau một ngày mệt nhọc vì công việc đồng áng. Nhưng, nhà bác Hai đâu phải là một phòng trà thất hoặc một gian hàng giải trí lành mạnh... thì có những gì để mua vui? Thế mà họ vẫn đến đều đều và xem thường sông sâu, đồng rộng; những trò lực của thiên nhiên.

Hầu hết những người đến nhà bác Hai là đàn ông góa vợ, đàn ông có vợ mà lại còn... hảo ngọt, và con trai chưa vợ. Họ đến nhà bác để xem con gái của bác vừa ở chợ về.

Thêu, con gái thứ của bác Hai tuy sanh trưởng ở đồng quê, và thuở bé cũng hái rau, bắt ốc, móng tay móng chân đóng phèn vàng lờm. Nhưng lớn lên bác cho nàng theo người bà con ở chợ và sau đó nàng có chồng Sĩ quan trong quân đội L.H.P. Vợ chồng ăn ở với nhau vừa được ba con thì chàng tử trận. Ít lâu sau nàng lại tái giá làm lẽ cho một ông Sĩ quan khác và kết quả của mối tình vụng trộm đó, nàng đã sanh thêm được một đứa con nữa song chẳng bao lâu đứa bé ấy lại sảy đi.

Mà không. Đứa bé ấy sảy đi không phải là duyên có đề cho keo rã, hồ tan, chấm dứt cái kiếp lấy chồng chung của Thêu, mà là vì bà vợ chánh thức của ông Quan đó ghen dữ quá, cho nên một hôm nàng bỏ ông, lạng lẽ bé ba con riêng trở về nhà cha ruột dùm đậu may vá để nuôi miệng và nuôi con. Và dù là gái bốn con chớ giờ đây nhan sắc của nàng cũng được biết bao đồn ông con trai trong xóm Nhà thờ thêm... nhiều nước miếng!

Họ đua nhau đến nhà bác Hai để khoe cái bộ đồ py-da-ma bằng vải chần-dầm đen láng mượt, để khoe cái đầu rẽ bảy ba thẳng băng ướt rượt bờ-ri giần-tin hoặc khoe tiếng nói giọng cười duyên-dáng hầu được người đẹp chú-ý.

Một cái liếc mắt, một cái mím cười của Thêu cũng làm cho họ nở phồng cái lỗ mũi!

Trong số người đến đây để đua tài, tranh sắc, có một chàng thanh niên nông dân tuổi vừa đôi mươi, hiền lành vạm-vỡ, tỏ ra si tình người góa phụ trẻ đẹp kia đúng bực, chàng ta tên là Năm.

Ngoài việc chải đầu gò găm, đánh quần đánh áo, đến «lấy-le» với Thêu mười bữa không lười một, Năm còn chứng minh cái lòng ái mộ vô biên của chàng bằng cách xả thân giúp đỡ người quả-phụ bất cứ công việc gì dù khó khăn, nặng nhọc. Nhưng dù nặng tình như vậy chứ chàng tuyệt nhiên không dám hé môi nói với Thêu một lời nào cả! Riêng Thêu nàng cũng vẫn đã biết lòng chàng qua kinh nghiệm cuộc đời lớn tuổi của mình song nàng chỉ thỉnh thoảng nhoèn miệng cười với chàng thôi.

Những người đồn ông lớn tuổi đã có vợ con, đã hiểu biết qua vấn đề tình ái họ nhìn Năm bằng đôi mắt vừa thương hại, vừa hóm hỉnh.

Họ khác hơn Năm ở chỗ họ dạn-dĩ, phóng túng hơn, họ dám đường hoàng bắt chuyện với Thêu, họ có thể tỏ tình với nàng một cách đột ngột mà không ngượng miệng, nhưng họ không thể hạ mình đi làm công không cho nàng mặc dù trong thâm tâm họ cũng muốn chinh phục quả tim của nàng.

Đối với Năm, sự vụng về, non nớt của chàng là một cái đề

tài để cho họ làm duyên trước mặt người đẹp. Họ hỏi chàng :  
— Năm à ! Giả tử mày thương cô đó, mày muốn cho cô biết là mày đã thương cô thì mày làm sao ?

Năm bối rối lắc đầu :

— Hồng biết à !

Họ cười ầm lên trước lời thành thật ấy, và khi dứt tiếng cười, một người trong bọn họ bỗng hỏi kẻ vừa vấn nạn Năm :

— Thì làm sao hở anh Chín ?

— Thì ban đầu mình nói xa xa...sau đó mình lại nói gần gần...

— Nói xa xa là nói làm sao ?

— Là mình hỏi cô : Chẳng biết bây giờ bên Tàu ... chệp ăn cháo chưa há ?

— Còn nói gần gần ?

— Là mình nói ; Cô ơi ! cho tôi ... hôn một cái !

Năm cũng cười, nhưng chàng cười có vẻ ngưng ngượng, bẽn lẽn, vì chàng vừa chợt hiểu là họ đã... xỏ khéo chàng. Trong khi đó, bọn họ cười ồ lên muốn bẻ cái nhà, cười lăn cười lộn và càng trông thấy cái vẻ ngây-ngộ của Năm, họ lại càng cười, cả Thêu nàng cũng bật cười thành tiếng khiến cái thằng cha vừa nói lên câu chuyện khôi hài trên nở gan nở ruột quá xá !

Nhưng họ làm sao biết được tuy là Thêu cười khi nghe qua câu chuyện khôi hài ngộ nghĩnh đó song cái cười của nàng chẳng phải để tán thưởng sự duyên dáng dễ yêu của họ mà trái lại nếu ai tinh ý sẽ nhận thấy qua đôi mắt của Thêu, nàng vừa nhìn gã thanh niên có dáng điệu lơ-mơ đó với vẻ mến yêu và thương xót !

Có lẽ nàng đã nhận được sự tàn nhẫn của những người đờn ông lớn tuổi đối với chàng con trai còn trinh bạch như trang giấy trắng.

Bản chất thơ ngây; lành-mạnh của Năm đâu phải là một sự xấu xa, đâu phải là một việc tội lỗi thì quả là chẳng nên cười cợt, mỉa, ngược lại phải được yêu-thương mới xứng đáng hơn ?

Chàng đã yêu với một tâm hồn giản-dị, một sự rung động chân-thành, không gò bó, trói ép, không mảnh khéc, thủ đoạn dễ lung-lạc, chinh-phục đờn bà con gái.

Với chàng tự-nhiên là trên hết và sự tự-nhiên đó chắc chắn sẽ mang lại nhiều sinh thú đối với những ai đã được chàng chú-ý.

Người đờn bà bốn con như nàng, những lời đường mật ngọt

ngào, những cách âu-yếm đơn-man, nàng xem đó có khi là màu-mè, giả-dối, tạm bợ trong chốc-lát của những kẻ rắp tâm ngắt hoa hái nhụy, nâng-niu hun hít cho biết mùi, biết sắc.

Sự so sánh hơn thiệt đó, sự phân tích tình lý đó đã khiến Thêu nghiêng hẳn cảm-tình của nàng về phía người con trai hiền-lành, chơn-chất của xóm Nhà-thờ đang yêu nàng với một tấm lòng tự-nhiên nhưng nhiều thẹn thò e ấp ! ..



Mùa hạn này, sau mấy ngày liền giúp cắt nhà cho Thêu. Một buổi chiều êm đẹp của đông-quê, khi cửa nhà đã hoàn tất. Thêu sẽ liếc đôi mắt biếc nhìn Năm dướm bao về biết ơn, nàng hỏi chàng :

— Cậu Năm, cậu muốn vợ hôn tôi làm mai cho ?

Chàng con trai gạt đầu áp ứng :

— M...u...ổ..n !

Thêu mỉm cười :

— Tối nay 9 giờ cậu đến đây tôi làm mai cho nhé. Ngộ lắm !



### \* THỊT CHUỘT VÀ THỊT CHÓ

Con chó hỏi con mèo :

— Thịt chuột hôi rình, sao mày thích ăn thế ?

Mèo hỏi lại chó :

— Thế sao thịt của anh cũng hôi rình mà người ta cũng ăn được ?

HẢO-A (Gò-Vấp)

— Ai đó ? Ở đâu chị ?

— Thì cứ đến rồi sẽ biết mà !

Đúng hẹn. Năm đến nhà Thêu. Nàng chỉ cho chàng cái mùng phía trước, kín đáo bảo :

— Cậu chun vào đó mà ngủ, chốc nữa tôi làm mai cho.

Nói xong, Thêu quay vào trong, đỡ con ngủ bỏ mặc Năm nằm một mình vắt tay lên trán với bao ý nghĩ phập-phồng, rộn rã cho việc sắp tới.

Và đêm đó khi ba con đã ngủ yên giấc, bà mai giờ mùng chàng chun vô..



Cái tin Thêu và Năm sắp làm phép Hôn phối được cha sở rao trong ngày Chúa nhật vừa qua đã khiến cho cả xóm Nhà thờ và các xóm lân cận đều chùng hững, chùng hững là không ai dè cái chàng thật thà hiền-hậu thế mà lại tốt số lấy được người vợ đẹp thế, trong lúc bao nhiêu kẻ thèm thường ước muốn mà không được !

# — THẸN —

Đường về qua ngõ tối  
 Em khẽ nắm tay tôi.  
 Tôi nhìn em bối rối  
 Qua khoẻ mắt làn môi  
 Vân về tà áo mới  
 Em khẽ bảo cùng tôi  
 Ước gì đừng chóng tới  
 Nhà của em hay tôi  
 Đường về dài mãi-mãi,  
 Dài đến tận cuối trời,  
 Tôi nhìn em mãi nói  
 Vớ vẫn một nụ cười.  
 Nhưng em chưa biết tới  
 Vẫn nói mãi không thôi,  
 Em mong ngày thóng tới  
 Em sẽ về cùng tôi  
 Chung xây cuộc đời mới,  
 Mơ hạnh phúc lứa đôi  
 Lâu bền và mãi mãi,  
 Đời em và đời tôi  
 Được luôn-luôn tiếp nối.  
 Em bỗng ngược nhìn tôi,  
 Thấy tôi nhìn em nói  
 Và băng qua mím cười,  
 Như riều em trong tôi.  
 Nhưng tôi vẫn cười hoắt  
 Khiến em liền giận đối,  
 Giả bộ ngược nhìn trời.  
 Và em thôi chẳng nói,  
 Lại chẳng muốn trông tôi.  
 Tôi khẽ kéo em tới,  
 Và đặt nhẹ lên môi,  
 Những chiếc hôn nồng cháy  
 Của tình yêu lứa đôi.  
 Em thẹn thùng bối rối,  
 Ngã mình vào tay tôi,  
 Và lặng yên không nói...  
 Nhưng rung động đôi môi!

KIM-CHUONG (Huế)



✧ Phóng sự của NGUYỄN-THU-MINH

L. T. G.— Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý độc giả hiền cho.

(Tiếp theo P. T. số 17)

**H**O À N G đang cao hứng định nói thêm, nhưng tôi đã tiếp lời Thành để hòa giải :

— Thôi, dẹp đi, các cậu thật dở hơi ! Không khéo lại làm trò cười cho Thủy, Dung mà không đắc... nữa đấy.

Sự im lặng lại trở về như lúc trước đề thương thức cao độ của tiếng đàn, giọng ca của người đàn bà Tàu.

Tôi và Dung lại lờm nhau rất triu mến.

Giữa lúc này, Thái lại thúc nhẹ vào hông tôi, đồng thời khẽ tai nói nhỏ :

— Bọn mình vờ gọi lại để đùa xem thử, trông có vẻ không khó mấy.

Tôi chưa kịp đáp, Dung đã nhanh nhẹn thách đố Thái :

— Anh thì ai ; anh cũng nghĩ xấu cho người ta cả. Anh có chắc rằng dễ... không ?

Thái liền nhìn ngay vào mặt Dung tỏ vẻ giận dữ :

— Dung nói sao ? Nói lại cho anh nghe chơi nào !

Thế là tôi lại phải xử huê một lượt nữa. Nhưng, nói nữa chừng thì người đàn bà Tàu ngưng hát và đang tiến đến bàn của chúng tôi, nở nụ cười duyên mời khách:

— Các ông mua giùm cho em!...

Hoàng cười đùa :

— Không mua... nị thì mua ai.

Người đàn bà Tàu không trả lời mà chỉ cười ra chiều ngưng ngưng. Thái nửa đùa nửa thật hỏi :

— Nị đi bán «dây» không sợ chồng ghen à ? Mà nị bán có một thứ này thôi sao ?

Thành chăm chú nhìn người đàn bà Tàu, tươi cười hỏi :

— Trông nị xinh lắm ! Tôi mà có người vợ đẹp như nị thì tôi ghen ghê lắm đấy. A, mà nị bán một gói này bao nhiêu ?

Người đàn bà lễ-phép đáp :

— Dạ hai đồng, các thầy mua hộ cho em đi.

Thái được dịp cao hứng :

— Không mua... nị thì mua ai nữa.

Vừa nói Thái vừa cười lên ha hả. Nét mặt người đàn bà hơi cau mày tỏ vẻ khó chịu về cử chỉ của Thái nhưng Thái vẫn phớt lỉnh :

— Nị ngồi xuống đây dùng gì với chúng tôi cho vui, chốc nữa tôi sẽ cho nị... tiền ! Nị bằng lòng chứ ?

Lần này, xem tuồng người

đàn bà Tàu tức giận lắm, nên đáp với giọng không còn « dễ thương » như trước :

— Ngộ không có giỡn a, nếu không mua giúp cho ngộ thì thôi a.

Câu trả lời của người đàn bà Tàu khiến chúng tôi nực cười, quên cả ngưng với những người xung quanh bởi tiếng «a» kềm ở sau. Chúng tôi định đùa thêm tí nữa để người đàn bà Tàu nói nghe cho vui nhưng sau vì thấy thái độ có phần không mấy «đẹp» lại thêm ngại nỗi «cô ả» cho ra vài câu «mùi» thì nguy to, có nước chun xuống đất gấp mời được, nếu không, đâm ra «ê mặt» với mấy em. Nghĩ vậy, tôi muốn đứng ra khuyên can các bạn về trò chơi mạo-hiêm này, nhưng chưa kịp nói, Hoàng đã lên tiếng trước, không kềm phần khoái hải :

— Nị này xấu lắm a, đùa cho «vui» một tí mà đã xấu rồi a.

Lần sau không có nói chuyện nữa đâu. Còn tiền kẹo đấy bao nhiêu ?

— Ngộ không có thích đùa dây, ngộ có chồng rồi a. Bốn đồng hai gói a.

Thái móc túi lấy tiền ra trả, người đàn bà Tàu cảm vội lấy tiền, lặng lẽ bước ra cửa, xem chừng có vẻ ngưng về câu chuyện đã xảy ra.

Tôi nhìn theo bóng người đàn bà và người đàn ông gầy đàn mà lòng lâng lâng một nỗi thương

hại. Nhất là nhìn bóng của họ ngã dài xuống vỉa hè phố «chập chờn» theo từng bước đi giống như những bóng ma.

Qua phút vui chơi cao hứng ấy, chúng tôi mỗi người đều xen nhẹ một nỗi buồn vô cớ, không ai nói với ai câu gì nữa cả, chỉ nhìn nhau trầm ngâm, suy nghĩ theo từng làn khói thuốc bay tản vào không gian.

— Thái, mình liệu trở lại kéo trẻ giờ chứ ... các anh.

Lời nói của Dung như có một mãnh lực đánh tan giây phút trầm ngâm, buồn tẻ vô cớ này giữa cuộc vui của chúng tôi, và như tiếp sức cho Hoàng mở đầu cuộc vui trở lại :

— Trẻ thì trẻ chứ hề gì mà Dung ngại !

Dung đưa tay vuốt nhẹ sửa lại mái tóc đáp :

— Em có ngại gì đâu. Em nhấc kéo sợ các anh quên, bỏ cuộc nhảy uống.

Tôi mỉm cười đùa :

— Em khéo lo, bộ các anh không biết sao. Nhưng mà cần gì. Đi thế này không thú vị hơn sao ? Hay em lại có «răng-đê-vu» ?

Thùy mỉm môi làm duyên đáp thay Dung :

— Dung «răng-đê-vu» với anh chứ ai. Nếu có đã không đi với các anh như vậy.

Câu chuyện cứ thế mà tán rộng thêm ra, mỗi người góp một lời càng tăng phần vui trẻ

hơn bao giờ hết. Mãi gần mười một giờ, chúng tôi mới tỉnh chuyện trở lại vũ-trường ở đường Trần-hung-Đạo.

Và, chúng tôi vẫn chia nhau trò chuyện như trước. Dung vẫn ở bên cạnh tôi, duy chỉ có Thái là giữ vai xen kẽ với người này một ít người khác một ít.

Khung cảnh vũ-trường tối này có phần rộn - rịp và tương đối «hiền hậu» hơn bao giờ hết. Giàn nhạc vẫn trôi đều đều những điệu mambo, cha-cha-cha, valse... hòa với giọng hát khá quyến rũ của các nàng ca-sĩ tài hoa son trẻ, có bộ ngực vĩ-đại hấp dẫn trai tráng «anh hùng» rom.

Tôi mãi suy nghĩ tìm nguyên do của sự «hiền hậu» tối nay, bỗng Dung đưa tay vỗ nhẹ lên lưng tôi đầy gợi cảm và khẽ nói :

— Anh với em ra nhảy bản tango này đi anh, mình ngồi này giờ rồi.

Không kịp nghĩ ngợi tôi gạt đại nên buộc lòng phải đứng dậy ra nhảy với nàng, mặc dầu tôi không thấy thích thú tí nào cả. Trong lúc nhảy, nhất là khi ánh đèn đổi màu đỏ sẫm-sẫm tối, mới dễ cảm, dễ nhận rõ lối nhảy của nàng là cả một «nghệ thuật». Và cũng do đó mà sự chán nản của tôi cũng đều tan biến theo. Xong bản tango, tôi nhường lại cho Thái nhảy với nàng, để về chỗ ngồi mà suy nghiệm thêm một bước đi vào cuộc đời, giữa

chốn ăn chơi khét tiếng ở mảnh đất này.

Càng nhìn mọi người quay cuồng theo nhịp điệu mà buồn, mà thương hại cho chính thân mình đã dám bước những bước mạo hiểm từ trước đến nay.

Có tiếng Hoàng hỏi nhỏ nhỏ:

— Chúng mình chơi độ nửa giờ nữa rồi « chuồn », cậu nghĩ sao, đồng ý chứ? Về nhà tán phét còn vui hơn, mình hơi chán không khí ở đây rồi cậu ạ.

Phải công nhận rằng, đây là lần đầu tiên, từ ngày lần mình vào những chốn đèn xanh, đèn đỏ, đến giờ, Hoàng mới nói đến câu này! Cái chán của Hoàng phải hiểu thấu triết ý nghĩa và con người của Hoàng mới được. Do đó, tôi đã ngạc nhiên không ít.

Một điểm thắc mắc càng thêm thắc mắc.

Tôi nhìn Hoàng với con mắt khác thường — con mắt của một thằng bạn chân thành và thông cảm — nói:

— Cậu có chắc là « chán » thật chưa?

Hoàng đáp vội:

— Sao lại không thật. Cậu hiểu mình nhiều mà! Lúc này, chúng mình sống như vậy chỉ vì muốn thỏa mãn cá tánh của lớp tuổi, của sự tò mò. Nhưng, bây giờ rõ một phần nào rồi, và nghĩ lại mới hiểu rằng chúng mình vô tình đã làm hỏng cuộc đời mình khá nhiều!

Lời nói của Hoàng đã làm tôi cảm động một phần nào tuy trên thực tế tôi không hoàn toàn đồng ý qua sự phê phán nông cạn ấy. Tôi nghĩ rằng còn nhiều yếu tố chính khác nữa đã nảy sanh ra cá tánh, hoàn cảnh... đã tạo nên một lớp thanh niên như Hoàng, như chúng tôi đang vấp phải trong bao lâu nay... Tôi còn nghĩ nhiều nhiều nữa và định nói ra với Hoàng, nhưng Thái, Dung đã trở lại làm đứt ngang câu chuyện.

Thái nhìn tôi và Hoàng bèn hát hăm hoi một cách vô tư, chừng tỏ con người chỉ cần biết đến ăn chơi, thỏa mãn, không cần nghĩ ngợi gì đến ngày mai, cuộc sống:

— Hai cậu ra nhảy đi cho vui. Nga nó đang chờ đấy!

Tôi nhìn sang Nga, nheo mắt đùa, Nga cũng cười đáp lại:

— Anh ra nhảy đi! Ngồi gi mà ngồi mãi thế.

Miệng mời, tay Nga đã vịn vào vai tôi thúc dục. Bỗng Thành đứng dậy vỗ vai Nga mời cùng ra nhảy; thay cho Thùy ngồi tiếp chuyện với chúng tôi.

Và dĩ nhiên là những câu chuyện vụn vặt, nửa mùa, không đâu được đem ra bàn cãi, tá lả dóc cho qua thì giờ chờ đợi khi ánh đèn đêm lặn tắt để làm một công việc rất thường tình của Con Người với đồng tiền!

(Còn nữa)



### \* GIEO GIÓ GẶT BÃO của BÌNH-NGUYÊN-LỘC

(Nhà xuất-bản Bến-Nghé)

Một quyển tiểu-thuyết dài nói lên nỗi đau-khổ của một cô gái đáng thương bị âm-mưu đưa vào cảnh làm bé mọn trong một gia-đình hiểm cỏi. Với lối kể chuyện duyên dáng hấp dẫn của nhà văn Bình-nguyên-Lộc, độc giả cảm thấy vui-vui khi đọc đến trang cuối — Dày 279 trang — giá 58đ.

### \* Bán Nguyệt-San TÂN-PHONG do BẢO-SƠN chủ trương.

(Tòa-soạn 217, Lê-văn-Duyệt — Sài-gòn)

Giai-phẩm văn-nghệ, ra ngày 1 và 15 mỗi tháng. Với sự cộng tác của các văn thi-sĩ: Nguyễn-thị-Vinh, Linh-Bảo, Trương Hùng, Duy-Lam, Bình-nguyên-Lộc, Vũ-Hoàng-Chương, Bằng-bá-Lân, Nhật-Tiến, Phương-Khanh, Tô-Hoàng v.v...

Số đầu phát hành đúng ngày 20-8-59. Phở-Thông thà- chúc bạn đồng-nghiệp mạnh tiến trên đường phục-vụ Văn-hóa.

### \* THƠ VỀ MẸ của KHANG-LANG.

Thi phẩm gồm 27 bài, tập hợp các thể thơ tứ - tuyệt, ngũ - ngôn, lục-bát, thơ tự-do v.v... Một tập thơ, hay nói đúng hơn đó là những dòng chữ đầy nước mắt của người con bị mất mẹ. Có nhiều nguồn cảm mới lạ, nhiều bài chứa đựng ý tứ thâm trầm. Bìa trình bày mỹ-thuật — Dày 49 trang.

### \* NHỮNG CÁNH THƯ HÈ (Lettres de mon moulin).

Nguyên văn của Alphonse Daudet, do Lưu-Bằng dịch.

Loại sách song ngữ (Pháp và Việt văn). Một tác phẩm cho

học-sinh trong các trường trung-học. Lời dịch lưu-loát — Sách dày 95 trang. Giá 20 đồng.

★ **Giai phẩm TIN-YÊU**, chủ trương biên tập Việt-Kim và Hoài-Nguyên.

Giai phẩm xuất-bản không định kỳ, do ủy ban văn-hóa Ty Thông-Tin Đà-Nẵng ấn-hành. Với sự cộng-tác của các văn-nghệ-sĩ ở Đà-Nẵng. Số đầu phát-hành vào trung tuần tháng 7 năm 1959. Giá mỗi số 8 đồng. Nhiều bài có giá-trị.

★ **BƯỚC LẠC RỪNG XUÂN** (thơ) của Nguyễn-xuân-Từ và Hà-li-Hải. (Nguyễn-Hà xuất-bản)

Thi phẩm gồm 21 bài với những lời thơ êm đềm chải chuốt — In đẹp — Dày 31 trang

### ★ DANH-NGÓN

Những tình yêu đầu tiên cũng như những cái răng non : nếu nó đau, nó không đau-lâu.

(Les premières amours sont comme les premières dents. Elles ne font pas souffrir longtemps).

SIMONE

### Ai tin

Rất đau xót được tin Cụ **TRẦN-VĂN-KÉP**, Giáo-học hưu-trí, là thầy học cũ của tôi, đã từ-trần ngày 24-7-1959 tại Vĩnh-Điện Quảng-Nam, hưởng thọ được 66 tuổi, tôi xin kính lời phân-ưu cùng cụ Bà và tang-quyển, và xin thành tâm cầu nguyện cho Vong Linh Thầy được an vui nơi cõi Thọ.

Ai niệm :  
**NGUYỄN-VỸ**



Truyện dài của cô **VÂN-NGA**  
(Tiếp theo P. T. số 17)

Đàn ông nói đến chữ quên thì dễ lắm, chữ đàn bà trời sanh ra giống nặng tình cảm, nào phải quên được dễ dàng!

Tôi choáng váng cả mặt mày, vịn tay ngồi ngay xuống ván ngựa. Một bàn tay ấm áp đặt trên vai tôi và tiếng nói an ủi của Thanh, bạn tôi, đưa vào bên tai tôi :

— Chị hãy bình tĩnh, dầu sao cũng chờ tòa xét xử...

Chín Miên bủ môi, lắc đầu :

— Chiến tranh không nói đến công lý, đừng chờ ở một phép lạ, vô ích !

Nhưng Thanh đã mắng át Chín Miên :

— Cậu tàn nhẫn lắm. Cái tư cách con người cậu là khêu gợi thêm sự đau khổ nơi lòng kẻ khác à? Xin cậu bước ngay đi cho !

Chín Miên tức giận hăm hăm bước xuống đò, đi thẳng tới vịn vai người bạn gái và buông ra những tiếng nấc nỡ :

— Chị ơi tôi khổ lắm !..

Thanh bảo tôi :

— Phải cố thẳng lấy lòng, dù bây giờ có than khóc chi mấy thì sự đã rồi. Chị nên đi với tôi ra tỉnh để hỏi thăm lại mọi việc cho rõ ràng : anh Thanh trong trường hợp nào? Người ta lấy gì buộc tội anh là Việt gian? Lối xử án của Tòa án Nhân dân ra sao? Anh ấy có hy vọng gì mình oan được không? Chừng ấy, mình mới liệu được, chứ vội gì đã tin ngay lời nói của Chín Miên.

Tôi vội vã sửa soạn ra chợ Rạch-giá, nhưng gặp may, liền đó có đò đưa anh Ka-vang và anh Thức vào. Nhìn nét mặt quan trọng của hai anh, tôi biết ngay tin dữ khi nãy là thật, vội hỏi :

— Chuyện gì đã xảy ra vậy, hở hai anh ?

Thức đưa mắt nhìn bạn đang ngăn ngừa và bảo :

— Chị cũng nghe tin rồi ?

— Phải, anh Thanh có sao không ?

— Thanh với bốn người nữa là: Tám Long, anh của anh ấy, và các anh Lê Hiên, Kim, Điền, đã bị quốc gia tự vệ cuộc đưa về Sóc-trăng rồi. Nói cho đúng, đây là một cuộc bắt lén mà người ta đã tổ chức sẵn từ trước.

— Ủa, sao lạ vậy? — Thanh hỏi chen vào.

— Phải, họ đã bắt lén anh Thanh ngay trong khi các đoàn thể bỏ thăm bầu người Phó chủ tịch tỉnh bộ Việt-minh. Bọn của anh Tiếng biết ngay ai sẽ được nên đã lừa Thanh lên xe mà chở đi. Chúng cho một người bạn xưa của Thanh là Cán, con của Tư Dụng là một điền chủ quen lớn với gia đình ông bác sĩ, đến mời Thanh đi hội nghị, Thanh tin bạn và bị Cán chở ngay về trụ sở quốc gia tự vệ cuộc. Nơi đây, người ta liền giải Thanh và bốn bạn về ngay Sóc-trăng. Sau đó, Ủy ban Nhân dân đóng ở Minh Lương hay tin được, tức thời cho trung đội võ trang ra chặn bắt chiếc xe kia lại. Nhưng xe kia đã chạy lướt qua rồi... Anh Luận, chủ tịch Ủy ban Nhân dân gọi giây nói về chợ Rạch-giá trách anh Tiếng, chủ tịch Ủy ban kháng chiến đã làm việc sai nguyên tắc. Anh Tiếng chối là vừa mới hay được rằng mấy người bắt anh Thanh là nhân viên đặc vụ của Thanh - tra Quân sự Miền Tây...

— Họ làm việc gì kỳ cục vậy?

Dù là ai chẳng nữa mà muốn bắt người cũng phải cho nhà cầm quyền sở tại hay chứ?

— Còn nhiều chuyện nói ra đau lòng lắm, thí dụ như Thanh tra Quân sự Miền Tây đã chia súng vào chủ tịch Ủy ban Nhân dân để vợ vét tất cả vàng của tuần-lễ vàng...

Tôi liền hỏi thêm:

— Nhưng người ta buộc tội anh Thanh như thế nào?

— Có ý làm phản. Oa trừ vũ khí để chống lại chánh phủ. Người ta bắt thình lình đến trốt khi giới của đoàn Cẩm-tử, bắt giam nhiều cán bộ nơi khám Rạch-giá, và lục xét trụ sở từ tung. May là chúng tôi đi công tác nửa đường, được tin cho hay nên quay trở vào đây.

Tôi thở ra, gaog ngán cho số phận của các anh:

— Bây giờ hai anh định làm gì?

— Một mặt chúng tôi đi Sóc-trăng dò hỏi tình hình của các anh bị bắt bên ấy, một mặt nữa lên về chợ Rạch-giá nghe ngóng tin tức của đoàn. Bây giờ chị đã được tin rồi, chúng tôi phải đi liền.

— Hai anh thường gọi tin cho tôi nha...

Ka-vang và Thức gật đầu và nói:

— Điều ấy chị khỏi dặn, và chúng tôi xin đặt ngay trạm liên lạc ở đây.

Hai anh đã đi rồi đến chiều thì những người làng tôi đã gia nhập đoàn anh Thanh, lục đục trở về. Chúng tôi đón hỏi tin và được họ cho biết:

— Ủy ban Kháng chiến cử người chỉ huy mới để thay thế anh Thanh, và có hứa hẹn sẽ cấp phát cho đoàn viên những áo quần, tiền bạc, vũ khí hẳn hoi. Mấy chị phụ nữ liền hỏi: « Anh Thanh đã dạy chúng tôi đủ cách đánh du kích rồi như người ta đi hội nghị để bắt cóc mà thôi. Có lẽ anh sẽ chỉ biểu cho điều ấy chứ? »

Nghe mấy anh nói vậy, chúng tôi liền hỏi tiếp:

— Bây giờ ai chỉ huy đoàn Cẩm tử?

— Đoàn tự ý giải tán. Người ta đã làm khi coi thường uy tín của một người, và việc bắt lén anh Thanh tuy coi nhỏ nhưng ảnh hưởng rất nặng. Người ta tưởng có thể đem tiền bạc, lợi lộc ra để mua chuộc chúng tôi, nhưng không phải thế, chúng tôi muốn phụng sự cho Đất Nước và Dân Tộc chứ chẳng đầu lụy một cá nhân hay bè phái nào. Anh Thanh không bà con cật ruột gì với chúng tôi, và chúng tôi sống với anh một cách hết sức đăm bạc, thế mà chúng tôi mền phục anh ấy vì biết rõ anh không vì hư danh, tư lợi mà là thật tâm tranh đấu cho lẽ phải

và cho chánh nghĩa. Chúng tôi rất buồn lòng phải giải tán đoàn, mỗi người đi riêng về mỗi nơi. Nhưng nếu anh Thanh được trở về và kêu gọi lại thì dù ở xa xôi mấy chúng tôi cũng lại tụ về đủ mặt.

Trong những lúc đau khổ như thế này mà được những lời nói chí tình ấy, tôi cũng thấy trong lòng có nhiều sự phấn khởi. Không biết giờ đây Thanh ra làm sao? Có bị người ta hành hạ tàn nhẫn không? Cơm ăn có đủ no, đêm nằm có đỡ lạnh không? Người ta sẽ xử anh thế nào? Bao giờ thì anh lại được thả về?

Càng nghĩ đến anh, trong lòng tôi càng bức rức, bồn chồn không yên như chính mình đã bị làm vào cảnh khó. Nhiều khi tôi ngưng làm việc, đưa mắt buồn nhìn đăm đăm về khoảng xa, lòng cảm thấy trống rỗng và uể oải không cùng...

Lúc đó, Thanh bảo đưa cùng tôi để cốt cho tôi khuây khỏa:

— Nhớ gì đấy, lại nhớ người ở Sóc-trăng nữa à?

Hạnh họa đưa theo:

— Đây cách Sóc-trăng cũng chỉ nửa ngày xe, nhưng thật là thiên sơn vạn hải, kẻ đứng bên này trông sang, người đứng phía đó nhìn lại, tuy không thấy bóng nhau chứ chắc nghe được tiếng đập của đôi tim non cùng nhau hòa hợp.

Dung lại nói :

— Tại sao người ta đem ảnh đi xa như vậy để chị Tư phải khổ lòng ? Theo em nghĩ nếu người ta giữ ảnh ở Giồng-riềng đây để cho chị Tư ngày hai buổi đội nón lá, xách gà-men cơm đi thăm ảnh thì chỉ còn cảm ơn họ nữa !

— Tại sao phải cảm ơn chứ ? — Hạnh hỏi mồi.

— Vì anh chị mới được dịp tỏ tình nhau...

Tôi vụt cười xòa và phát nhẹ vào vai Dung :

— Ai mà nhớ ai đâu, em khéo nói vậy ! Chị mắc dùm coi ai đi bên sông kia.

Thánh cười :

— Nhớ hay không cũng chẳng hại gì, nhưng đừng ra vẻ rầu thúi ruột như vậy kẻo sắc đi rồi chừa ảnh về ảnh chề thì khổ hơn nữa...

Cách ít lâu có người ở Sóc-trăng về cho tôi hay các anh bị giam tại khám đường ở tỉnh-ly. Bị giam ở khám tức là đã khỏi vòng điều tra của Quốc-gia tự vệ cuộc. Mỗi tuần đều có Ủy-ban Điều-tra vào khám xem xét nếp sống của các phạm nhân và chấp nhận đơn khiếu nại. Anh Thanh đã mấy lần xin Ủy-ban đưa gắp vụ của anh ra Tòa.

Tôi vội hỏi người liên lạc nọ :

— Tòa án Nhân dân ở đây xử gắt lắm không ?

— Không, tòa xử công bình. Đó là nhờ trong số ba Ủy-

viên quyết định, có ông cha Phiền rất tận tâm bênh vực cho những kẻ mà Chánh-phủ không đủ yếu-tố để buộc tội.

— Vậy thì các anh chắc sẽ được tha ?

— Cũng là may rủi, vì khám đường thấy những ai nguy-hiểm thì tự ý thuyên chuyển xuống Cà-mau, mà người ra đi ít ai còn sống trở về, chứ không đợi hồ sơ của họ được gửi qua tòa.

Lại thêm một mối gieo nặng vào cõi lòng đang ngổn ngang trăm mối tơ vò của tôi. Đã nhiều đêm, tôi âm thầm nhỏ lệ vì số kiếp lận đận của người bạn hứa hôn vừa quen biết, và luôn thể khóc cho duyên phận không may phải lờ làng của tôi...

Đêm thôn quê buồn ảo não. Gió lạnh thổi lê thê ngoài hiên vắng. Lòng tôi toi bởi như những cánh lá khô rơi rây rung... Bên ngoài và cả trong tôi, hoang vu lạnh lùng !...

Ôi, nếu Thanh không về nữa ? Còn đâu khổ nhất đời nào hơn là chữa được yêu mà tình yêu đã chết ? Chưa lấy chồng đã vội góa chồng ? Hoa xuân chưa nở một ngày mà nụ hồng đã héo tàn trong nắng ủa !...

Một trời băng giá len vào trong chăn ấm làm tái tê cả tâm hồn tôi. Tôi chỉ biết gục mặt xuống gối khóc thật nhiều... thật nhiều đến không còn nước mắt nữa để cho voi bết cơn sầu mỗi lúc lại ứa tràn trong tôi...

Nửa tháng sau, nhiều ghe tản cư ở Cần-thơ, Sóc-trăng, Bạc Liêu tấp nập kéo qua vùng tôi. Người ta đồn đến một sự đổ bộ sắp tới của Pháp quân trên các tỉnh ấy. Tình hình càng ngày càng khẩn trương. Hai mươi mốt tỉnh Miền-Nam nước Việt đã bị chiếm hầu hết và dăm-ba tỉnh còn lại đang bị hăm dọa nặng nề.

Tôi càng lo sợ cho số mạng của Thanh hơn nữa. Tình thế khẩn trương bao nhiêu thì cơ nguy đến gần cho Thanh và các bạn bấy nhiêu. Trong lúc hồi hã trước một viễn ảnh tối đen, tôi có đủ sáng suốt nghe những lời biện bạch của các anh không ?

Nhân mạng con người không còn nghĩa lý gì trước một sự hãn thù cần phải trả rửa cho nhau. Tuy bản giết đồng bào vô tội ở khắp các vùng chúng bố ráp, thì đối phó lại, Quốc-gia tự vệ cuộc cứ đồ trút cảm thù ấy vào đầu những người đã bị họ liệt vào hạng phản động. Không cần tòa án, không cần luật pháp, tiếng nói của sức mạnh và của súng đạn đã lấn áp lý trí cũng như tình cảm.

Sự oan ức của con người không còn thành vấn đề nữa, người ta tàn sát nhau với một yên tâm là đã làm một việc phải ; thà chết oan chín mạng còn hơn thả lăm một người.

Tôi hằng ngày vẫn nghe ngóng những tin tức từ Sóc-trăng đưa đến. Lệnh tản cư đã ban hành bên ấy. Châu thành đang chuẩn bị chiến lược vườn không nhà

trống. Các phố xá đều có dựng rơm lá trước cửa để chõ vào giò chót sẽ làm mồi cho những giẻ lửa có tầm dầu sừng.

Tỉnh thành Cần-thơ đã bị chiếm. Du kích quân đều rút về các vùng thôn quê, ẩn nấp chặt chẽ trên những ngã đường về Sóc-trăng và Rạch-giá. Đường lộ bị phá nát, tất cả mọi sự lưu thông đều phải dùng thủy lộ. Các đập cản trên các khúc sông quan trọng được dựng lên với sự tham gia của thanh niên làm việc hằng hái suốt ngày đêm và những trận kiểm soát được dựng lên cách năm ba trăm thước một chỗ,

Những tin tức hồi hộp tới tấp liên-liên, nhưng những điều tôi muốn biết, muốn hiểu hơn gì hết thì lại tuyệt nhiên chẳng có. Không ai thấu rõ tình cảnh của những người tinh nghi chánh trị bị bắt về Sóc-trăng đã ra sao ? Có người bảo là bị thủ tiêu hết rồi. Có kẻ lại nói hiện thời họ đang bị quản thúc tại một nơi nào đó ở Cà-mau.

(Còn nữa)

### TÌM VIỆC

Học-sinh Pétrus-Ký, đứng đắn, hòa-nhã, đã có Tú-Tài (Гоán), muốn xin dạy ở thực hoặc tư-gia từ đệ Tú trở xuống. Thư cho Võ-tăng-Thọ, 321, Lý Thái Tô (Cholon), nhờ chuyển giao cho Hạnh.



VIỆT-NAM

Qua



4.000 NĂM

CÁ ĐẠC

★ BÀ-TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ Nguyễn-Đức-Mến  
Vợ-Đạ — Huê

- 2756.— Tiếc cây dao vàng đem  
cắt cuốn và thâm.  
Tiếc hòn son-phương  
đem ngâm ao bùn.
- 2757.— Tiếc thay cây quế giữa  
rừng,  
Đáng cay không ai biết,  
ngọt giòn, không ai hay.
- 2758.— Tiếc tiền mua cá, cá won  
Mua rau, rau héo, mua  
người lững lờ.
- 2759.— Tiếng đồn anh hay chữ,  
Cho em hỏi thử một đôi  
lời  
Ai đào sông cho cá lội,  
Ai chống trời cho chim  
bay.

- 2760.— Tiếng đồn anh hay chữ  
văn-chương.  
Cho em hỏi thử: cỏ trên  
đường mấy cây.
- 2761.— Tôi đã biết vợ anh rồi,  
Quần - quần tóc trán là  
người hay ghen,
- 2762.— Tốt số lấy được chồng  
chung,  
Lương vua khỏi đóng,  
áo chồng khỏi may.
- 2763.— Từ khi bước cẳng xuống  
thoàng,  
Bao nhiêu sóng dợn  
thương chẳng bấy nhiêu?
- 2764.— Tôi ở cùng mẹ cùng cha,  
Mẹ cha nâng giấc như  
hoa trên cành.  
Bấy giờ tôi ở cùng anh.

- Anh tham nhan sắc, anh  
đánh phụ tôi.
- 2765.— Từ khi em về làm dâu,  
Anh thì dẫn trước bảo  
sau mọi lời:  
Mẹ già dữ lắm em ơi!  
Nhịn ăn, nhịn mặc,  
nhịn lời mẹ cha;  
Nhịn cho nên cửa nên  
nhà  
Nén kẻo, nén cột; nên  
xà làm vòng;  
Nhịn cho nên vợ nên  
chồng,  
Thì em coi sóc lấy trong  
cửa nhà.
- Đi chợ thì chợ ăn quà,  
Đi chợ thì chợ dần dà  
ở trưa,  
Dầu ai bảo đợi, bảo chờ,  
Thì em nói dối con thơ  
em về.
- 2766.— Từ khi ăn phải miếng  
trầu  
Miếng ăn: môi đỏ, da  
sầu dâm chiêu.  
Biết rằng thuốc dẫu  
hay là bùa yêu  
Làm cho ăn phải nhiều  
điều xót xa  
Làm cho quên mẹ, quên  
cha  
Làm cho quên cả đường  
ra lối vào  
Làm cho quên cả dưới  
ao  
Quên sông tắm mát,  
quên sao trên trời  
Đất bụi mà nên chim  
trời.
- Ông Tô bà Nguyệt xe  
đầy, xe độ nửa vôi ra dậu.  
Cho nên cá chẳng bén  
câu,  
Lược chẳng bén dậu,  
chỉ chẳng bén kim.  
Thương nhau nên phải  
đi tìm,  
Nhớ nhau có lúc như  
chim lạc đàn.
- 2767.— Tham giàu phụ khó ai  
khen,  
Đã như con châu châu  
rạng mặt bóng đèn bay vô.
- 2768.— Tháng giêng là tháng ăn  
chơi,  
Tháng hai trồng dậu  
trồng khoai trồng cà  
Tháng ba thì đậu đã già  
Ta đi ta hái về nhà phơi  
khô  
Tháng tư đi tậu trâu bò  
Đề ta sắm sửa làm mùa  
tháng năm  
Sớm ngày đem lúa ra  
ngâm  
Bao giờ mọc mầm ta sẽ  
vớt ra  
Gánh đi ta ném ruộng ta  
Đến khi lên mạ thì ta  
nhỏ về  
Lấy tiền mượn kẻ cấy  
thuê  
Cấy xong rồi mới trở về  
nghỉ ngơi  
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,  
Nước ruộng vơi mười  
còn độ một hai.  
Ruộng thấp đóng một gào  
giải,  
Ruộng cạn thì phải đóng  
hai gào sóng.

Chờ cho lúa có đòng  
 đòng  
 Bấy giờ ta sẽ trả công  
 cho người  
 Bao giờ cho đến tháng  
 mười  
 Ta đem liềm hái ra ngoài  
 ruộng ta  
 Gặt xong ta hái về nhà  
 Phơi khô quạt sạch ấy  
 là xong công,  
 2769.— Thần em như cái bông  
 quỳ  
 Ngó thời tốt dạng, người  
 thì không thơm  
 2770.— Thần thơ dưới bóng  
 mai già  
 Hỏi thăm ông Nguyệt  
 có nhà hay không?  
 2771.— Thấy em đẹp nói đẹp  
 cười  
 Đẹp người đẹp nét lại  
 tươi răng vàng  
 Vẻn vẹn anh gởi thơ  
 sang  
 Tinh cờ anh quyết lấy  
 nàng mà thôi  
 2772.— Theo nhau cho trọn  
 đạo trời  
 Dâu mà không chiếu  
 trải toi mà nằm  
 2773.— Theo anh cho ấm tấm  
 thân  
 Khỏi qua nạn nạn khỏi  
 làn dèo kia  
 2774.— Trước bờ thương kẻ  
 ăn đống  
 Có chồng thương kẻ  
 nằm không một mình  
 2775.— Thuyền ngược hay là  
 thuyền xuôi

Thuyền về Nam Định  
 cho tôi về nhỏ  
 — Con gái chỉ nói ởm ở  
 Thuyền anh chạt chội  
 còn nhờ làm sao?  
 2776.— Thuyền quỳn wóm hỏi  
 anh đào  
 Chữ tình chữ hiếu chữ  
 nào nặng hơn.  
 2777.— Thường ngày đọc sách  
 giảng kinh  
 Hiếu trung trọn đạo,  
 hơn chung tình đời ta  
 2778.— Thương người khác  
 thể thương thân  
 Ghét người khác thể  
 đồ phân cho người  
 2779.— Thương người, người  
 chẳng thương ta.  
 Muối kia đồ biển mặn  
 đã có nơi  
 2780.— Thương nhau cởi áo  
 cho nhau  
 Về nhà mẹ hỏi qua cầu  
 gió bay,  
 — Tại mẹ may áo rộng  
 tay  
 Con quên gài nút gió  
 bay mất rồi  
 2781.— Thương con heo nèn  
 chi em mới đeo cột chuỗi  
 Bôi con muối nên chi  
 tiếp phải xỏ mùng loan  
 Tại vì chàng nên chi  
 tiếp bị đòn oan  
 Chàng ơi! chàng không  
 tình tiếp đó:  
 Thân phụ tiếp đánh  
 tiếp đầu lần oan hãy còn  
 (Còn nữa)

# ĐÁP BẠN

## BỐN

# PHƯƠNG



### \* BẠCH-YẾN

- \* **Cô Nguyễn thị Diễm Chi — đường Lê Lợi — Huế**  
 1) Muốn đậu cử nhân trước hết phải có bằng Tú tài toàn phần rồi mới thi vào các trường Đại học.  
 2) Trong phạm vi nhỏ hẹp của mục này không thể trình bày đầy đủ về hai chế độ Dân chủ và Cộng hòa vì đó là một vấn đề khá dài. Chúng tôi sẽ đề cập đến trong một bài riêng.  
 3) *Thế vận hội* là tổ-chức vận động điền kinh chung cả thế giới (quốc tế) *Á vận hội* là riêng của các dân tộc Á châu.  
 4) *Kinh đô* hay *Thủ đô* cũng thế, kinh đô theo nghĩa xưa là nơi nhà vua đóng đô, ngày nay đã mất ý nghĩa ấy.
- \* **Bạn Trần-d-Trung — Huế**  
 Những bài vở gởi lại tòa báo chỉ viết một mặt giấy để tiện việc kỹ thuật sắp chữ.
- \* **Bạn Bằng — Văn — đường Nguyễn an Ninh — Vũng tàu**  
 Ông N.V. không có học trường Võ bị Thủ Đức!
- \* **Bạn Quang Trinh — học sinh Kỹ Thuật — Sài Gòn**  
 Không nên lấy bút hiệu của các nhà Văn sĩ thi sĩ khác hiện còn sống, hoặc đã chết.
- \* **Thượng sĩ Bùi Chánh Giáo — k. b. c : 6077**  
 Ông nên làm đơn đến Cơ quan Hành Chánh nào đã cấp thẻ kiểm tra cho ông đề xin sửa lại.

★ **Cò Thu Văn -- Châu Đốc**

Jamais : Không bao giờ

Phốt-tơ-đơ-lét : Foster Dulles (tên của ngoại trưởng Mỹ vừa mới từ trần)

A-lê-húp-lăn-xê : allez, húp ! lancez !

★ **Bạn Vũ-xuân-Dung -- học-sinh Trần-hưng-Đạo -- Đà-Lạt**

Không thể dựa vào bài «Tiền-xích-Bích» mà giảng nghĩa «Mỹ nhân» là ông vua được. Mỹ hơn chỉ có nghĩa là người đẹp mà thôi.

★ **Bạn T.T.T. -- Huế.**

Chúng tôi sẽ cho đăng các bài «Học làm người» trong mục xã-giao theo lời yêu cầu của bạn,

★ **Bạn Nguyễn-hoàng-Quán -- Sinh-viên -- Huế.**

Thành thực cảm ơn những ý kiến xây dựng của bạn.

★ **Bạn P.CIT. -- đường Trịnh-minh-Thế -- Nha-Trang.**

1) *Leonardo da Vinci* (*Léonard de Vinci*) : họa-sĩ, điêu-khắc-gia, kỹ-sư, bác học người Ý. Sinh tại Toscane năm 1452, chết năm 1515,

2) Các hiệu sách Sài-gòn không có bán quyển «*Paradise Lost*»

3) Các bản nhạc *Symphonie* danh-tiếng nhất.

*Symphonie héroïque*, của Beethoven.

*Symphonie pastorale*, — Beethoven.

*Symphonie tragique* — Schubert,

*Symphonie rhénane* — Schumann.

*Symphonie fantastique* — Berlioz.

*Symphonie alpestre*, — Richard Strauss.

*Symphonie italienne*, — Mendelssohn.

*Faust - symphonie*, — Liszt,

v.v. . . .

4) Chuyện trinh thám *The Hound of the Baskervilles* rất hay nhưng không thể nói rằng «hay nhất từ trước tới nay.» Điều đó tùy theo sự thưởng thức của mỗi người,

5) Vài tác phẩm nổi danh của Platon :

Về triết-lý : quyển *Apologie de Socrate* hay nhất.

Về chính-trị : quyển *La République*.

Về văn-nghệ : quyển *Le Phèdre et le Banquet* v.v.,.

6) Bạn cứ gửi các chuyện ngắn ngoại-quốc dịch ra

văn cho chúng tôi xem, sẽ định đoạt sau.

★ **Em Trần-thanh-Ngọc -- Chấn -- Hưng -- Quảng-Ngãi.**

1) Ông CẦN-CHÁNH trong bài «Vết son trên má tiêu-thư» chính là ông NGUYỄN-THÂN ở Phú-Thọ (Quảng-Ngãi.)

2) Tiêu-thuyết của Vũ-trọng-Phụng ai cũng có thể xem được.

3) Bài thơ «Sương Rơi» của N.V sẽ có trong tập thơ «Hoang Vu» sắp xuất-bản.

★ **Bạn Lê-thành-Nhân -- Long-Xuyên.**

Giáo-sư Bửu-Hội thỉnh thoảng về Sài-gòn, ở số 82, đường Bùi thị Xuân Saigon

★ **Bạn Hồ-minh-Đức -- T.T.B -- Phan-Rí.**

Từ trước đến nay các báo chí ngoại-quốc ít nói đến Văn-Chương Việt Nam vì lẽ Việt-ngữ chưa được thông dụng ở ngoại-quốc nên ít có người ngoại quốc dịch ra ngoại ngữ.

★ **Bạn Nguyễn ngọc Nghinh -- học sinh -- Huế**

1) Vàng, ông N.V chính là tác giả bài tựa cuốn «Phật giáo với Văn minh Âu Tây» của bác sĩ André Migot.

2) Bạn nên viết thư đến Bộ canh Nông hỏi có lẽ sẽ biết đầy đủ hơn,

★ **Em Kim Chương -- trường Bán Công -- Huế**

Vì bạn việc nên chúng tôi tạm gạt loại bài ấy một thời gian, Thành thực cảm ơn thư em,

★ **Bạn Lê quốc Toán -- Sĩ**

Bạn có thi tứ dồi dào, nhưng cần phải chỉnh đốn văn và điệu, chớ làm thơ Đường luật và song thất lục bát mà lạc văn thi không được, Bạn cố gắng sẽ thành công.

★ **Bạn Hà văn Phúc -- Nha trang**

*Người Tây* : là người ở Tây Phương sang. Hồi trước dân ta thấy người Pháp ở Tây Phương qua nên gọi là người Tây  
*Người Pháp* : chữ «Pháp» là nói tắt của chữ *Pháp lang Sa* phiên âm của chữ «France» (Phờ-răng-sơ) Nói «*người Pháp*» là đúng theo danh từ hơn,

★ **Ông Lê lâm Kỳ -- Thốt Nốt**

1) Đông kinh nghĩa thực

*Đông kinh* : là tên của kinh đô Hà nội hồi trước, Cũng do đó mà người Pháp gọi Bắc Việt là Tonkin,

*Nghĩa thực* : là trường dạy làm nghĩa, không lấy học phí

2) Câu ông hỏi đúng là như vậy : « Làm chính trị sai thì hại một nước, làm văn hóa sai thì hại muôn đời »

3) Các bức tranh vui đề « *nụ cười ngoại quốc* » vì các tranh ấy trích trong các báo ngoại quốc.

4) *Phong trào cần vương* là các phong trào tranh đấu làm hậu thuẫn cho vua Hàm Nghi và vua Duy Tân.

5) Hai ông Thạch Lam (Nguyễn tường Lân) và Hoàng Đạo (Nguyễn tường Long) là hai anh em

6) Ông Nhất Linh đẩu cử nhân khoa học, song không phải là người đẩu cử nhân đầu tiên của nước ta.

7) Quyền « *Dòng nước ngược* » của Tú Mỡ

★ **Em Hà văn Minh — An Giang**

Khi nào tập thơ « *Hoang vu* » của ông N.V. xuất bản, chúng tôi sẽ tin cho em hay.

★ **Bạn Khương Lam — đường Cô Bắc — Saigon**

Xin cảm ơn những ý kiến xây dựng của bạn, Các bài thơ chúng tôi đang xem.

★ **Bạn Hoài Nam — Khánh-Hòa.**

Bị bệnh đau tim có thể tập thể dục được, nhưng không nên tập nhiều và tránh những cử động mạnh.

★ **Bạn V.Đ Đái — Quốc học — Huế.**

Bạn cứ gửi bài đến cho chúng tôi xem. Phổ-Thông luôn luôn khuyến khích những người có thiện chí như bạn.

★ **Ông Huỳnh-văn-Đệ — Phan-Rang.**

1) Câu « *Không phải chuồng ngựa của Augias và cũng không cần đến một Hercule để quét dọn với cả một dòng sông lớn* » trong bài xã thuyết số 16, là theo điển tích Hy-Lạp : Vua Augias (xin đọc là Ô-gi-Ass) của xứ Euclide có một chuồng ngựa 3.000 con, mà 30 năm không rửa chuồng, không ai quét dọn được vì phân ngựa chổng chất như núi, sau phải nhờ đến chàng lực sĩ Achille, chàng phải đem cả dòng sông Alpheé vào tưới và rửa ba chục ngày mới sạch. Chuyện cổ tích đó rất được thông dụng trong văn-chương Âu-Mỹ để nói về những sự cải cách cần kíp và khó khăn.

2) **Tinh thần thiếu máu** : máu đây là dùng nghĩa tượng-trưng cho sức mạnh, và sự linh động. Văn chương quốc tế hiện nay rất thích lối điển-tả tượng-trưng ấy.

3) Những sơ sót về ấn-loát, mong bạn đọc thông cảm cho vì nhà báo không làm sao sửa cho hết được, và nhiều khi không thể nào đính chánh kịp.

4) Trang-Tử là học trò LÃO-TỬ sắp lộn là KHỔNG-TỬ. nhờ bạn đọc tự sửa giùm.

5) Công Chúa Như Mai trong PHỔ-THÔNG số 14 chính là một cô đầm lai vì mẹ cô là người Pháp.

6) Rất tiếc trong tòa soạn không ai có thì giờ rảnh để được hân hạnh biên thư riêng cho ông. *Thân mến chào ông.*

★ **Bạn Trần-anh-Thọ — đường Mai-thúc-Loan — Huế.**

1) Chàng thanh-niên chụp hình chung với cụ Huỳnh-thúc-Kháng và Cụ Phan-bội-Châu trong Phổ-Thông bộ cũ, là N. V.

2) Thư : là một bức thư, theo chữ THU của Hán-tự.

Thơ : là một bài thơ, theo chữ THI Hán-tự.

Hoan-hỷ : là vui mừng.

2) Thượng-Đế : là một danh-từ tượng-trưng một vị chúa tể chung của vạn vật, chứ không có nghĩa là một người có chân tay mặt mũi. Theo Tàu thì đức Thượng-Đế đó là NGỌC-HOÀNG, người Pháp thì gọi là DIEU, người Anh, người Mỹ thì gọi là GOD.

★ **Bạn Nguyễn-Việt — Xuân Lộc.**

Viết xong một bản thảo muốn in thành sách phải đánh máy 3 bản để đem kiểm duyệt ở Bộ thông tin; phòng kiểm duyệt sách.

★ **Bạn Văn-thành-Lâm — đường Lê-trung-Đình — Quảng Ngãi**

Bài « Một người Pháp làm vua tại miền rừng núi V.N » đăng trong Phổ-Thông bộ cũ 1953, tài liệu không được đầy đủ vì hoàn-cảnh lúc đó không thuận tiện cho việc kê cứu

★ **Bạn Nguyễn-hữu Yến-Lai — Quảng-Ngãi,**

Thành-thực cảm ơn thư bạn. Rất tiếc bài « Bút ký » không đăng được. Bạn gửi cho các loại bài khác chưa đựng ý từ dồi dào hơn.

★ **Em Bửu-Đông — học sinh — Huế.**

Muốn tặng số PHỔ-THÔNG Thu cho các bạn ở xa, em nên coi kỹ thể lệ đăng ở trang đầu của số này.

- ★ **Bạn Phạm Quốc Nam — Saigon**  
(*Sic*) là chữ La tinh, nghĩa là *dùng như thế* (Tiếng Pháp dịch là *Ainsi*, tiếng Anh là *So*). Chữ (*Sic*) chỉ dùng trong hai dấu ngoặc, sau một câu hay một chữ chép đúng y nguyên văn, hay y theo lời nói.
- ★ **Em Trần ngọc Nga — đường Hùng Vương — Định Tường**  
Thành thực cảm ơn cảm tình của em đối với chị — Rất tiếc chị không có sẵn ảnh để tặng em. Vàng, nếu có dịp đi Định Tường chị sẽ ghé thăm em.
- ★ **Em Nguyễn văn Học-Xuyên — Qui Nhơn**  
Xin cảm ơn những ý kiến xây dựng của em.
- ★ **Bạn Thương Hà — Pleiku**  
Bạn có thể gửi cho chúng tôi bài khác.
- ★ **Bạn Bon Vỹ — Chí Hòa**  
Cô Diệu Huyền không ở thường trực trong tòa soạn. Xin bạn gửi bài nói về cái chết của Khải Hưng cho chúng tôi xem.
- ★ **Một độc giả ở Phong Dinh**  
Rất tiếc chúng tôi không được biết rõ về vụ án của nhà Đạo diễn Tống ngọc Hạp.
- ★ **Bạn Văn Hà — Nha trang**  
Khi một người nhỏ tuổi được một người lớn tuổi bắt tay, người nhỏ tuổi cũng chỉ bắt một tay và khẽ nghiêng mình với vẻ cung kính mà thôi. Không cần đưa cả hai tay ra.
- ★ **Bạn Lý văn Tỷ — đường Nguyễn thiện Thuật — Saigon**  
Chữ *Ziên Hồng* hay *Lê-bá-Kông* là những lối viết riêng, có lẽ nhiều người muốn có một lối viết tên riêng biệt nên mới đặt như thế, thật ra trong văn Việt Nam không có mẫu tự Z. Về «i» và «y» bạn nên xem lại Phô Thông số 13 trang 126 cũng trong mục này.
- ★ **Bạn Thiện Sinh — Đà Nẵng**  
Bài *Nguyễn Huệ hội kiến với La Sơn phu tử* rất tiếc bạn gửi trễ đã có bài của bạn Phong Cầm đăng trước rồi. Thành thực cảm ơn.

## TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ẤM VÀ DƯƠNG LỊCH

- ★ **Ông Hoài-Lan — k. b. e 4522:**  
Ngày 20 tháng chạp âm-lịch năm Nhâm-Thân tức là ngày

- chúa nhật 15 tháng giêng năm 1933.
- ★ **Ông Kim-Huyền — Bến ngự Huê.**  
Ngày 13-10-1940 DL : 13-9 âm lịch, ngày Kỷ-Sửu, tháng Bình-Tuất, năm Canh-Thìn.  
Ngày 23-1-1942 DL : 7-12 âm lịch, ngày Bình-Tý, tháng Tân-Sửu, năm Tân-Tị.  
Ngày 28-1-1945 DL : 15-12 âm-lịch, ngày Đinh-Dậu, tháng Đinh-Sửu năm Giáp thận.
- ★ **Ông Lê-hoài-Diên — Tịnh Tâm — Huế**  
Ngày 25-2 âm-lịch năm Ất-Hợi nhằm ngày Thứ sáu 29-3-1935
- ★ **Ông Nguyễn Xuân-Chi — Phan Rí.**  
Ngày 12-9-1940 nhằm ngày Thứ năm 12-9-1940 DL và ngày 11-8 năm Canh-Thìn, tháng Ất-Dậu. ngày mậu ngọ âm-lịch.
- ★ **Ông Thái-văn-Thỉnh — đường Cô-Bắc — Saigon.**  
Ngày 19-3-1940 là ngày 11-2 âm-lịch năm Canh-Thìn, tháng Kỷ-mão, ngày Tân Dậu.
- ★ **Ông B.L. Viết Diễm — đường Nguyễn-công-Trứ — Huế.**  
Những năm : Canh-Thìn, Bình-Ngo, Kỷ-mùi, Đinh-Sửu, Giáp-Tuất, Nhâm-Ngo và Đinh-Hợi ông hỏi, chúng tôi không hiểu ông muốn biết về năm nào. Thí dụ như năm Canh-Thìn, nếu ở thế kỷ XX này thì là năm 1940 DL, nếu ở thế kỷ trước thì lại là năm 1880 và nếu ở thế kỷ sau thì là năm 2.000.  
Chúng tôi xin trả lời cho ông về thế kỷ này.  
Ngày 26-2 âm lịch năm Canh Thìn : Mercredi 3 Avril 1940  
Ngày 5-4 âm lịch năm Bình Ngọ : Samedi 28 Avril 1906  
Ngày 23-1 Kỷ-Vị : Dimanche 23 Février 1919  
Ngày 18-8 năm Đinh Sửu : Mercredi 22 Septembre 1937  
Ngày 18-8 năm Giáp Tuất : Mardi 25 Septembre 1934  
Ngày 2-12 năm Nhâm ngọ : Jeudi 7 Janvier 1943  
Ngày 1-5 năm Đinh Hợi ; Mardi 19 Juin 1947
- ★ **Ông Văn Khuyến — k. b. e. 6.077**  
Ngày 11-11-1937 nhằm ngày mồng 9-10 năm Đinh Sửu, tháng Tân Hợi, ngày Nhâm dần.
- ★ **Ông Bùi Chánh Giáo — k. b. e. 6077**  
Ngày 15-3 âm lịch năm Bình Tý : Lundi 6-4-1936  
Ngày 25-3 âm lịch năm Bình Thân : Samedi 5-5-1956
- ★ **Một độc giả — k. b. e. 4735**  
Ngày 12-7-1929 dương lịch nhằm ngày mồng 6-6 năm Kỷ Tỵ, tháng Tân Vị ngày Mậu Ngọ

- ★ Ông Trịnh Hữu Ân k. b. c. 4423  
Ngày 24-4 âm lịch năm Bình Tý : Samedi 13 Juin 1936
- ★ Bạn Phan minh Thơ — Xã Bình Phú - Quận Cai Lậy — Định Tường  
Ngày 15-10 âm lịch năm Mậu Ngọ : Lundi 18-11-1918 D.L.  
Ngày 16-2 âm lịch năm Tân Tỵ . Jeudi 13-3-1914 D.L.  
Ngày 25-9 âm lịch năm Nhâm Ngọ : Mardi 3-11-1942 D.L.  
Ngày 23-7 âm lịch năm Canh Dần : Mardi 5-9-1950 D.L.
- ★ Bạn T. T. T. — Huế  
1) Ngày 21-1 năm Canh Thìn tức ngày 28-2-1940 D.L ngày Tân Sửu, tháng Mậu Dần, ngày thứ tư (Mercredi)  
2) Ngày 7-2-1940 là ngày 30-12 năm Kỷ Mão, tháng Đinh Sửu, ngày Canh Thìn.
- ★ Bạn Trần đình Trung — Huế,  
1) Ngày 7-6-1943 tức là ngày 5-5 âm-lịch, ngày Bình Thân, tháng Mậu Ngọ.  
2) Ngày 21-1-1921 là ngày 13 tháng chạp năm Canh Thân, tháng Kỷ Sửu, ngày Giáp Thân.
- ★ Em Lâm gia Khánh — Hội An.  
Ngày mồng 9 tháng 5 âm lịch năm Tân Ty tức ngày Thứ ba 3-6-1941 Dương lịch.
- ★ Ông Hà văn Thạch — Qui Nhơn  
Ngày 7 tháng 5 âm lịch Canh Thìn = Mercredi 12-6-1940  
Ngày 9 tháng 10 âm lịch năm Tân Ty = Mardi 27-11-1941  
Ngày 10 tháng 6 âm lịch năm Nhâm Ngọ = Mercredi 22-7-1942  
Ngày 22 tháng 9 âm lịch năm Ất Hợi = Samedi 19-1-1936
- ★ Ông Ngô đức Vinh — Quảng Trị  
— Ngày 2-2 1920 = 13-12 âm lịch năm Kỷ Vị, tháng Đinh Sửu ngày Canh Dần  
— Ngày 2-2 1928 = 11-1 âm lịch năm Mậu Thìn, tháng Giáp Dần, ngày Nhâm Thân  
— Ngày 2-2-1929 = 29-12 âm lịch năm Mậu Thìn, tháng Ất Sửu, ngày Mậu Dần
- ★ Ông Ngô anh Vũ — đường Triệu Đà Cholou  
Ngày 15-2 âm lịch năm Mậu Dần nhằm ngày Thứ tư 16-3-1938 Dương lịch
- ★ Ông Nguyễn quang Huệ — Đà Nẵng  
Ngày 25-10 âm lịch năm Giáp Tuất nhằm ngày Thứ bảy 1-12-1934.

- ★ Một bạn đọc ở Huế.  
Ngày 25-4 âm lịch năm Canh Thìn là ngày Thứ Sáu 31-5-1940 Dương lịch.

NGUYỄN TRIỆU

## BẠN ĐỌC VIỆT

- ★ Nỗi lòng của nhà giáo  
của ông X... Ty tiểu học — Kiến hòa
- 1) Theo ông bà ta từ ngày xưa « Yêu con cho voi cho vọt », đánh đề dạy dỗ chứ không phải thù oán, hay đánh đề phục thù rửa hận.
- 2) Lời giáo dục ngày nay, đánh tức là uy hiếp làm cho giảm sự thông minh.
- Nhìn hai điểm phương pháp giáo dục trên đây, chúng ta phải nhìn nhận lối giáo dục ngày nay có nhiều ưu điểm, tập cho trẻ em có quan niệm rõ ràng về học vấn, học có lợi cho bản thân và phụng sự cho xứ sở về sau.
- Nhưng đối với một số các học sinh rất bướng bỉnh, gặp thầy để dãi lờn mặt, vô lễ đối với thầy, nếu thầy viết thơ về nhà kể như không, ít có cha mẹ nào quan tâm đến học vấn của con, cho đi học có chừng mà thôi. (Đây là kinh nghiệm của chúng tôi, đã phục vụ các miền quê hẻo lánh)
- Một nhà giáo có lương tâm chức nghiệp, gặp các ông quý tử này phải làm sao ? không lẽ « mặc kệ chúng bây, tao tới tháng bọ bạc về trao cho má bày trẻ đủ rồi » thì tương lai của nước Việt-Nam sẽ đi về đâu ?
- Nếu cảnh cáo nhiều lần không được, buộc lòng phải trừng phạt, rùi tay đánh có lần thì ông thầy phải nhận đủ chuyện, nào là đánh động phôi, sưng lá lách, gãy sườn v.v.. nhiều khi phải mất chức hay vào khám ngồi tù là khác.
- Vậy thưa ông, chúng tôi phải làm cách nào để cho trẻ thơ sau này trở thành những thanh niên ưu tú có đủ nghị lực để phụng sự cho xứ sở. Mong ông nêu lên báo đề các bạn

bốn phương cùng nhau trau dồi kinh nghiệm, đề phương pháp dạy dỗ càng ngày càng tiến. . .

★ Xin đăng ảnh

Của Bạn Phạm tùng Vinh — Tịnh Tâm — Huế

Sao ông ích kỷ vậy ! Ông không muốn đọc giả biết mặt ông à ! Hay vì ông già nên không muốn cho đọc giả ở xa biết chữ gì ? Hay ông chụp ảnh không đẹp ? Một việc dễ dàng như thế mà ông không chịu được, không làm vừa lòng đọc giả ư ?... »

★ Xin đừng đăng ảnh

Của ông Huỳnh văn Đệ — giáo viên trường Bồ Đề — Phan Rang

« ... Đừng bao giờ đăng ảnh ông, và qui vị trong bộ Biên tập, cùng nói về đời tư của mỗi người, làm như thế có tính cách quảng cáo... »

★ Của Bạn Phan hồng Nghĩa — Nha-trang.

Tôi không hiểu tại sao người ta lại đặt QUẢNG - BÌNH, QUẢNG TRỊ, Thừa Thiên, QUẢNG-NAM, QUẢNG - NGÃI B.nh định, Phú-Yên.

1) Tại sao người ta không đặt Quảng-bình, Thừa-thiên, Quảng-Nam Bình-định, Quảng-Ngãi, Phú-yên, Quảng-trị. (1 quảng, 1 không quảng).

2) Tại sao không đặt Quảng-bình, Quảng-trị, Quảng-Nam, Quảng-ngãi, Thừa-thiên, Bình-định, Phú-yên (cả 4 quảng).

Rồi đem đặt 2 quảng (Bình-trị) trước Thừa-thiên 2 quảng (Nam, Ngã) sau Thừa-thiên, rồi chả thấy có quảng nào trong này nữa. Như vậy 2 quảng trước và 2 quảng sau kèm Thừa-thiên ở giữa ý nghĩa gì vậy. Tại sao người ta như vậy. Có lẽ ông đọc xong đều thắc mắc của tôi trên đây. Ông sẽ vui cười chả trách tổn thì giờ để trả lời cho một đọc giả Phê-Thông đang mong đợi.

ĐÁP. — Việc đặt tên tỉnh Quảng bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, hai bên tỉnh Thừa-Thiên (thừa theo mệnh Trời = nơi vua đóng đô) có lẽ là có ý nghĩa tôn quân, theo quan-niệm quân-chủ thời xưa.

★ Phụ-nữ An-Giang không có đá banh!

Của một đọc-giả ở Long-Xuyên.

Trong số Phê-Thông 16 ra ngày 30-7 nhận thấy ở mục An-giang xưa và nay ông Thái-văn-Kiểm sưu tầm tài liệu và nghiên cứu rất tỉ mỉ điều ấy chúng tôi công nhận,

Nhưng ở đoạn ông so sánh phụ-nữ An-giang ngày xưa và ngày nay có sai một điểm mà điểm sai ấy không riêng gì ông mà cả báo chí nữa cũng vấp phải.

Tôi đồng ý với ông An-giang có những thiếu nữ chơi Accor-déon, chẳng những thế mà còn chơi trompette, flute nữa kia, nhưng mà phụ nữ đá banh thì không tốt.

Trận đấu bóng tròn diễn ra trong năm 1958 tại sân Cộng-Hòa An-giang, là do 2 đội « nữ tướng » của quận Kiên-tân và Giồng-Riêng, tỉnh Kiên-giang chứ không phải của An-Giang.

Hai đội này xuất quân lần đầu tiên và chọn An-giang làm « thao trường » để ăn thua đủ.

Vậy nhờ ông đính chính hộ kẻ phụ nữ An-Giang lại mang tiếng oan là biết đá banh...

Nơi đáng tin cậy của các bạn yêu  
nghệ-thuật nhiếp-ảnh :

## Quán ĐÔ-THÀNH

Quán 23, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Sài-gòn

— Nhận rửa, in, rọi các cỡ hình ảnh đen trắng và màu EKTACHROME.

— Nhận đi chụp ảnh các nơi đám tiệc, lễ-lạc, ảnh quảng-cáo, ảnh phóng-sự v.v...

— Chụp lại các giấy tờ, tài-liệu, hình ảnh cũ ra mới.

— Mua, bán, sửa-chữa các loại máy ảnh, máy quay phim, chiếu.

— Bán phim, thuốc, giấy (có bán lẻ cho người muốn rửa hình lấy).

— Phát-hành các loại ảnh tài-tử Việt-Nam và Quốc-Tế.

— Sản-xuất các loại ảnh danh-lam thắng-cảnh Việt-Nam.

Chúng tôi lúc nào cũng sẵn-sàng để chỉ-dẫn các bạn mới chơi ảnh.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA  
 ~~~~~  
 NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
 KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ

ĐÔ THỊ

*Trực.thuộc Phủ Tổng Thống*

*Sở Xổ - Số Kiến - Thiết*

THÔNG CÁO

**Sở Xổ Số Kiến-Thiết trên trọng thông cáo**

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ-số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

**CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG**

|             |                            |             |
|-------------|----------------------------|-------------|
| 1           | lô Độc-Đặc trúng . . . . . | 1.000.000\$ |
| 5           | lô trúng . . . . .         | 100.000\$   |
| 5           | — . . . . .                | 50.000\$    |
| 60          | — . . . . .                | 10.000\$    |
| 200         | — . . . . .                | 5.000\$     |
| 1.000       | — . . . . .                | 1.000\$     |
| 1.000       | — . . . . .                | 500\$       |
| 10.000      | — . . . . .                | 100\$       |
| 55 lô an ủi |                            | 2.000\$     |

Tổng cộng : 12,326 lô trúng.

Saigon, ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ-Số KIẾN-THIỆT

K. D. số : 197/HĐKD — Saigon, ngày 19-8-1959

In lại nhờ in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

Ngày 1-10-1959

sẽ ra đời  
 một tuần báo mới :

**NGÀY MỚI**

*trào-phúng, xã-hội, văn-nghệ,*  
 ĐƯA RA ÁNH SÁNG  
*nhiều cái mù quáng*  
*nhiều cái lỗ-lãng*  
*nhiều cái ngao-ngán*  
*nhiều cái lãng-nhãng...*



Chủ - trương :

HOÀNG - PHỔ và NGUYỄN - VỸ